

Phụ lục IV

**BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU, PHƯỜNG RẠCH DỪA, PHƯỜNG TAM THẮNG,
PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG, PHƯỜNG BÀ RỊA, PHƯỜNG TAM LONG, PHƯỜNG LONG
HƯƠNG, PHƯỜNG PHÚ MỸ, PHƯỜNG TÂN HẢI, PHƯỜNG TÂN PHƯỚC, PHƯỜNG TÂN
THÀNH, XÃ NGÃI GIAO, XÃ KIM LONG, XÃ CHÂU ĐỨC, XÃ XUÂN SƠN, XÃ NGHĨA
THÀNH, XÃ BÌNH GIÃ, XÃ ĐẤT ĐỎ, XÃ LONG ĐIỀN, XÃ PHƯỚC HẢI, XÃ LONG HẢI, XÃ
HỒ TRÀM, XÃ XUYỀN MỘC, XÃ HÒA HIỆP, XÃ HÒA HỘI, XÃ BÌNH CHÂU, XÃ BÀU LÂM,
XÃ LONG SƠN, XÃ CHÂU PHA VÀ ĐẶC KHU CÔN ĐẢO**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BA CU	TRỌN ĐƯỜNG		94.100	56.460	47.050
2	BÀ HUYỀN THANH QUAN	TRỌN ĐƯỜNG		48.820	29.292	24.410
3	BÀ TRIỆU	LÊ LỢI	YÊN BÁI	48.820	29.292	24.410
	BÀ TRIỆU	YÊN BÁI	BA CU	32.900	19.740	16.450
	BÀ TRIỆU	LÊ LỢI	LÊ NGỌC HÂN	32.900	19.740	16.450
4	BẠCH ĐĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		46.320	27.792	23.160
5	CÔ BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		48.820	29.292	24.410
6	CÔ GIANG	LÊ LỢI, LÊ NGỌC HÂN	TRIỆU VIỆT VƯƠNG	48.820	29.292	24.410
7	DÃ TƯỢNG (P.THẮNG TAM CỬ)	TRỌN ĐƯỜNG		41.020	24.612	20.510
8	DƯƠNG VĂN AN	HOÀNG HOA THÁM	ĐÌNH TIỀN HOÀNG	48.820	29.292	24.410
9	ĐÀO DUY TỪ (P.THẮNG TAM CỬ)	TRỌN ĐƯỜNG		34.210	20.526	17.105
10	ĐÌNH TIỀN HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		46.320	27.792	23.160
11	ĐỒ CHIỂU	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÊ LAI	78.990	47.394	39.495
	ĐỒ CHIỂU	LÊ LAI	HÈM 120	46.320	27.792	23.160
	ĐỒ CHIỂU	HÈM 120	ĐOẠN CÒN LẠI	34.210	20.526	17.105

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
12	ĐOÀN THỊ ĐIỂM	TRỌN ĐƯỜNG		42.160	25.296	21.080
13	ĐỒNG KHỞI	TRỌN ĐƯỜNG		46.320	27.792	23.160
14	ĐƯỜNG LÊN BIỆT THỰ ĐÔI SỨ	TRẦN PHÚ	NHÀ SỐ 12/6A	40.400	24.240	20.200
	ĐƯỜNG LÊN BIỆT THỰ ĐÔI SỨ	TRẦN PHÚ	NHÁNH ĐƯỜNG LÊN BIỆT THỰ ĐÔI SỨ	41.020	24.612	20.510
15	ĐƯỜNG VÀO XÍ NGHIỆP QUYẾT TIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		29.380	17.628	14.690
16	ĐƯỜNG VEN BIỂN HẢI ĐĂNG	ĐƯỜNG 3/2	CẦU CỬA LẤP	41.020	24.612	20.510
17	HẠ LONG	TRỌN ĐƯỜNG		146.310	87.786	73.155
18	HẢI ĐĂNG	HẠ LONG	SỐ 5 (NHÀ NGHỈ LONG AN CŨ)	41.020	24.612	20.510
	HẢI ĐĂNG	SỐ 5 (NHÀ NGHỈ LONG AN CŨ)	ĐỀN HẢI ĐĂNG	52.000	31.200	26.000
	HẢI ĐĂNG	NGÃ 3	TƯỢNG CHỨA	52.000	31.200	26.000
	HẢI ĐĂNG	HÈM HẢI ĐĂNG		52.000	31.200	26.000
19	HỒ ĐẮC DI	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	DƯƠNG VĂN AN	42.160	25.296	21.080
20	HỒ QUÝ LY	TRỌN ĐƯỜNG		41.020	24.612	20.510

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
21	HẸM CỦA ĐƯỜNG HỒ QUÝ LY (THUỘC KHU NHÀ Ở TẬP THỂ KHÁCH SẠN THÁNG MƯỜI)			42.160	25.296	21.080
22	HỒ XUÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		34.210	20.526	17.105
23	HOÀNG DIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		80.200	48.120	40.100
24	HOÀNG HOA THÁM (P.2 CŨ, P.3 CŨ, PHƯỜNG THẮNG TAM CŨ)	THUYẾT VÂN	VÕ THỊ SÁU	94.100	56.460	47.050
	HOÀNG HOA THÁM (P.2 CŨ, P.3 CŨ, PHƯỜNG THẮNG TAM CŨ)	ĐOẠN CÒN LẠI		80.200	48.120	40.100
25	HOÀNG VIỆT (P.6 CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		32.050	19.230	16.025
26	HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		60.790	36.474	30.395
27	HUYỀN KHƯƠNG AN	TRỌN ĐƯỜNG		42.160	25.296	21.080
28	HUYỀN KHƯƠNG NINH	TRỌN ĐƯỜNG		42.160	25.296	21.080
29	HUYỀN THỨC KHÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		65.650	39.390	32.825
30	KỶ CON	TRỌN ĐƯỜNG		42.160	25.296	21.080
31	KỶ ĐỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		29.380	17.628	14.690
32	LA VĂN CẦU	TRỌN ĐƯỜNG		73.300	43.980	36.650

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẴN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
33	LẠC LONG QUÂN	VÕ THỊ SÁU	HẾT PHẦN ĐẤT GIAO CÔNG TY PHÁT TRIỂN NHÀ	41.020	24.612	20.510
34	LÊ HỒNG PHONG	LÊ LỢI	THUYỀN VÂN	65.650	39.390	32.825
35	HẸM 05 LÊ HỒNG PHONG NỐI DÀI (THUỘC ĐƯỜNG NỘI BỘ GIỮA KHU BIỆT THỰ KIM MINH VÀ KHU BIỆT THỰ KIM NGÂN)			46.320	27.792	23.160
36	NGUYỄN TUÂN			42.079	25.247	21.040
37	THẠCH LAM			42.079	25.247	21.040
38	TÀO MẶT			42.079	25.247	21.040
39	LÊ LAI	LÊ QUÝ ĐÔN	THỐNG NHẤT	46.320	27.792	23.160
	LÊ LAI	THỐNG NHẤT	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	46.320	27.792	23.160
40	LÊ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		59.010	35.406	29.505
41	LÊ NGỌC HÂN	TRẦN PHÚ	THỦ KHOA HUÂN	59.010	35.406	29.505
	LÊ NGỌC HÂN	THỦ KHOA HUÂN	BÀ TRIỆU	42.160	25.296	21.080
42	LÊ QUÝ ĐÔN	QUANG TRUNG	NGÃ 5 LÊ QUÝ ĐÔN - LÊ LỢI - THỦ KHOA HUÂN	65.650	39.390	32.825
	LÊ QUÝ ĐÔN	ĐOẠN CÒN LẠI		46.320	27.792	23.160
43	LÊ VĂN LỘC	ĐƯỜNG 30/4	LÊ THỊ RIÊNG	41.600	24.960	20.800
	LÊ VĂN LỘC	LÊ THỊ RIÊNG	BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH	32.050	19.230	16.025
44	LÊ VĂN TÁM	TRỌN ĐƯỜNG		46.320	27.792	23.160

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
45	LƯƠNG VĂN CAN	TRỌN ĐƯỜNG		42.160	25.296	21.080
46	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	PHẠM NGŨ LÃO	55.270	33.162	27.635
	LÝ THƯỜNG KIẾT	PHẠM NGŨ LÃO	LÊ QUÝ ĐÔN	78.990	47.394	39.495
	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÊ QUÝ ĐÔN	BÀ TRIỆU	55.270	33.162	27.635
47	LÝ TỰ TRỌNG	LÊ LỢI	LÊ LAI	85.950	51.570	42.975
	LÝ TỰ TRỌNG	LÊ LAI	H 45, 146 LÝ TỰ TRỌNG	46.320	27.792	23.160
	LÝ TỰ TRỌNG	ĐOẠN CÒN LẠI		42.160	25.296	21.080
48	MẠC ĐÌNH CHI	TRỌN ĐƯỜNG		48.820	29.292	24.410
49	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		85.950	51.570	42.975
50	NGÔ VĂN HUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		55.270	33.162	27.635
51	NGƯ PHỦ	TRỌN ĐƯỜNG		27.290	16.374	13.645
52	NGƯ PHỦ NỔI DÀI	NGƯ PHỦ	TÔN ĐỨC THẮNG	34.930	20.958	17.465
53	NGUYỄN AN NINH	LÊ LỢI	ĐƯỜNG 30/4	65.650	39.390	32.825
54	HÈM SỐ 1 NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		32.050	19.230	16.025
55	NGUYỄN BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		27.290	16.374	13.645
56	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		44.630	26.778	22.315
57	NGUYỄN BIỂU (P.THẮNG TAM CỬ)	TRỌN ĐƯỜNG		44.630	26.778	22.315
58	NGUYỄN CHÍ THANH	TRỌN ĐƯỜNG		73.300	43.980	36.650
59	NGUYỄN CÔNG TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		24.040	14.424	12.020
60	NGUYỄN CƯ TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		34.930	20.958	17.465
61	NGUYỄN DU	QUANG TRUNG	TRẦN HƯNG ĐẠO	65.650	39.390	32.825

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	NGUYỄN DU	TRẦN HƯNG ĐẠO	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	55.270	33.162	27.635
62	NGUYỄN HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		32.050	19.230	16.025
63	NGUYỄN HỮU CẦU	TRỌN ĐƯỜNG		44.630	26.778	22.315
64	NGUYỄN KIM	TRỌN ĐƯỜNG		48.820	29.292	24.410
65	NGUYỄN TRÃI	TRỌN ĐƯỜNG		65.650	39.390	32.825
66	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	TRỌN ĐƯỜNG		65.650	39.390	32.825
67	NGUYỄN VĂN TRỖI	TRỌN ĐƯỜNG		78.990	47.394	39.495
68	PHẠM ĐÌNH HỒ (AO CÁ PHƯỜNG 2 CŨ)	PHAN CHU TRINH	LẠC LONG QUÂN	32.050	19.230	16.025
69	PHẠM NGŨ LÃO	TRỌN ĐƯỜNG		45.200	27.120	22.600
70	PHẠM THẾ HIỀN	NAM KỲ KHỎI NGHĨA	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	34.930	20.958	17.465
	PHẠM THẾ HIỀN	ĐOẠN CÒN LẠI		27.290	16.374	13.645
71	PHAN BỘI CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		44.630	26.778	22.315
72	PHAN CHU TRINH	THUYỀN VÂN	VÕ THỊ SÁU	82.780	49.668	41.390
	PHAN CHU TRINH	NGÃ 3 VÕ THỊ SÁU	ĐÌNH TIÊN HOÀNG	59.290	35.574	29.645
73	PHAN ĐĂNG LƯU	TRỌN ĐƯỜNG		59.290	35.574	29.645
74	HẸM 40 - PHAN ĐĂNG LƯU	TRỌN ĐƯỜNG		45.840	27.504	22.920
75	PHAN ĐÌNH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		65.650	39.390	32.825
76	PHAN VĂN TRỊ	TRỌN ĐƯỜNG		73.300	43.980	36.650
77	PHỐ ĐỨC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		73.300	43.980	36.650
78	PHÙNG KHẮC KHOAN	TRỌN ĐƯỜNG		73.300	43.980	36.650
79	QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		146.310	87.786	73.155
80	TẠ UYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		44.630	26.778	22.315

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
81	THẮNG NHÌ	TRỌN ĐƯỜNG		27.290	16.374	13.645
82	THỐNG NHẤT	QUANG TRUNG	LÊ LAI	65.650	39.390	32.825
	THỐNG NHẤT	LÊ LAI	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	65.650	39.390	32.825
	THỐNG NHẤT	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	LÊ HỒNG PHONG	65.650	39.390	32.825
83	THỦ KHOA HUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		65.650	39.390	32.825
84	THUYỀN VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		149.480	89.688	74.740
85	TÔ HIỂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		48.820	29.292	24.410
86	TRẦN ĐỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		44.630	26.778	22.315
87	TRẦN HUNG ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		94.100	56.460	47.050
88	TRẦN NGUYỄN HẪN	TRỌN ĐƯỜNG		44.630	26.778	22.315
89	TRẦN PHÚ (P.1 CŨ, P.5 CŨ)	QUANG TRUNG	NHÀ SỐ 46 TRẦN PHÚ	65.650	39.390	32.825
	TRẦN PHÚ (P.1 CŨ, P.5 CŨ)	ĐOẠN CÒN LẠI		46.320	27.792	23.160
91	TRẦN QUỐC TOÀN	TRỌN ĐƯỜNG		27.290	16.374	13.645
92	TRẦN QUÝ CÁP	TRỌN ĐƯỜNG		73.300	43.980	36.650
93	TRẦN XUÂN ĐỘ	TRỌN ĐƯỜNG		27.290	16.374	13.645
94	TRIỆU VIỆT VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		48.820	29.292	24.410
95	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	NGÃ 3 HẠ LONG QUANG TRUNG	LÊ LAI	85.950	51.570	42.975
	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	LÊ LAI	NGÃ 5	85.950	51.570	42.975
96	TRUNG NHỊ	TRỌN ĐƯỜNG		78.990	47.394	39.495
97	TRUNG TRẮC	TRỌN ĐƯỜNG		78.990	47.394	39.495
98	TRƯỜNG NGỌC (P.THẮNG TAM CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		34.930	20.958	17.465

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
99	TRƯỜNG VĨNH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		65.650	39.390	32.825
100	TÚ XƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		48.820	29.292	24.410
101	VĂN CAO (P.2 CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		27.290	16.374	13.645
102	VI BA	LÊ LỢI	NGÃ 3 VI BA	34.930	20.958	17.465
	VI BA	NGÃ 3 VI BA	HÈM 105 LÊ LỢI	34.930	20.958	17.465
	VI BA	ĐOẠN CÒN LẠI		27.290	16.374	13.645
103	VÕ ĐÌNH THÀNH (P.THẮNG TAM CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		34.930	20.958	17.465
104	VÕ THỊ SÁU	TRỌN ĐƯỜNG		59.290	35.574	29.645
105	XÔ VIỆT NGHỆ TỈNH	TRỌN ĐƯỜNG		44.630	26.778	22.315
106	YÊN BÁI	TRỌN ĐƯỜNG		34.930	20.958	17.465
107	YÊN ĐỒ	TRỌN ĐƯỜNG		27.290	16.374	13.645
108	THI SÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
109	ĐƯỜNG 30/4	NGÃ TƯ GIỀNG NƯỚC	LÊ VĂN LỘC	65.650	39.390	32.825
110	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TẠI KHU NHÀ Ở CAO CẤP Á CHÂU PHƯỜNG 2 CŨ					
	ĐƯỜNG PHAN HUY ÍCH, ĐƯỜNG THÁI VĂN LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		37.300	22.380	18.650
	VĂN CAO	HOÀNG HOA THẨM	LẠC LONG QUÂN	37.300	22.380	18.650
	HOÀNG SÂM	PHAN HUY CHÚ	VĂN CAO	37.300	22.380	18.650
	HOÀNG TRỌNG MẬU	THÁI VĂN LUNG	PHAN CHU TRINH	37.300	22.380	18.650
	KIỀU THANH QUẾ	PHAN HUY CHÚ	VĂN CAO	37.300	22.380	18.650

MỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG VŨNG TÀU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẴN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HOÀNG CẨM	KIỀU THANH QUẾ	PHAN CHU TRINH	37.300	22.380	18.650
	HOÀNG CÔNG CHẤT	PHAN HUY ÍCH	PHAN HUY CHÚ	37.300	22.380	18.650
	HOÀNG HỮU NAM	PHAN CHU TRINH	KIỀU THANH QUẾ	37.300	22.380	18.650
	HOÀNG VĂN HÒE	HOÀNG HỮU NAM	PHAN HUY CHÚ	37.300	22.380	18.650
	ĐƯỜNG PHAN HUY CHÚ			45.840	27.504	22.920

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÙI THIÊN NGỘ	ĐƯỜNG 2/9	ĐƯỜNG 30/4	34.200	20.520	17.100
2	BẾN NÔM (P.RẠCH DỪA)	TRỌN ĐƯỜNG		26.500	15.900	13.250
3	CAO BÁ QUÁT (P.RẠCH DỪA)	TRỌN ĐƯỜNG		26.500	15.900	13.250
4	ĐƯỜNG D4 (NGUYỄN ĐÌNH TÚ)	ĐƯỜNG N1	HẾT ĐƯỜNG NHỰA	33.010	19.806	16.505
5	ĐƯỜNG D5 (HÀ HUY TẬP)	ĐƯỜNG 3/2	HẾT ĐƯỜNG NHỰA	33.010	19.806	16.505
6	DƯƠNG VĂN NGÀ (P.RẠCH DỪA)	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
7	ĐỒNG ĐÀ (P.RẠCH DỪA)	TRỌN ĐƯỜNG		26.500	15.900	13.250
8	ĐƯỜNG 30/4	SỐ NHÀ 47B ĐƯỜNG 30/4	CẦU RẠCH BÀ	46.880	28.128	23.440
9	CÁC TUYẾN HÈM 61 ĐƯỜNG 30/4 (KHU NHÀ Ở CHÍNH SÁCH)			26.500	15.900	13.250
10	HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
11	HAI TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG BÌNH GIÃ VÀO KHU CHỢ RẠCH DỪA:					
	PHẠM HỮU LẦU	BÌNH GIÃ	KHU CHỢ RẠCH DỪA	34.200	20.520	17.100
	PHAN XÍCH LONG	BÌNH GIÃ	KHU CHỢ RẠCH DỪA	34.200	20.520	17.100

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
12	HÀN THUYỀN (P.RẠCH DỪA)	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
13	HÈM 825 VÀ 875 BÌNH GIÃ (P10 CŨ)	ĐƯỜNG VÀO KHU TÁI ĐỊNH CƯ 4,1 HA		26.500	15.900	13.250
14	HỒ THỊ KỶ (P.RẠCH DỪA)	NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4	KHU CHỢ RẠCH DỪA	34.200	20.520	17.100
15	HỒ TRI TÂN (P.RẠCH DỪA)	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
16	KIM ĐỒNG (P.RẠCH DỪA)	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
17	LÊ HOÀN (P.RẠCH DỪA)	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
18	LÊ QUANG ĐỊNH	ĐƯỜNG 30/4	BÌNH GIÃ	33.010	19.806	16.505
19	HÈM 135 LÊ QUANG ĐỊNH	GỒM CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU ĐẤT PTSC CỦA CÔNG TY DỊCH VỤ DẦU KHÍ		26.830	16.098	13.415
20	CÁC TUYẾN HÈM 135 LÊ QUANG ĐỊNH (B, C, D, E, F, J KHU NHÀ Ở PTSC)			26.830	16.098	13.415
21	LÊ THÁNH TÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
22	LƯU CHÍ HIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		24.170	14.502	12.085
23	LƯU HỮU PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		24.170	14.502	12.085
24	LÝ THÁI TỔ	TRỌN ĐƯỜNG		24.170	14.502	12.085

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
25	MAI THỨC LOAN	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
26	NGÔ QUYỀN	NGUYỄN HỮU CẢNH	NƠ TRANG LONG	36.110	21.666	18.055
27	NGUYỄN HỮU CẢNH	ĐƯỜNG 30/4	TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍ LINH	45.110	27.066	22.555
	NGUYỄN HỮU CẢNH	ĐOẠN CÒN LẠI		29.810	17.886	14.905
28	CÁC TUYẾN HẸM 183 NGUYỄN HỮU CẢNH (A, B, C, D, E, F, G KHU NHÀ Ở C2 CHÍ LINH)			26.830	16.098	13.415
29	CÁC TUYẾN HẸM 212 NGUYỄN HỮU CẢNH (B, C, D, E, F, J, K H KHU NHÀ Ở C1 CHÍ LINH)			26.830	16.098	13.415
30	CÁC TUYẾN HẸM 217 NGUYỄN HỮU CẢNH (B, C, D KHU NHÀ Ở A CHÍ LINH)			26.830	16.098	13.415
31	NGUYỄN THIÊN THUẬT	LÊ QUANG ĐỊNH	NGUYỄN HỮU CẢNH	45.110	27.066	22.555
	NGUYỄN THIÊN THUẬT	ĐOẠN CÒN LẠI		26.830	16.098	13.415
32	NƠ TRANG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		36.110	21.666	18.055
33	PHẠM CỰ LẠNG	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
34	PHẠM VĂN DINH	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
35	PHẠM VĂN NGHỊ	ĐOẠN VUÔNG GÓC VỚI ĐƯỜNG LÊ QUANG ĐỊNH	NGUYỄN THIỆN THUẬT	36.110	21.666	18.055
36	TÂN ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
37	TIỀN CẢNG	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
38	TÔN ĐẢN	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
39	TRẦN ANH TÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
40	TRẦN ĐÌNH XU	NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4	KHU CHỢ RẠCH DỪA	36.110	21.666	18.055
41	TRẦN NGUYỄN ĐÁN	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
42	TRƯỜNG HÁN SIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
43	TUỆ TỈNH	TRỌN ĐƯỜNG		26.830	16.098	13.415
44	TUYẾN ĐƯỜNG NỐI VUÔNG GÓC TỪ ĐƯỜNG 30/4, CÓ CÙNG ĐỘ RỘNG VỚI HẸM 524 (NĂM GIỮA HẸM 524 VÀ ĐƯỜNG BÌNH GIÃ ĐẾN KHU CHỢ RẠCH DỪA)			36.110	21.666	18.055

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
45	TUYẾN ĐƯỜNG TỪ SỐ NHÀ 04 VÕ VĂN TÂN ĐẾN SỐ NHÀ 05 TRẦN NGUYỄN ĐÁN			26.830	16.098	13.415
46	TUYẾN HẸM	TỪ SỐ NHÀ 217 NGUYỄN HỮU CẢNH	SỐ NHÀ 140 LƯU CHÍ HIẾU	26.830	16.098	13.415
47	TUYẾN ĐƯỜNG NẪM SONG SONG VỚI TUYẾN ĐƯỜNG BÙI KỶ VÀ HOÀNG NGỌC PHÁCH (KHU ĐÔI 2).	TỔNG PHƯỚC HÒA	HOÀNG XUÂN HẪN	26.040	15.624	13.020
48	TUYẾN ĐƯỜNG NẪM SONG SONG VỚI TUYẾN ĐƯỜNG TỔNG DUY TÂN VÀ BÙI KỶ (KHU ĐÔI 2)	CÔNG VIÊN CÂY XANH	HOÀNG XUÂN HẪN	26.040	15.624	13.020

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
49	TUYẾN ĐƯỜNG SONG SONG VỚI ĐƯỜNG TỔNG DUY TÂN KHU NHÀ TAM CƯ (KHU ĐÔI 2).	HÀ HUY GIÁP	MƯỜNG THOÁT NƯỚC	26.040	15.624	13.020
50	TUYẾN ĐƯỜNG NẪM SONG SONG VỚI ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP THUỘC KHU NHÀ Ở TAM CƯ PHƯỜNG 10 CŨ (KHU ĐÔI 2)	ĐƯỜNG 20	MƯỜNG THOÁT NƯỚC	26.040	15.624	13.020
51	TUYẾN ĐƯỜNG NẪM SONG SONG VỚI TUYẾN ĐƯỜNG THẠCH HẪN VÀ ĐƯỜNG CỬU LONG (KHU NHÀ Ở PHƯỜNG 10 CŨ, KHANG LINH)	VÕ CHÍ CÔNG	PHAN THANH GIẢN	26.040	15.624	13.020

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
52	TUYẾN ĐƯỜNG NĂM SONG SONG VỚI TUYẾN ĐƯỜNG HUỖNH VĂN HÓN VÀ ĐƯỜNG MẪU SƠN (KHU NHÀ Ở PHƯỜNG 10 CŨ, KHANG LINH)	VÕ CHÍ CÔNG	PHAN THANH GIẢM	26.040	15.624	13.020
53	TUYẾN ĐƯỜNG NĂM SONG SONG VỚI TUYẾN ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH VÀ NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG.	THANH TỊNH	PHÙNG HÁ	26.040	15.624	13.020
54	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU NHÀ Ở ĐÔI 2 CTCP PHÁT TRIỂN NHÀ P.10 CŨ	ĐƯỜNG SỐ 6,10, 11 THEO QUY HOẠCH		33.010	19.806	16.505
	-TỔNG DUY TÂN	ĐỒNG ĐA	HÀ HUY GIÁP	26.040	15.624	13.020
	-DUƠNG TỬ GIANG	BÙI THIÊN NGỘ	(ĐẾN HẾT ĐƯỜNG QUY HOẠCH)	26.040	15.624	13.020

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	-HÀ HUY GIÁP	BÙI THIÊN NGỘ	DƯƠNG TỬ GIANG	26.040	15.624	13.020
55	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU NHÀ Ở ĐÔI 2 CTCP PHÁT TRIỂN NHÀ P 10	ĐƯỜNG SỐ 3,4,5 THEO QUY HOẠCH		26.040	15.624	13.020
	-BÍCH KHÊ	ĐƯỜNG 2/9	HÀ HUY GIÁP	26.040	15.624	13.020
	-DIỆP MINH CHÂU	BÍCH KHÊ	BÙI KỶ	26.040	15.624	13.020
	-HOÀNG NGỌC PHÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-HOÀNG XUÂN HÂN	BÍCH KHÊ	TRẦN HỮU TƯỚC	26.040	15.624	13.020
	-BÙI KỶ	ĐƯỜNG 2/9	HÀ HUY GIÁP	26.040	15.624	13.020
	-TỔNG PHƯỚC HIỆP	BÍCH KHÊ	HÀ HUY GIÁP	26.040	15.624	13.020
	-TỔNG PHƯỚC HÒA	HOÀNG XUÂN HÂN	BÙI KỶ	26.040	15.624	13.020
56	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU TRUNG TÂM CHÍ LINH					
57	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU E2, E4 TRUNG TÂM CHÍ LINH THEO BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRÁI NHỰA RỘNG 10,5M		33.010	19.806	16.505

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	LÔ SỐ CHL/QH-03/C					
	-CÙ CHÍNH LAN	ĐƯỜNG 3/2	ĐƯỜNG 2/9	33.010	19.806	16.505
	-NGUYỄN PHÚC TÂN	CHÍ LINH	MÃU SƠN	33.010	19.806	16.505
	-THANH TỊNH	NGUYỄN CÔNG HOAN	MÃU SƠN	33.010	19.806	16.505
	-TRẦN ĐẠI NGHĨA	NGUYỄN HỮU CẢNH	MÃU SƠN	33.010	19.806	16.505
58	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU E2, E4 TRUNG TÂM CHÍ LINH THEO BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN LÔ SỐ CHL/QH-03/C	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRÁI NHỰA RỘNG 5-7M		26.040	15.624	13.020
59	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG A3, A4, C4, C5, H1 KHU TRUNG TÂM ĐÔ THỊ CHÍ LINH			26.040	15.624	13.020
60	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TRUNG TÂM CHÍ LINH THEO BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH					

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	QUI HOẠCH PHÂN LÔ SỐ CHL/QH-03/C:					
	-NGUYỄN HỮU CẢNH	ĐƯỜNG 3/2	HẾT PHẦN ĐƯỜNG THI CÔNG HOÀN CHỈNH (KHU A8)	42.298	25.379	21.149
	-ĐOẠN TỪ GIỮA KHU A4 ĐẾN HẾT RANH ĐẤT DỰ ÁN VỀ HƯỚNG ĐƯỜNG 30/4	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-NAM DU	NGUYỄN HỮU CẢNH	LƯU CHÍ HIẾU	26.040	15.624	13.020
	-PHẠM VĂN BẠCH	TÔ VĨNH DIỆN	NỖ TRANG LONG	26.040	15.624	13.020
	-PHÙNG HÁ	NGUYỄN SÁNG	LƯU CHÍ HIẾU	26.040	15.624	13.020
	-AN HẢI	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	LƯU CHÍ HIẾU	26.040	15.624	13.020
	-AN TRẠCH	NGUYỄN SÁNG	LƯU CHÍ HIẾU	26.040	15.624	13.020
	-TRẦN MAI NINH	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	QUANG DŨNG	26.040	15.624	13.020
	-TÔN QUANG PHIẾT	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	HẸM NỔI BÌNH QUÝ VÀ TRẦN MAI NINH	26.040	15.624	13.020
	-BÌNH QUÝ	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	QUANG DŨNG	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN ĐÔN TIẾT	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	QUANG DŨNG	26.040	15.624	13.020

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	-NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	ĐƯỜNG 3/2	HẸM NỘI (NGUYỄN HỮU CẢNH - NGUYỄN DUY HIỆU)	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN SÁNG	ĐƯỜNG 3/2	ĐƯỜNG 2/9	26.040	15.624	13.020
	-QUANG DŨNG	ĐƯỜNG 3/2	ĐƯỜNG 2/9	26.040	15.624	13.020
	-SÔNG HUƠNG	HUỲNH VĂN HÓN	TRẦN XUÂN SOẠN	26.040	15.624	13.020
	-ĐOÀN KẾT	PHẠM VĂN TRẮNG	BẾN CHUÔNG DƯƠNG	26.040	15.624	13.020
	-BẾN HẢI	HUỲNH VĂN HÓN	TRẦN XUÂN SOẠN	26.040	15.624	13.020
	-BẾN CHUÔNG DƯƠNG	MẪU SƠN	TRẦN XUÂN SOẠN	26.040	15.624	13.020
	-THẠC HẸN	VÕ CHÍ CÔNG	PHẠM TU	26.040	15.624	13.020
	-VÀM CỎ	MẪU SƠN	CỬU LONG	26.040	15.624	13.020
	-HUỲNH VĂN HÓN	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-NHƯ NGUYỆT	MẪU SƠN	HUỲNH VĂN HÓN	26.040	15.624	13.020
	-ĐOÀN KẾT	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-SÔNG GIANH	MẪU SƠN	TRẦN XUÂN SOẠN	26.040	15.624	13.020
	-CỬU LONG	PHẠM VĂN TRẮNG	BẾN CHUÔNG DƯƠNG	26.040	15.624	13.020
	-NGỌC LINH	NGUYỄN HỮU CẢNH	NGUYỄN ĐÌNH TỬ	26.040	15.624	13.020
	-THẮT SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-BA VÌ	MẪU SƠN	TAM ĐẢO	26.040	15.624	13.020

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	-HOÀNH SƠN	TAM ĐẢO	NGỰ BÌNH	26.040	15.624	13.020
	-TẢN VIÊN	TAM ĐẢO	NGỰ BÌNH	26.040	15.624	13.020
	-TAM ĐẢO	TẢN VIÊN	NGỌC LINH	26.040	15.624	13.020
	-BẠCH MÃ	TẢN VIÊN	BA VÌ	26.040	15.624	13.020
	-NGỰ BÌNH	TẢN VIÊN	HÈM NỐI MẪU SƠN	26.040	15.624	13.020
61	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU TÁI ĐỊNH CƯ 4,1 HA	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRÁI NHỰA LỚN HƠN 7M		26.040	15.624	13.020
	-TRẦN VĂN ƠN	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-TRẦN HỮU DỰC	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
62	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRÁI NHỰA RỘNG 5 M TRỞ LÊN THUỘC KHU TÁI ĐỊNH CƯ 199 LÔ			26.830	16.098	13.415
63	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC HTKT KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,65HA	ĐƯỜNG SỐ 1		29.810	17.886	14.905

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
64	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC HTKT KHU TÁI ĐỊNH CƯ 1,65HA	ĐƯỜNG SỐ 2, 5, 6		29.810	17.886	14.905
65	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU TÁI ĐỊNH CƯ 10HA TRONG 58HA, PHƯỜNG 10					
	BIỆT CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		33.010	19.806	16.505
	CÔNG CHÁNH, ĐƯỜNG N2	TRỌN ĐƯỜNG		33.010	19.806	16.505
	ĐƯỜNG N1, D1, D2	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
66	TUYẾN ĐƯỜNG GIÁP RANH KHU TÁI ĐỊNH CƯ 10HA TRONG KHU 58HA	ĐƯỜNG CÔNG CHÁNH (NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU TÁI ĐỊNH CƯ 10HA TRONG 58HA, PHƯỜNG 10)	ĐƯỜNG QUANG DŨNG (TRƯỚC ĐÂY LÀ ĐƯỜNG CHÍ LINH 21)	34.200	20.520	17.100
67	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU TÁI ĐỊNH CƯ THẮNG NHẤT					
	ĐƯỜNG N1, N2	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	ĐƯỜNG N1 (PHẠM VĂN BẠCH)	TRỌN ĐƯỜNG		33.010	19.806	16.505
	ĐƯỜNG D1, D2, D3, D4	N3	N1	26.040	15.624	13.020
	ĐƯỜNG D5	N2	N1	26.040	15.624	13.020
	BIỆT CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		33.010	19.806	16.505
	BIỆT CHÍNH 2	NGÕ QUYỀN	CÔNG HỘP	33.010	19.806	16.505
68	VÕ VĂN TÀN	NGUYỄN THIÊN THUẬT	101 VÕ VĂN TÀN	36.110	21.666	18.055
	VÕ VĂN TÀN	ĐOẠN CÒN LẠI		26.830	16.098	13.415
69	ĐƯỜNG 2/9 (P.10 CŨ)	VÒNG XOAY NGUYỄN HỮU CẢNH	KHU NHÀ Ở KHANG LINH	47.000	28.200	23.500

MỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG RẠCH DỪA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

		ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
70	ĐƯỜNG 3/2 (P.10 CŨ)	CÔNG LĂNG KHU DU LỊCH CHÍ LINH	D7	44.400	26.640	22.200
71	NGUYỄN ĐỨC THỤY			26.040	15.624	13.020
72	HÈM 22 HỒ THỊ KỶ	HỒ THỊ KỶ	TRẦN ĐÌNH XU	26.040	15.624	13.020
73	HÈM 40 HỒ THỊ KỶ	HỒ THỊ KỶ	TRẦN ĐÌNH XU	26.040	15.624	13.020

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÌNH GIÃ	LÊ HỒNG PHONG	ĐƯỜNG 2/9	46.880	28.128	23.440
2	CAO THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		46.880	28.128	23.440
3	CHU MẠNH TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		44.400	26.640	22.200
4	ĐƯỜNG 2 THÁNG 9 (TÊN CŨ: ĐOẠN CUỐI QUỐC LỘ 51B)	NGUYỄN AN NINH	BÙI THIÊN NGỘ	44.400	26.640	22.200
5	ĐỘI CÁN	TRỌN ĐƯỜNG		46.880	28.128	23.440
6	ĐƯỜNG 3/2	VÒNG XOAY ĐÀI LIỆT SỸ	NGUYỄN AN NINH	65.370	39.222	32.685
	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN AN NINH	VÒNG XOAY ĐƯỜNG 3/2 VÀ TRỤC ĐƯỜNG 51B	44.400	26.640	22.200
7	ĐƯỜNG 30/4	NGUYỄN AN NINH	LÊ QUANG ĐỊNH	46.880	28.128	23.440
8	HÀN MẶC TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		45.140	27.084	22.570
9	HOÀNG VĂN THỤ	TRỌN ĐƯỜNG		56.450	33.870	28.225
10	HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA	TRỌN ĐƯỜNG		56.450	33.870	28.225
11	KHA VẠNG CÁN	TRỌN ĐƯỜNG		45.140	27.084	22.570
12	LÊ HỒNG PHONG	LÊ LỢI	THUYẾT VÂN	65.370	39.222	32.685
13	LÊ PHỤNG HIẾU	TRỌN ĐƯỜNG		44.400	26.640	22.200
14	LÊ QUANG ĐỊNH	ĐƯỜNG 30/4	ĐƯỜNG 2/9	33.010	19.806	16.505
15	LÊ THỊ RIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		27.220	16.332	13.610
16	LÊ VĂN LỘC	ĐƯỜNG 30/4	LÊ THỊ RIÊNG	36.310	21.786	18.155
	LÊ VĂN LỘC	LÊ THỊ RIÊNG	BỜ KỀ RẠCH BẾN ĐÌNH	28.380	17.028	14.190
17	LÊ LỢI	LÊ HỒNG PHONG	NGUYỄN AN NINH	59.010	35.406	29.505
18	LƯƠNG THẾ VINH	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐƯỜNG 30/4	46.880	28.128	23.440

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
19	HẸM 30 LƯƠNG THẾ VINH			45.140	27.084	22.570
20	NGÔ ĐỨC KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		44.400	26.640	22.200
21	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
22	HẸM SỐ 1 NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		32.050	19.230	16.025
23	NGUYỄN HỐI	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
24	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	NGUYỄN AN NINH	LƯƠNG THẾ VINH	46.630	27.978	23.315
	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	LƯƠNG THẾ VINH	LÝ THÁI TÔNG	44.180	26.508	22.090
25	HẸM 02, 04, 36, 50 NGUYỄN LƯƠNG BẰNG			44.180	26.508	22.090
26	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		44.180	26.508	22.090
27	NGUYỄN THÁI HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
28	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	NGÔ ĐỨC KẾ	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	65.370	39.222	32.685
29	NGUYỄN TRUNG TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		44.180	26.508	22.090
30	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN AN NINH	LƯƠNG THẾ VINH	46.630	27.978	23.315
	NGUYỄN VĂN CỬ	LƯƠNG THẾ VINH	LÝ THÁI TÔNG	35.970	21.582	17.985
31	ÔNG ÍCH KHIÊM	LÊ VĂN LỘC	HỒ BIỂU CHÁNH	35.970	21.582	17.985
32	PASTEUR	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
33	PHẠM HỒNG THÁI	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
34	HẸM SỐ 110 PHẠM HỒNG THÁI	PHẠM HỒNG THÁI	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
35	PHẠM NGỌC THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
36	HẸM 04, 36, 50, 43, 61 ĐƯỜNG PHẠM NGỌC THẠCH			35.970	21.582	17.985
37	PHAN KẾ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		44.180	26.508	22.090
38	SƯỜNG NGUYỆT ÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.970	21.582	17.985
39	TĂNG BẠT HỒ	TRỌN ĐƯỜNG		27.220	16.332	13.610
40	THÙY VÂN	NGUYỄN AN NINH	THI SÁCH	149.480	89.688	74.740
41	THI SÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
42	TÔN THẮT THUYẾT (NÓI DÀI)	LÊ VĂN LỘC	LƯƠNG VĂN NHO	27.220	16.332	13.610
43	TÔN THẮT TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
44	TỔNG DUY TÂN	LƯƠNG THẾ VINH	NGUYỄN TRUNG TRỰC	27.220	16.332	13.610
45	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		35.970	21.582	17.985
46	TRẦN CAO VÂN	LÊ VĂN LỘC	VÕ TRƯỜNG TOÀN	35.970	21.582	17.985
	TRẦN CAO VÂN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	27.220	16.332	13.610
47	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		47.380	28.428	23.690
48	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	NGÃ 5	NGUYỄN AN NINH	62.640	37.584	31.320
	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐOẠN CÒN LẠI		47.380	28.428	23.690

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
49	TRƯỜNG VĂN BANG	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
50	YERSIN	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
51	HẸM 05 LÊ HỒNG PHONG NỐI DÀI (THUỘC ĐƯỜNG NỘI BỘ GIỮA KHU BIỆT THỰ KIM MINH VÀ KHU BIỆT THỰ KIM NGÂN)			46.320	27.792	23.160
	NGUYỄN TUÂN			27.290	16.374	13.645
	NGUYỄN VIỆT XUÂN	283 BÌNH GIÃ	NGUYỄN TRỌNG QUẢN	27.290	16.374	13.645
	NGUYỄN VIỆT XUÂN	LÊ PHỤNG HIẾU	NGUYỄN TRỌNG QUẢN	27.290	16.374	13.645
	THẠCH LAM			27.290	16.374	13.645
	TÀO MẠT			27.290	16.374	13.645
52	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC DÂN CƯ PHƯỜNG 9 CŨ:					
	LÝ THÁI TÔNG	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	LƯƠNG THẾ VINH	35.970	21.582	17.985
	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	LƯƠNG THẾ VINH	LÝ THÁI TÔNG	35.970	21.582	17.985
	NGUYỄN KHANG	LƯƠNG THẾ VINH	LÝ THÁI TÔNG	35.970	21.582	17.985
	VÕ TRƯỜNG TOẢN	ĐƯỜNG 30/4	TRẦN CAO VÂN	46.630	27.978	23.315
	VÕ TRƯỜNG TOẢN	TRẦN CAO VÂN	TÔN ĐỨC THẮNG	35.970	21.582	17.985
53	NHỮNG TUYẾN					

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG TRONG KHU TRUNG TÂM THƯỜNG MẠI PHƯỜNG 7 CŨ:					
	BẾ VĂN ĐÀN	NGUYỄN THÁI HỌC	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
	NGUYỄN KIÊM	TRƯƠNG VĂN BANG	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
	NGUYỄN OANH	PHÙNG CHÍ KIÊN	NGUYỄN KIÊM	46.630	27.978	23.315
	PHÙNG CHÍ KIÊN	NGUYỄN THÁI HỌC	NGUYỄN HỒNG THÁI	46.630	27.978	23.315
	XUÂN DIỆU	NGUYỄN THÁI HỌC	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
	XUÂN THỦY	CAO THẮNG	PASTEUR	46.630	27.978	23.315
54	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC KHU BIỆT THỰ PHƯỜNG NAM:					
	DƯƠNG MINH CHÂU	KDC BÌNH ĐOÀN 15	HUYỄNH TỊNH CỬA	27.220	16.332	13.610
	HOÀNG TRUNG THÔNG	MẠC THANH ĐẠM	HUYỄNH TỊNH CỬA	27.220	16.332	13.610
	TÔ NGỌC VÂN	HOÀNG LÊ KHA	HOÀNG TRUNG THÔNG	27.220	16.332	13.610
	HOÀNG LÊ KHA	BÙI CÔNG MINH	HOÀNG TRUNG THÔNG	27.220	16.332	13.610
	MẠC THANH ĐẠM	THỦY VÂN	DƯƠNG MINH CHÂU	47.380	28.428	23.690
	NGUYỄN HỮU TIẾN	NGUYỄN AN NINH	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU BIỆT THỰ PHƯỜNG NAM	34.310	20.586	17.155

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG MẠC THANH ĐẠM NỐI DÀI	ĐOẠN ĐÃ HOÀN THIỆN CƠ SỞ HẠ TẦNG	27.220	16.332	13.610
55	MẠC CỬU			27.220	16.332	13.610
56	TRẦN THƯỢNG XUYỀN			27.220	16.332	13.610
57	NGÔ NHÂN TỊNH			27.220	16.332	13.610
58	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỐI VUÔNG GÓC ĐƯỜNG 30/4 KHU BẾN ĐÌNH					
	ĐOẠN NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN HẾT ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH	ĐOẠN ĐÃ TRÁI NHỰA RỘNG 7 M NẪM TRONG DỰ ÁN NHÀ Ở CỦA CÔNG TY TECAPRO		32.254	19.352	16.127
	ĐOẠN NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN HẾT ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH	ĐOẠN TRÁI NHỰA NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN CAO VÂN (PHÍA TRƯỚC UBND PHƯỜNG 9)		32.254	19.352	16.127
59	ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN HẾT ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH (ĐI QUA PHẦN ĐẤT CỦA DỰ ÁN			32.254	19.352	16.127

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	NHÀ Ở ĐẠI AN)					
60	ĐƯỜNG NỘI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN HẾT ĐƯỜNG BỜ KỀ RẠCH BẾN ĐÌNH (BÊN CẠNH CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH)			32.254	19.352	16.127
61	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU 240 LÊ LỢI, PHƯỜNG 7, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU CŨ					
	TRẦN HUY LIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		32.254	19.352	16.127
	TRẦN KHÁNH DƯ	TRỌN ĐƯỜNG		32.254	19.352	16.127
	TRẦN KHẮC CHUNG	TRỌN ĐƯỜNG		32.254	19.352	16.127
	HẸM SỐ 01, 04 TRẦN KHẮC CHUNG			28.380	17.028	14.190
	HẸM SỐ 03, 05 TRẦN KHẮC CHUNG			28.380	17.028	14.190

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
62	CON ĐƯỜNG HÌNH CHỮ U (PHẦN KÉO DÀI CỦA ĐƯỜNG TRẦN KHÁNH DƯ CÓ 2 NHÁNH NỐI VUÔNG GÓC VỚI ĐƯỜNG TRẦN HUY LIỆU)			32.254	19.352	16.127
63	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU NHÀ Ở ĐÔI NGỌC TƯỚC 2 (PHƯỜNG 8 CŨ):					
	BÙI CÔNG MINH	THI SÁCH	ĐƯỜNG 3/2	34.310	20.586	17.155
	TRẦN VĂN THỜI (GIÁP TRƯỜNG THPT VŨNG TÀU)			34.310	20.586	17.155
	ĐẶNG TRẦN ĐỨC (GIÁP SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CŨ)			34.310	20.586	17.155
64	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ TRẦN BÌNH TRỌNG (P. NGUYỄN AN NINH):					
	LÊ TRỌNG TẤN	TRẦN BÌNH TRỌNG	MAI XUÂN THUỞNG	27.220	16.332	13.610

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	MAI XUÂN THƯỜNG	NGUYỄN AN NINH	TRẦN BÌNH TRỌNG	27.220	16.332	13.610
	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		45.060	27.036	22.530
	HOÀNG VĂN THÁI (P.NAN)	LÊ TRỌNG TẤN	MAI XUÂN THƯỜNG	27.220	16.332	13.610
65	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC CÁC DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ BẾN ĐÌNH, KHU NHÀ Ở SAO MAI, TECAPRO, DECOIMEX, ĐẠI AN:					
	ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH	DỰ ÁN NHÀ Ở ĐẠI AN	HẾT PHẦN ĐẤT GIAO CÔNG TY PHÁT TRIỂN NHÀ	34.310	20.586	17.155
	ĐƯỜNG BẾN ĐÌNH 1, 2, 4, 6, 8 THEO QUY HOẠCH (BỔ SUNG)	TRỌN ĐƯỜNG (ĐƯỜNG TRÁI NHỰA CÓ LÒNG ĐƯỜNG VÀ VỈA HÈ RỘNG 10M)		34.310	20.586	17.155
	ĐƯỜNG BẾN ĐÌNH 3 VÀ ĐƯỜNG BẾN ĐÌNH 7	TRỌN ĐƯỜNG (ĐƯỜNG TRÁI NHỰA CÓ LÒNG ĐƯỜNG VÀ VỈA HÈ RỘNG 10M)		27.220	16.332	13.610
	LƯƠNG VĂN NHO	ĐƯỜNG 30/4	TÔN ĐỨC THẮNG	34.310	20.586	17.155
	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 30/4	TÔN ĐỨC THẮNG	32.254	19.352	16.127

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔ HỮU	ĐƯỜNG 30/4	ÔNG ÍCH KHIÊM	34.310	20.586	17.155
	NGÔ TẤT TỐ	VÕ TRƯỜNG TOÀN	LƯƠNG VĂN NHO	27.220	16.332	13.610
	NGÔ GIA TỰ	NGÔ TẤT TỐ	ÔNG ÍCH KHIÊM	27.220	16.332	13.610
	NGUYỄN BÌNH	NGUYỄN TRUNG TRỰC	NGÔ GIA TỰ	27.220	16.332	13.610
	NGUYỄN THỊ THẬP	LƯƠNG VĂN NHO	HẸM GIỮA 2 ĐƯỜNG ÔNG ÍCH KHIÊM VÀ TRẦN QUANG ĐIỀU	27.220	16.332	13.610
	TRẦN QUANG ĐIỀU	LÊ VĂN LỘC	BẾN ĐÌNH 2	34.310	20.586	17.155
	TÔN ĐỨC THẮNG	LÊ VĂN LỘC	ĐƯỜNG QH 100M VÀO CẢNG SAO MAI BẾN ĐÌNH	34.310	20.586	17.155
	HỒ BIỂU CHÁNH	ĐƯỜNG 30/4	TRẦN CAO VÂN	34.310	20.586	17.155
	NGUYỄN THÔNG	TỔ HỮU	ĐƯỜNG QH 100M VÀO CẢNG SAO MAI BẾN ĐÌNH	27.220	16.332	13.610
	HÀM NGHI	TỔ HỮU	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	27.220	16.332	13.610
	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	TRỌN ĐƯỜNG		27.220	16.332	13.610
	NGUYỄN PHI KHANH	ĐƯỜNG 30/4	NGUYỄN THÔNG	34.310	20.586	17.155
	NGUYỄN BÁ LÂN	LÊ VĂN LỘC	LƯƠNG VĂN NHO	27.220	16.332	13.610
	HOÀNG MINH GIÁM	LÊ VĂN LỘC	LƯƠNG VĂN NHO	27.220	16.332	13.610
66	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU					

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TRUNG TÂM CHÍ LINH					
66.1	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU E2, E4 TRUNG TÂM CHÍ LINH THEO BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN LÔ SỐ CHL/QH-03/C	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 10,5M		33.010	19.806	16.505
	CÙ CHÍNH LAN	ĐƯỜNG 3/2	ĐƯỜNG 2/9	33.010	19.806	16.505
	NGUYỄN PHÚC TÂN	CHÍ LINH	MÃU SƠN	33.010	19.806	16.505
	THANH TỊNH	NGUYỄN CÔNG HOAN	MÃU SƠN	33.010	19.806	16.505
	TRẦN ĐẠI NGHĨA	NGUYỄN HỮU CẢNH	MÃU SƠN	33.010	19.806	16.505
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU E2, E4 TRUNG TÂM CHÍ LINH THEO BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN LÔ SỐ CHL/QH-03/C	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 5-7M		26.040	15.624	13.020
66.2	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TRUNG TÂM CHÍ LINH THEO BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN LÔ SỐ CHL/QH-03/C					

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	-CỦ CHÍNH LAN	ĐƯỜNG 3/2	ĐƯỜNG 2/9	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN PHÚC TẦN	CHÍ LINH	MẪU SƠN	26.040	15.624	13.020
	-THANH TỊNH	NGUYỄN CÔNG HOAN	MẪU SƠN	26.040	15.624	13.020
	-TRẦN ĐẠI NGHĨA	NGUYỄN HỮU CẢNH	MẪU SƠN	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN HỮU CẢNH	ĐƯỜNG 3/2	HẾT PHẦN ĐƯỜNG THI CÔNG HOÀN CHỈNH (KHU A8)	42.298	25.379	21.149
	-ĐOẠN TỪ GIỮA KHU A4 ĐẾN HẾT RANG ĐẤT DỰ ÁN VỀ HƯỚNG 30/4	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-CHÍ LINH	ĐOÀN TRẦN NGHIỆP	BÌNH GIÃ	26.040	15.624	13.020
	-PHẠM VĂN BẠCH	TÔ VĨNH ĐIỆN	NỖ TRANG LONG			
	-HỒ DZẾNH	ĐOÀN TRẦN NGHIỆP	ĐƯỜNG 2/9			
	-BÙI HUY ĐÁP	BÙI BĂNG ĐOÀN	QUANG DŨNG			
	-CAO XUÂN HUY	ĐOÀN TRẦN NGHIỆP	ĐƯỜNG 2/9	26.040	15.624	13.020
	-NAM DU	NGUYỄN HỮU CẢNH	LƯU CHÍ HIẾU			
	-VÕ DUY NINH	NGUYỄN SÁNG	LƯU CHÍ HIẾU			
	-HÀ THỊ CẦU	CỦ CHÍNH LAN	ĐƯỜNG 2/9	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN CÔNG HOAN	CỦ CHÍNH LAN	ĐOÀN TRẦN NGHIỆP	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN ĐÌNH THI	ĐƯỜNG 3/2	ĐOÀN TRẦN NGHIỆP	26.040	15.624	13.020

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	-NGUYỄN QUYỀN	ĐOÀN TRẦN NGHIỆP	NGUYỄN CÔNG HOAN	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN THỊ NGHĨA	HỒ DZÉNH	CỦ CHÍNH LAN	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN XIÊN	HỒ DZÉNH	CỦ CHÍNH LAN	26.040	15.624	13.020
	-PHÙNG HÁ	NGUYỄN SÁNG	LƯU CHÍ HIẾU			
	-AN HẢI	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	LƯU CHÍ HIẾU	26.040	15.624	13.020
	-AN TRẠCH	NGUYỄN SÁNG	LƯU CHÍ HIẾU	26.040	15.624	13.020
	-TRẦN MAI NINH	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	QUANG DŨNG	26.040	15.624	13.020
	-TÔN QUANG PHIỆT	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	HẸM NỐI BÌNH QUÝ VÀ TRẦN MAI NINH	26.040	15.624	13.020
	-BÌNH QUÝ	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	QUANG DŨNG	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN ĐÔN TIẾT	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	QUANG DŨNG	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	ĐƯỜNG 3/2	HẸM NỐI (NGUYỄN HỮU CẢNH - NGUYỄN DUY HIẾU)	26.040	15.624	13.020
	-NGUYỄN SÁNG	ĐƯỜNG 3/2	ĐƯỜNG 2/9	26.040	15.624	13.020
	-QUANG DŨNG	ĐƯỜNG 3/2	ĐƯỜNG 2/9	26.040	15.624	13.020
	-SÔNG HƯƠNG	HUỲNH VĂN HÓN	TRẦN XUÂN SOẠN	26.040	15.624	13.020
	-ĐOÀN KẾT	PHẠM VĂN TRẮNG	BẾN CHUÔNG DƯƠNG	26.040	15.624	13.020
	-BẾN HẢI	HUỲNH VĂN HÓN	TRẦN XUÂN SOẠN	26.040	15.624	13.020

MỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	-BẾN CHUÔNG DƯƠNG	MẪU SƠN	TRẦN XUÂN SOẠN	26.040	15.624	13.020
	-THẠCH HẪN	VÕ CHÍ CÔNG	PHẠM TU	26.040	15.624	13.020
	-VÀM CỎ	MẪU SƠN	CỬU LONG	26.040	15.624	13.020
	-HUỲNH VĂN HÓN	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-NHƯ NGUYỆT	MẪU SƠN	HUỲNH VĂN HÓN	26.040	15.624	13.020
	-ĐOÀN KẾT	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-SÔNG GIANH	MẪU SƠN	TRẦN XUÂN SOẠN	26.040	15.624	13.020
	-CỬU LONG	PHẠM VĂN TRẮNG	BẾN CHUÔNG DƯƠNG	26.040	15.624	13.020
	-NGỌC LINH	NGUYỄN HỮU CẢNH	NGUYỄN ĐÌNH TỬ	26.040	15.624	13.020
	-THẮT SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		26.040	15.624	13.020
	-BA VÌ	MẪU SƠN	TAM ĐẢO	26.040	15.624	13.020
	-HOÀNH SƠN	TAM ĐẢO	NGỰ BÌNH	26.040	15.624	13.020
	-TẢN VIÊN	TAM ĐẢO	NGỰ BÌNH	26.040	15.624	13.020
	-TAM ĐẢO	TẢN VIÊN	NGỌC LINH	26.040	15.624	13.020
	-BẠCH MÃ	TẢN VIÊN	BA VÌ	26.040	15.624	13.020
	-NGỰ BÌNH	TẢN VIÊN	HÈM NÓI MẪU SƠN	26.040	15.624	13.020

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÙI THIÊN NGỘ	ĐƯỜNG 2/9	ĐƯỜNG 30/4	34.200	20.520	17.100
2	BẮC SƠN (P.11 CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		24.880	14.928	12.440
3	CẦU CHÁY	ĐƯỜNG 30/4	ĐƯỜNG 3/2	24.880	14.928	12.440
4	CHI LĂNG (P.12 CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		23.200	13.920	11.600
5	ĐỒ LƯƠNG (P.11, P.12 CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		24.880	14.928	12.440
6	ĐƯỜNG 2 THÁNG 9 (TÊN CŨ: CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 51B THUỘC ĐỊA BÀN CÁC P.10, P.11, P.12)	VÒNG XOAY ĐƯỜNG 3/2 THUỘC P12		29.100	17.460	14.550
7	ĐƯỜNG 3/2	GẦN TOYOTA VŨNG TÀU, CÁCH ĐƯỜNG D7 135 M VỀ HƯỚNG VŨNG TÀU (X = 431649.5804; Y = 1148215.6807);		32.300	19.380	16.150
8	ĐƯỜNG 30/4	HẸM 704 ĐƯỜNG 30/4 (CẦU RẠCH BÀ)		46.880	28.128	23.440
9	ĐƯỜNG D10 (P.11 CŨ)	ĐƯỜNG 3/2		25.110	15.066	12.555
10	ĐƯỜNG VEN BIỂN HẢI ĐĂNG	ĐƯỜNG 3/2		32.300	19.380	16.150
11	HÀNG ĐIỀU	ĐƯỜNG 30/4	ĐƯỜNG 3/2	32.300	19.380	16.150
12	HÀNG ĐIỀU 4	ĐƯỜNG 30/4	ĐƯỜNG 2/9	32.300	19.380	16.150

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13	HOA LƯ' (P.12 CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		23.200	13.920	11.600
14	NGUYỄN GIA THIỀU (P.12 CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		21.800	13.080	10.900
	HẸM 58 NGUYỄN GIA THIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		23.980	14.388	11.990
15	PHƯỚC THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		26.940	16.164	13.470
16	TRƯỜNG SA (P.12 CŨ)	VÕ NGUYỄN GIÁP		26.940	16.164	13.470
17	RẠCH BÀ 1	ĐƯỜNG 30/4	ĐƯỜNG 2/9	26.940	16.164	13.470
18	QUY HOẠCH A3	ĐƯỜNG 30/4	ĐƯỜNG ĐỒ LƯƠNG	19.620	11.772	9.810
19	QUY HOẠCH A4	RẠCH BÀ 1	HÀNG ĐIỀU 4	19.620	11.772	9.810
20	VÕ NGUYỄN GIÁP	VÒNG XOAY ĐƯỜNG 3/2 VÀ TRỤC ĐƯỜNG 51B		32.300	19.380	16.150
	VÕ NGUYỄN GIÁP	ỢO ÔNG TỪ		32.300	19.380	16.150
	VÕ NGUYỄN GIÁP	CS TRUNG TÍN (CẦU CÂY KHẾ CŨ)		26.160	15.696	13.080
	VÕ NGUYỄN GIÁP	HOA LƯ'		32.300	19.380	16.150
21	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU NHÀ Ở PHƯỚC CƠ P12	21 LÔ ĐẤT CÓ DIỆN TÍCH 2.600M ²		32.300	19.380	16.150

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU NHÀ Ở PHƯỚC CỎ P12	23 LÔ ĐẤT CÓ DIỆN TÍCH 2.762,5M ²		26.160	15.696	13.080
22	ĐƯỜNG D7 (P.11 CŨ)	ĐƯỜNG 3/2	GIÁP RANH PHƯỜNG RẠCH DỪA MỚI	19.620	11.772	9.810
23	ĐƯỜNG VÀO CƠ SỞ DOANH TRẠI CHI ĐỘI KIỂM NGƯ SỐ 2	ĐƯỜNG VÕ NGUYỄN GIÁP (ĐOẠN TỪ ỢO ÔNG TỪ ĐẾN CƠ SỞ TRUNG TÍN CẦU CÂY KHẾ)	CƠ SỞ DOANH TRẠI CHI ĐỘI KIỂM NGƯ SỐ 2	19.620	11.772	9.810
24	ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG THCS NGUYỄN GIA THIỀU (P.12) (ĐOẠN TRÁI NHỰA TỪ ĐƯỜNG 2/9 ĐẾN TRƯỜNG THPT LIÊN PHƯỜNG 11, 12 VÀ ĐOẠN TRÁI NHỰA TỪ TRƯỜNG THPT LIÊN PHƯỜNG 11, 12 ĐẾN HẾT MẶT TIỀN TRƯỜNG THCS NGUYỄN GIA THIỀU)			19.620	11.772	9.810

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
25	ĐƯỜNG QH KHU NHÀ Ở PHƯỚC SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		26.161	15.697	13.081
26	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỜNG 12					
	ĐƯỜNG A1 (ĐƯỜNG ĐÁ RẢI NHỰA, CÓ LÒNG ĐƯỜNG RỘNG 10,5M)	TRỌN ĐƯỜNG		29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG B1, B2, B3, B4, C1, C2 (ĐƯỜNG ĐÁ RẢI NHỰA, CÓ LÒNG ĐƯỜNG RỘNG 7,0M - 7,5M)	TRỌN ĐƯỜNG		23.200	13.920	11.600
	ĐƯỜNG D1, D2 (ĐƯỜNG ĐÁ RẢI NHỰA, CÓ LÒNG ĐƯỜNG RỘNG 5,0M)	TRỌN ĐƯỜNG		23.200	13.920	11.600

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
27	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở SỐ 2 PHÍA TÂY ĐƯỜNG 3 THÁNG 2					
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THÁP TÀNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 7M			23.200	13.920	11.600
28	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU TÁI ĐỊNH CƯ TÂY BẮC AIII					
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 5M			23.200	13.920	11.600
	ĐƯỜNG CẦU CHÁY 3			23.200	13.920	11.600

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG CẦU CHÁY 5			23.200	13.920	11.600
	ĐƯỜNG AV			23.200	13.920	11.600
29	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC DỰ ÁN KHANG GIA HÂN PHƯỜNG 11 (CHỦ ĐẦU TƯ: KHANG LINH)					
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 5,5M			23.200	13.920	11.600
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 7M			23.200	13.920	11.600

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 11,25M			29.600	17.760	14.800
30	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG PHƯỜNG 11 CŨ					
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 7M			23.200	13.920	11.600
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 10M			29.600	17.760	14.800

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
31	ĐƯỜNG QUY HOẠCH (ĐOẠN ĐI QUA TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC AN)	ĐƯỜNG QUY HOẠCH A4	ĐƯỜNG QUY HOẠCH A3	24.880	14.928	12.440
32	ĐƯỜNG HÀNG ĐIỀU 2 (ĐOẠN QUA TRƯỜNG THCS PHƯỜNG 11 CŨ)	ĐƯỜNG QUY HOẠCH A4	ĐƯỜNG QUY HOẠCH A3	21.800	13.080	10.900
33	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU NHÀ Ở CAO CẤP VƯỜN XUÂN					
	ĐƯỜNG D1			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG D2			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D3			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D4			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D5			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N1			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N3A			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N4			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N5			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N7			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N8			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N9			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N10			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N11			23.200	13.920	11.600
	ĐƯỜNG N3B			29.600	17.760	14.800
34	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở					

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HẢI ĐĂNG - "THE LIGHT CITY" GIAI ĐOẠN 1					
	ĐƯỜNG A			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG B			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG C			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG D			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG G			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG G1			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG H			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG K			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG F			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG F1			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 1			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG SỐ 2			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 3			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG SỐ 4			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 5			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 6			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 7			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 8			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG SỐ 9			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 10			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 11			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG SỐ 12			32.300	19.380	16.150
35	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ VŨNG TÀU					
	ĐƯỜNG N6			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG N2D1			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2C1			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D6A			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6H			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6A1			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7C			29.600	17.760	14.800

MỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHƯỚC THẮNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG N2D2			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7C			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2C2			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7C			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7E			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2A			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7H			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6A2			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2B			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2E			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2C3			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2F			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7L			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7K			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7F			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7B			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6G			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6F			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6D			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6B			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7G			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7I			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6I			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6K			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6L			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6M			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D7A			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG N6E			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N6C			32.300	19.380	16.150
	ĐƯỜNG D6			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG D12			29.600	17.760	14.800
	ĐƯỜNG N2			29.600	17.760	14.800

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BẠCH ĐẰNG	NGUYỄN HUỆ	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	28.710	14.355	11.484
	BẠCH ĐẰNG	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	VÒNG XOAY CHI LĂNG	28.710	14.355	11.484
	BẠCH ĐẰNG	VÒNG XOAY CHI LĂNG	NGUYỄN HỮU THỌ	37.290	18.645	14.916
	BẠCH ĐẰNG	NGUYỄN HỮU THỌ	LÊ DUẬN	28.710	14.355	11.484
	BẠCH ĐẰNG	LÊ DUẬN	PHẠM VĂN ĐỒNG	19.490	9.745	7.796
	BẠCH ĐẰNG	PHẠM VĂN ĐỒNG	PHẠM HÙNG	19.490	9.745	7.796
2	HẸM 60 (BÙI LÂM)	BÙI LÂM	GIÁO XỨ DỪNG LẠC	13.650	6.825	5.460
3	CÁC ĐƯỜNG XƯƠNG (TRÁI NHỰA) CÒN LẠI THUỘC PHƯỜNG LONG TOÀN CŨ			10.500	5.250	4.200
4	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	CẦU LONG HƯƠNG	TÔN ĐỨC THẮNG	37.290	18.645	14.916
	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TÔN ĐỨC THẮNG	CẦU THỦ LỰU	37.290	18.645	14.916
	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	CẦU THỦ LỰU	GIÁP LONG ĐIỀN	28.710	14.355	11.484
5	CHÂU VĂN BIẾT	LÊ DUẬN	HẾT NHỰA	10.960	5.480	4.384
6	CHI LĂNG	NGUYỄN THANH ĐẰNG	ĐƯỜNG PHÍA ĐÔNG KHU BỜ KÈ SÔNG DINH GĐ2	28.710	14.355	11.484
7	CÙ CHÍNH LAN	TRẦN QUANG ĐIỀU	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10.960	5.480	4.384
8	DƯƠNG BẠCH MAI	QUỐC LỘ 51	BẠCH ĐẰNG	37.290	18.645	14.916
9	ĐÀO DUY TỪ	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TRƯỜNG CHINH	28.710	14.355	11.484

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10	ĐẶNG NGUYỄN CÂN	NGUYỄN THÁI BÌNH	GIÁP RANH HUYỆN LONG ĐIỀN	10.960	5.480	4.384
11	ĐẶNG VĂN NGŨ	CÙ CHÍNH LAN	HẾT NHỰA	10.960	5.480	4.384
	ĐẶNG VĂN NGŨ	ĐOẠN ĐƯỜNG BÊ TÔNG CÒN LẠI		8.530	4.265	3.412
12	ĐIỀN BIÊN PHỦ	CÁU ĐIỆN BIÊN PHỦ	NGUYỄN THANH ĐĂNG	24.200	12.100	9.680
	ĐIỀN BIÊN PHỦ	NGUYỄN THANH ĐĂNG	HẾT RANH PHƯỜNG LONG TOÀN CŨ	16.990	8.495	6.796
13	ĐOÀN GIỚI (A1 - TĐC BẮC 55)	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	HUYỄNH TẤN PHÁT	10.960	5.480	4.384
14	BÙI LÂM (TÊN CŨ: ĐÔNG TÂY GIÁO XỨ DỪNG LẠC)	NGUYỄN TẮT THÀNH	NAM QUỐC CANG	13.580	6.790	5.432
15	ĐƯỜNG 27/4	NHÀ TRÒN	ĐIỀN BIÊN PHỦ	32.240	16.120	12.896
	ĐƯỜNG 27/4	ĐIỀN BIÊN PHỦ	PHẠM NGỌC THẠCH	22.870	11.435	9.148
	ĐƯỜNG 27/4	PHẠM NGỌC THẠCH	CẦU NHÀ MÁY NƯỚC (HOÀNG DIỆU)	15.970	7.985	6.388
	ĐƯỜNG 27/4	NHÀ TRÒN (CMT8)	CHI LĂNG	22.870	11.435	9.148
16	NGUYỄN THÀNH LONG	ĐƯỜNG 27/4	LÊ THÀNH DUY	17.060	8.530	6.824
17	ĐƯỜNG PHÍA ĐÔNG KHU BỜ KÈ SÔNG DINH GIAI ĐOẠN 2	NGUYỄN THÀNH LONG	LÊ THÀNH DUY	17.060	8.530	6.824

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
18	H1 - HÀ HUY TẬP (ĐƯỜNG PHÍA NAM TRƯỜNG NGUYỄN DU)	HÀ HUY TẬP	HẾT NHỰA	15.970	7.985	6.388
19	H2 - CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (HẸM ĐÌNH PHƯỚC LỄ)	CMT8	BẠCH ĐẰNG	11.180	5.590	4.472
20	H2 - LÊ DUẨN (KHU GIÁO CHỨC)	LÊ DUẨN	BẠCH ĐẰNG	11.180	5.590	4.472
21	H2 - NGUYỄN THỊ ĐỊNH (ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG BIÊN PHÒNG)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	TRƯỜNG BIÊN PHÒNG	11.180	5.590	4.472
22	ĐOÀN CHUẨN	HÀ HUY TẬP	HẾT NHỰA	15.970	7.985	6.388
23	H4 - CMT8 (KHU GIÁO CHỨC)	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	H2 - LÊ DUẨN	11.180	5.590	4.472
24	H4 - LÊ DUẨN (KHU GIÁO CHỨC)	LÊ DUẨN	H6 - CMT8	11.180	5.590	4.472
25	H4 - NGUYỄN THỊ ĐỊNH (ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG BIÊN PHÒNG)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	HẾT NHỰA	11.180	5.590	4.472
26	H6 - CMT8 (KHU GIÁO CHỨC)	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	NGUYỄN TẮT THÀNH	11.180	5.590	4.472
27	HÀ HUY TẬP (P.PHƯỚC NGUYỄN CŨ)	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	HẾT NHỰA	11.180	5.590	4.472
28	HÀ HUY TẬP (P.PHƯỚC TRUNG CŨ)	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TRƯỜNG CHINH	15.970	7.985	6.388

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
29	HAI BÀ TRUNG	LÊ THANH DUY	LÊ LỢI	22.870	11.435	9.148
	HAI BÀ TRUNG	LÊ LỢI	NGUYỄN THANH ĐĂNG	22.870	11.435	9.148
30	HOÀNG DIỆU	CẦU NM NƯỚC	HÙNG VƯƠNG	15.970	7.985	6.388
31	HOÀNG ĐẠO THÀNH (TĐC ĐÔNG QL56)	MỘNG HUÊ LẦU	NGUYỄN TẮT THÀNH	9.500	4.750	3.800
32	HỒ TRI TÂN	BÊN HÔNG TRƯỜNG C.III		15.970	7.985	6.388
33	HUỆ ĐĂNG			22.870	11.435	9.148
34	HÙNG VƯƠNG	NGÃ 4 XÓM CÁT	PHẠM NGỌC THẠCH	22.870	11.435	9.148
	HÙNG VƯƠNG	PHẠM NGỌC THẠCH	MÔ XOÀI	15.970	7.985	6.388
35	HUỲNH NGỌC HAY	TRỌN ĐƯỜNG		22.870	11.435	9.148
36	HUỲNH TẤN PHÁT	ĐƯỜNG 27/4	NGUYỄN TẮT THÀNH	15.970	7.985	6.388
37	HUỲNH THỨC KHÁNG	PHAN CHÂU TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	16.990	8.495	6.796
38	HUỲNH TỊNH CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		32.240	16.120	12.896
39	LÂM QUANG KÝ	HÙNG VƯƠNG	MỘNG HUÊ LẦU	11.180	5.590	4.472
40	LÊ BẢO TỊNH (TĐC ĐÔNG QL56)	LÂM QUANG KÝ	NGUYỄN TẮT THÀNH	9.500	4.750	3.800
41	LÊ BÌNH (D4) (TĐC ĐÔNG QL56)	TRẦN NGUYỄN ĐÁN	HOÀNG ĐẠO THÀNH	9.500	4.750	3.800
42	LÊ DUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		18.400	9.200	7.360
43	LÊ LAI	TRỌN ĐƯỜNG		22.870	11.435	9.148
44	LÊ LỢI	CHI LĂNG	HAI BÀ TRUNG	22.870	11.435	9.148
	LÊ LỢI	HAI BÀ TRUNG	HUỲNH NGỌC HAY	22.870	11.435	9.148

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	LÊ LỢI	HUỲNH NGỌC HAY	ĐIỆN BIÊN PHỦ	15.970	7.985	6.388
45	LÊ QUÝ ĐÔN	HUỲNH TỊNH CỬA	DƯƠNG BẠCH MAI	32.240	16.120	12.896
	LÊ QUÝ ĐÔN	DƯƠNG BẠCH MAI	NGUYỄN THANH ĐĂNG	32.240	16.120	12.896
	LÊ QUÝ ĐÔN	NGUYỄN THANH ĐĂNG	CHI LĂNG	22.870	11.435	9.148
46	LÊ THÀNH DUY	TRƯƠNG VĨNH KÝ	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	15.970	7.985	6.388
	LÊ THÀNH DUY	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	NGUYỄN THANH ĐĂNG	22.870	11.435	9.148
	LÊ THÀNH DUY	NGUYỄN THANH ĐĂNG	NGUYỄN HỮU THỌ	22.870	11.435	9.148
47	LÊ THỊ BẠCH VÂN	LÂM QUANG KÝ	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	9.500	4.750	3.800
48	LÊ VĂN DUYỆT (P.LONG TOÀN CŨ)	NGUYỄN THÁI HỌC	TRẦN CHÁNH CHIỂU	7.670	3.835	3.068
49	LÝ THƯỜNG KIẾT	DƯƠNG BẠCH MAI	NGUYỄN THANH ĐĂNG	37.290	18.645	14.916
	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN THANH ĐĂNG	CHI LĂNG	28.710	14.355	11.484
50	LÝ TỰ TRỌNG			28.710	14.355	11.484
51	MÔ XOÀI (P. PHƯỚC HƯNG CŨ - ĐƯỜNG BÊN HÔNG TỈNH ĐỘI)	HÙNG VƯƠNG	VĂN TIẾN DŨNG	11.930	5.965	4.772
52	MỘNG HUỀ LẦU	NGUYỄN VĂN TRỎI	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	10.170	5.085	4.068
53	NAM QUỐC CANG	TRẦN HƯNG ĐẠO	ĐIỆN BIÊN PHỦ	13.650	6.825	5.460
54	NGÔ ĐÌNH CHÁT	NGUYỄN BÌNH	HUỲNH TẤN PHÁT	10.170	5.085	4.068

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
55	NGUYỄN CHÁNH SẮT	HUỖNH KHUÔNG AN	PHẠM NGỌC THẠCH	10.960	5.480	4.384
56	NGÔ ĐỨC KẾ			11.930	5.965	4.772
57	NGÔ GIA TỰ	NGUYỄN THANH ĐĂNG	LÊ DUẨN	24.370	12.185	9.748
58	NGUYỄN HỒNG	LÊ DUẨN	HẾT NHỰA	11.930	5.965	4.772
59	NGUYỄN BÌNH	PHI YẾN	LÊ DUẨN	10.960	5.480	4.384
60	NGUYỄN BÌNH	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	ĐIỆN BIÊN PHỦ	13.580	6.790	5.432
61	NGUYỄN CHÁNH	TÔN ĐỨC THẮNG	LÊ DUẨN	13.580	6.790	5.432
62	NGUYỄN CHÍ THANH	CMT8	NGUYỄN VĂN LINH	11.962	5.981	4.785
63	NGUYỄN DU	TRỌN ĐƯỜNG		28.710	14.355	11.484
64	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	QUỐC LỘ 51	HUỖNH NGỌC HAY	28.710	14.355	11.484
	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	HUỖNH NGỌC HAY	ĐƯỜNG 27/4	16.990	8.495	6.796
65	NGUYỄN HỒNG LAM	NGUYỄN MẠNH TUỜNG	NGUYỄN VĂN TRỖI	10.170	5.085	4.068
66	NGUYỄN HUỆ			28.710	14.355	11.484
67	NGUYỄN HỮU THỌ	QUỐC LỘ 51	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	37.290	18.645	14.916
	NGUYỄN HỮU THỌ	CMT8	NGUYỄN VĂN LINH	28.710	14.355	11.484
	NGUYỄN HỮU THỌ	NGUYỄN VĂN LINH	HÙNG VƯƠNG	16.990	8.495	6.796
68	NGUYỄN HỮU TRÍ (P. PHƯỚC HIỆP CŨ)	HUỖNH TẤN PHÁT	NGUYỄN HỮU THỌ	9.820	4.910	3.928
69	NGÔ TÁT TỔ (ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG THCS PHƯỚC HÙNG)	TRỌN ĐƯỜNG		10.960	5.480	4.384
70	NGUYỄN MẠNH HÙNG	NGUYỄN VĂN CỪ	HẸM 492 ĐIỆN BIÊN PHỦ	10.960	5.480	4.384
	NGUYỄN MẠNH HÙNG	NGUYỄN VĂN CỪ	GIÁP ĐƯỜNG MÒN KP1,	10.960	5.480	4.384

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			GIÁP HUYỆN LONG ĐIỀN CŨ			
71	NGUYỄN MẠNH TUỜNG	HÙNG VƯƠNG	NGUYỄN TẮT THÀNH	10.170	5.085	4.068
72	NGUYỄN TẮT THÀNH	QUỐC LỘ 51	ĐIỆN BIÊN PHỦ	23.590	11.795	9.436
	NGUYỄN TẮT THÀNH	ĐIỆN BIÊN PHỦ	HÙNG VƯƠNG (VÔ THỊ SÁU)	16.990	8.495	6.796
73	ĐƯỜNG 3/2 (TÊN CŨ: NGUYỄN TẮT THÀNH (NÓI DÀI))	HOÀNG DIỆU	GIÁP RANH XÃ TÂN HUNG (CŨ)	16.990	8.495	6.796
74	NGUYỄN THÁI BÌNH	ĐOẠN ĐÃ THẨM NHỰA		10.960	5.480	4.384
	NGUYỄN THÁI BÌNH	ĐOẠN ĐƯỜNG ĐẤT CÒN LẠI		10.960	5.480	4.384
75	NGUYỄN THÀNH CHÂU			16.990	8.495	6.796
76	NGUYỄN THANH ĐĂNG	QUỐC LỘ 51	NGÃ 4 XÓM CÁT	37.290	18.645	14.916
77	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CMT8	PHẠM HÙNG	16.990	8.495	6.796
78	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	TÔN ĐỨC THẮNG	LÊ DUẨN	12.380	6.190	4.952
79	NGUYỄN TRÃI			28.710	14.355	11.484
80	NGUYỄN VĂN CỪ	CMT8	CHỢ LONG TOÀN	28.710	14.355	11.484
	NGUYỄN VĂN CỪ	CHỢ LONG TOÀN	VÔ THỊ SÁU	16.990	8.495	6.796
81	NGUYỄN VĂN LINH	NGUYỄN THANH ĐĂNG	NGUYỄN TẮT THÀNH	19.170	9.585	7.668
	NGUYỄN VĂN LINH	NGUYỄN TẮT THÀNH	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	16.990	8.495	6.796
82	NGUYỄN VĂN TRỖI	27/4	NGUYỄN TẮT THÀNH	16.990	8.495	6.796

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	NGUYỄN VĂN TRỖI	NGUYỄN TẤT THÀNH	TRẦN HUY LIỆU	16.990	8.495	6.796
83	PHẠM HÙNG	TRẦN HÙNG ĐẠO	TRƯỜNG CHINH	28.710	14.355	11.484
84	PHẠM HỮU CHÍ			28.710	14.355	11.484
85	PHẠM NGỌC THẠCH (KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐÔNG QL56)	27/4	HÙNG VƯƠNG	16.990	8.495	6.796
	PHẠM NGỌC THẠCH (KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐÔNG QL56)	HÙNG VƯƠNG	TRẦN HÙNG ĐẠO	13.580	6.790	5.432
86	PHẠM PHÚ THỨ	HUYỀN KHƯƠNG AN	PHẠM NGỌC THẠCH	10.960	5.480	4.384
87	PHẠM THIỀU			8.350	4.175	3.340
88	PHẠM VĂN BẠCH			8.350	4.175	3.340
89	PHẠM VĂN ĐỒNG	TRƯỜNG CHINH	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	16.990	8.495	6.796
	PHẠM VĂN ĐỒNG	CMT8	ĐIỆN BIÊN PHỦ	16.990	8.495	6.796
90	PHAN CHÂU TRINH (ĐƯỜNG PHÍA BẮC TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH TỈNH)	NGUYỄN TẤT THÀNH	PHẠM VĂN ĐỒNG	16.990	8.495	6.796
91	H2- PHAN CHÂU TRINH (ĐƯỜNG VÀO KHU NHÀ Ở CÔNG TY ĐỊA LỢI)	PHAN CHÂU TRINH	HẾT NHỰA	10.170	5.085	4.068
92	PHÂN LÔ LONG KIÊN					
	H1 - NGUYỄN VĂN HƯỞNG	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	HẾT ĐƯỜNG TRÁI NHỰA	8.690	4.345	3.476

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	H3 - NGUYỄN VĂN HƯỞNG	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	NHÀ THỜ LONG KIÊN	8.350	4.175	3.340
	H3 - NGUYỄN VĂN HƯỞNG	NHÀ THỜ LONG KIÊN	HẾT ĐƯỜNG TRÁI NHỰA	8.350	4.175	3.340
	H1- TRẦN HƯNG ĐẠO	TRẦN HƯNG ĐẠO	THÁI VĂN LUNG	8.350	4.175	3.340
	H3- TRẦN HƯNG ĐẠO	TRẦN HƯNG ĐẠO	NHÀ THỜ LONG KIÊN	8.350	4.175	3.340
	PHI YẾN (A2 - TÁI ĐỊNH CƯ BẮC 55)	NGUYỄN VĂN LINH	HUỖNH TẤN PHÁT	10.170	5.085	4.068
93	QUỐC LỘ 51	CẦU CỎ MAY	TRẠM THU PHÍ	16.990	8.495	6.796
	QUỐC LỘ 51	TRẠM THU PHÍ	NGUYỄN HỮU THỌ, TRẦN XUÂN ĐỘ	19.170	9.585	7.668
	QUỐC LỘ 51	NGUYỄN HỮU THỌ, TRẦN XUÂN ĐỘ	CẦU SÔNG DINH	24.200	12.100	9.680
94	TẠ QUANG BỬU			10.960	5.480	4.384
95	TẠ UYÊN (A4 - TÁI ĐỊNH CƯ BẮC 55)	NGUYỄN BÌNH	HUỖNH TẤN PHÁT	10.170	5.085	4.068
96	TÔ HIỆU (A3 - TÁI ĐỊNH CƯ BẮC 55)	NGUYỄN BÌNH	HUỖNH TẤN PHÁT	10.170	5.085	4.068
97	TÔ KÝ (P.PHƯỚC TRUNG CŨ)	BẠCH ĐẰNG	NGÔ GIA TỰ	16.990	8.495	6.796
98	TÔN ĐỨC THẮNG	CMT8	TRẦN HƯNG ĐẠO	16.990	8.495	6.796
	TÔN ĐỨC THẮNG (TĐC ĐÔNG QL56)	TRẦN HƯNG ĐẠO	NGUYỄN VĂN TRỖI	13.580	6.790	5.432
	TÔN ĐỨC THẮNG	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	HẾT TUYẾN	16.990	8.495	6.796
99	TỈNH LỘ 44	RANH TRƯỜNG DẦU KHÍ TẠI VÒNG	GIÁP RANH LONG ĐẤT (VŨNG VẴN)	16.990	8.495	6.796

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		XOAY LONG TOÀN				
100	TRẦN CHÁNH CHIỂU	VÕ THỊ SÁU	PHẠM VĂN BẠCH	8.350	4.175	3.340
101	TRẦN ĐẠI NGHĨA	CMT8	NGUYỄN VĂN LINH	11.962	5.981	4.785
102	TRẦN HUY LIÊU	TRẦN HƯNG ĐẠO	VÕ THỊ SÁU	13.580	6.790	5.432
103	TRẦN HƯNG ĐẠO	VÒNG XOAY XÓM CÁT	PHẠM HÙNG	16.990	8.495	6.796
104	TRẦN NGUYỄN ĐÁN (TĐC ĐÔNG QL56)	NGUYỄN HỒNG LAM	MỘNG HUÊ LẦU	10.170	5.085	4.068
105	TRẦN QUANG DIỆU			10.960	5.480	4.384
106	TRẦN XUÂN ĐỘ (P.PHƯỚC TRUNG)			16.990	8.495	6.796
107	TRƯỜNG ĐỊNH	ĐƯỜNG 27/4	HÙNG VƯƠNG	16.990	8.495	6.796
108	TRƯỜNG HÁN SIÊU	TRỌN ĐƯỜNG (ĐÁ TRÁI NHỰA)		11.930	5.965	4.772
109	TRƯỜNG VĨNH KÝ			28.710	14.355	11.484
110	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN HỮU THỌ	PHẠM VĂN ĐỒNG	19.490	9.745	7.796
	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN ĐỒNG	TỈNH LỘ 44A	17.060	8.530	6.824
111	TÚ MỠ	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	NGUYỄN VĂN LINH	13.580	6.790	5.432
112	TUỆ TỈNH			8.350	4.175	3.340
113	TUYẾN ĐƯỜNG NỐI NGUYỄN VĂN LINH – ĐIỆN BIÊN PHỦ (ĐƯỜNG VÀO HỒ KHU PHỐ 3)	NGUYỄN VĂN LINH	HẾT TUYẾN	10.960	5.480	4.384

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
114	TUYẾN ĐƯỜNG RANH ĐẤT NGÂN HÀNG	LÊ DUẬN	NGUYỄN TẮT THÀNH	19.170	9.585	7.668
115	UNG VĂN KHIÊM (P. LONG TOÀN CŨ)	PHẠM VĂN BẠCH	VÕ VĂN TÀN	8.350	4.175	3.340
116	VĂN TIẾN DŨNG (P. PHƯỚC HUNG CŨ)	RANH XÃ TÂN HUNG (CŨ), PHƯỜNG PHƯỚC HUNG (CŨ)	MÔ XOÀI (ĐƯỜNG BÊN HÔNG TỈNH ĐỘI)	11.890	5.945	4.756
117	VÕ THỊ SÁU	HÙNG VƯƠNG	TRẦN HUNG ĐẠO	16.990	8.495	6.796
	VÕ THỊ SÁU	TRẦN HUNG ĐẠO	NGUYỄN VĂN CỪ	16.990	8.495	6.796
	VÕ THỊ SÁU	NGUYỄN VĂN CỪ	NGÃ 5 LONG ĐIỀN	16.990	8.495	6.796
118	VÕ VĂN TÀN			8.350	4.175	3.340
119	VÕ DUY NINH (P. LONG TOÀN CŨ)	VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG HIỆN HỮU	10.960	5.480	4.384
120	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG L1, L2, L3, L4 (DỰ ÁN NHÀ Ở HOÀN CẦU, P. PHƯỚC HUNG) CÓ MẶT CẮT (4-7-4)			10.170	5.085	4.068
130	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ TRIỀU PHÁT:					

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐẶNG THỊ MAI (ĐẶNG THAI MAI)	THÁI VĂN LUNG	NGUYỄN THẦN HIỂN	10.960	5.480	4.384
	ĐOÀN THỊ ĐIỂM (NGÔ QUYỀN)	THÁI VĂN LUNG	NGUYỄN THẦN HIỂN	10.960	5.480	4.384
	LÊ THỊ RIÊNG (BÙI THỊ XUÂN)	TRẦN HUY LIỆU	NGUYỄN THỊ THẬP	10.960	5.480	4.384
	LÝ BAN (QHTP1)	ĐẶNG THỊ MAI	TRẦN HUY LIỆU	10.960	5.480	4.384
	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	NGUYỄN TẮT THÀNH	NGUYỄN THỊ THẬP	10.840	5.420	4.336
	NGUYỄN THẦN HIỂN (NGUYỄN VĂN THOẠI)	NGUYỄN TẮT THÀNH	TRẦN HUY LIỆU	10.840	5.420	4.336
	NGUYỄN SIÊU (QHTP2)	TRẦN HUY LIỆU	HẾT TUYẾN	10.960	5.480	4.384
	THÁI VĂN LUNG	NGUYỄN TẮT THÀNH	HẾT VỈA HÈ	10.960	5.480	4.384
	THÁI VĂN LUNG	NGUYỄN TẮT THÀNH	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	10.960	5.480	4.384
131	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ H20:					
	BÙI XUÂN PHÁI (NGUYỄN VIỆT XUÂN)	PHẠM NGỌC THẠCH	NGUYỄN CHÁNH SẮT	10.960	5.480	4.384
	HUỶNH KHƯƠNG AN	ĐƯỜNG 27/4	PHẠM NGỌC THẠCH	11.930	5.965	4.772

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	LUU CHỈ HIỆU	ĐƯỜNG 27/4	TRẦN KHÁNH DƯ	11.930	5.965	4.772
	NGUYỄN CHÁNH SẮT (TÔN THẮT THUYẾT)	NGUYỄN VĂN TRỖI	HUỖNH KHUÔNG AN	10.960	5.480	4.384
	PHẠM PHÚ THỨ	NGUYỄN VĂN TRỖI	HUỖNH KHUÔNG AN	10.960	5.480	4.384
	PHAN VĂN HÓN	TÔN THẮT THUYẾT	HUỖNH KHUÔNG AN	10.960	5.480	4.384
	TẢN ĐÀ	HÙNG VƯƠNG	HUỖNH KHUÔNG AN	11.930	5.965	4.772
	TẶNG BẠT HỒ	NGUYỄN VĂN TRỖI	HUỖNH KHUÔNG AN	10.960	5.480	4.384
	TRẦN KHÁNH DƯ	NGUYỄN VĂN TRỖI	HUỖNH KHUÔNG AN	10.960	5.480	4.384
132	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÔNG VIÊN 30-4:					
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TĐC 30-4			9.820	4.910	3.928
	NGUYỄN THÁI HỌC	LÝ THÁI TỔ	LÊ VĂN DUYỆT	11.160	5.580	4.464
	ĐƯỜNG N5 (LÝ THÁI TỔ)	PHẠM HÙNG	NGUYỄN THÁI HỌC	11.160	5.580	4.464
	YÊN THỂ	PHẠM HÙNG	NGUYỄN THÁI HỌC	11.160	5.580	4.464
	NGUYỄN THỊ HOA	LÊ VĂN DUYỆT	PHAN THANH GIẢN	9.820	4.910	3.928
	MẠC CHÍNH CHUNG	NGUYỄN THỊ HOA	LÊ TUẤN KIỆT	9.820	4.910	3.928
	LÊ TUẤN KIỆT	LÊ VĂN DUYỆT	PHAN THANH GIẢN	9.820	4.910	3.928
	PHAN THANH GIẢN	PHẠM HÙNG	NGUYỄN THÁI HỌC	9.820	4.910	3.928

MỤC 5: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÀ RỊA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HÀ ĐỨC TRỌNG	NGUYỄN THỊ HOA	LÊ TUẤN KIẾT	9.820	4.910	3.928
	LÊ VĂN DUYỆT	PHẠM HÙNG	NGUYỄN THÁI HỌC	11.160	5.580	4.464
	HỒ ĐÁN			9.820	4.910	3.928
	HOÀNG TUỆ			9.820	4.910	3.928
133	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỚC HUNG:					
	ĐƯỜNG A2	ĐƯỜNG B (NGÔ TẤT TỐ)	ĐƯỜNG B2	10.960	5.480	4.384
	ĐƯỜNG B (NGÔ TẤT TỐ)	NGUYỄN TẤT THÀNH	ĐƯỜNG A2	10.960	5.480	4.384
	ĐƯỜNG A	ĐƯỜNG B (NGÔ TẤT TỐ)	ĐƯỜNG B2	10.170	5.085	4.068
	ĐƯỜNG A1	ĐƯỜNG B (NGÔ TẤT TỐ)	ĐƯỜNG B2	10.170	5.085	4.068
	ĐƯỜNG B1	NGUYỄN TẤT THÀNH	ĐƯỜNG A2	10.170	5.085	4.068
	ĐƯỜNG B2	NGUYỄN TẤT THÀNH	ĐƯỜNG A2	10.170	5.085	4.068

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG 11B (XÃ HÒA LONG CŨ)	VÕ VĂN KIẾT	ĐOẠN CÓ VỈA HÈ	6.598	3.299	2.639
2	ĐƯỜNG 40	ĐOẠN KHÔNG CÓ VỈA HÈ	TỈNH LỘ 52	5.463	2.732	2.185
3	ĐƯỜNG 23	QUỐC LỘ 56	GIÁP RANH KHU DÂN CƯ LAN ANH	4.680	2.340	1.872
4	ĐƯỜNG 69 (SAU LŨNG CHỢ HÒA LONG)	HƯƠNG LỘ 2	ĐƯỜNG SỐ 40	7.746	3.873	3.098
5	ĐƯỜNG SỐ 28 (ĐƯỜNG VÀO KHU TTCN HÒA LONG)	QUỐC LỘ 56	HẾT ĐOẠN CÓ VỈA HÈ	4.970	2.485	1.988
6	ĐƯỜNG SỐ 66 (ĐƯỜNG PHÍA TÂY TRƯỜNG MN LONG PHƯỚC, XÃ LONG PHƯỚC CŨ)	TỈNH LỘ 52	ĐƯỜNG SỐ 9	5.420	2.710	2.168
7	ĐƯỜNG SỐ 82 (ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG MẦM NON LONG XUYỀN, XÃ HÒA LONG CŨ)	HƯƠNG LỘ 2	HẾT ĐOẠN CÓ VỈA HÈ	5.420	2.710	2.168
8	ĐƯỜNG BÊN HÔNG TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN CHÓ ĐUA	VÕ THỊ SÁU	HẾT NHỰA	7.366	3.683	2.946

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9	ĐƯỜNG VÀO TRỤ SỞ KHU PHỐ 3	NGUYỄN MINH KHANH	ĐƯỜNG BÊN HÔNG TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN CHÓ ĐUA	7.366	3.683	2.946
10	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 3	KM 0	ĐẾN KM 226,69	5.420	2.710	2.168
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 3	TỪ KM 226,69	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 5	5.420	2.710	2.168
11	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 5	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 3	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 12	5.420	2.710	2.168
12	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 7	ĐƯỜNG PHÍA TÂY TRƯỜNG MÀM NON LONG PHƯỚC	ĐƯỜNG SỐ 110	5.420	2.710	2.168
13	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 12	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 5	ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ 3	5.420	2.710	2.168
14	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 32	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 52	ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ 3	5.420	2.710	2.168
15	ĐƯỜNG BÊN HÔNG ĐỊA ĐẠO	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 52	ĐƯỜNG SỐ 105	5.420	2.710	2.168
16	ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ 3 NỐI DÀI	ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ 3	ĐƯỜNG SỐ 9	5.420	2.710	2.168
17	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 5 NỐI DÀI	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 90	5.420	2.710	2.168
18	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 73	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 4	5.420	2.710	2.168
19	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 69	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 52	ĐƯỜNG SỐ 10	5.420	2.710	2.168
20	ĐƯỜNG D5 NỐI DÀI	ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ 3	ĐƯỜNG SỐ 74	5.420	2.710	2.168
21	ĐƯỜNG VÀO CHÙA KIÊN LINH			5.420	2.710	2.168
22	ĐƯỜNG SỐ 9	NGÃ 4 PHƯỚC HỮU	HƯƠNG LỘ 3 NỐI DÀI	5.604	2.802	2.242

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
23	HOÀNG HOA THÁM	HÙNG VƯƠNG	TRẦN PHÚ	11.995	5.998	4.798
24	HÙNG VƯƠNG	PHẠM NGỌC THẠCH	MÔ XOÀI	15.017	7.509	6.007
	HÙNG VƯƠNG (XÃ HÒA LONG CŨ)	MÔ XOÀI	NGÃ 4 HÒA LONG	12.364	6.182	4.946
25	HƯƠNG LỘ 2	NGÃ 5 LONG ĐIỀN	TIẾP GIÁP ĐƯỜNG SỐ 22	7.784	3.892	3.114
	HƯƠNG LỘ 2	ĐƯỜNG 22	HẾT ĐOẠN KHÔNG CÓ VỈA HÈ	6.555	3.278	2.622
26	HƯƠNG LỘ 3	ĐOẠN CÓ VỈA HÈ		7.784	3.892	3.114
27	HƯƠNG LỘ 8	TỈNH LỘ 52	ĐƯỜNG SỐ 1	6.555	3.278	2.622
	HƯƠNG LỘ 8	ĐƯỜNG SỐ 1	NGÃ 5 LONG ĐIỀN	4.950	2.475	1.980
28	KHA VẠN CÂN	VÕ VĂN KIẾT	TRẦN PHÚ	10.512	5.256	4.205
29	LƯƠNG THỂ VINH			10.512	5.256	4.205
30	MÔ XOÀI (XÃ HÒA LONG CŨ - ĐƯỜNG BÊN HÔNG TỈNH ĐỘI)	HÙNG VƯƠNG	RANH XÃ HÒA LONG CŨ, PHƯỜNG PHƯỚC HƯNG CŨ	9.295	4.648	3.718
31	NGUYỄN LÂN	ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	12.030	6.015	4.812
32	NGUYỄN MINH KHANH	VÕ THỊ SÁU	HẾT ĐƯỜNG NHỰA	10.521	5.261	4.208
33	NGUYỄN KHOA ĐĂNG	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	NGUYỄN PHÚC CHU	10.521	5.261	4.208
34	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	TRẦN HƯNG ĐẠO	NGUYỄN LÂN	12.030	6.015	4.812
35	QUỐC LỘ 56	NGÃ 4 HÒA LONG	ĐƯỜNG SỐ 3	7.791	3.896	3.116
	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 13	6.600	3.300	2.640
	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG SỐ 13	GIÁP CHÁU ĐỨC	4.943	2.472	1.977
36	TỈNH LỘ 52	NGÃ 4 HÒA LONG	ĐƯỜNG SỐ 45	7.791	3.896	3.116

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỈNH LỘ 52	ĐƯỜNG SỐ 45	RANH XÃ HÒA LONG, LONG PHƯỚC CŨ	6.600	3.300	2.640
	TỈNH LỘ 52	RANH XÃ HÒA LONG, LONG PHƯỚC	ĐƯỜNG VÀO ĐỊA ĐẠO LONG PHƯỚC	7.782	3.891	3.113
	TỈNH LỘ 52	ĐƯỜNG VÀO ĐỊA ĐẠO LONG PHƯỚC	HẾT ĐỊA PHẬN XÃ LONG PHƯỚC CŨ	5.449	2.725	2.180
37	TRẦN PHÚ	NGÃ 4 HÒA LONG	HẾT ĐỊA PHẬN XÃ HÒA LONG CŨ	7.791	3.896	3.116
	TRẦN PHÚ	VÕ THỊ SÁU	HẾT ĐỊA PHẬN PHƯỜNG LONG TÂM CŨ	10.483	5.242	4.193
38	TUYẾN TRÁNH QUỐC LỘ 56	QUỐC LỘ 56	GIÁP RANH PHƯỜNG LONG HƯƠNG	7.791	3.896	3.116
39	VÕ THỊ SÁU	HÙNG VƯƠNG	TRẦN HƯNG ĐẠO	16.211	8.106	6.484
	VÕ THỊ SÁU	TRẦN HƯNG ĐẠO	NGUYỄN VĂN CŨ	16.211	8.106	6.484
	VÕ THỊ SÁU	NGUYỄN VĂN CŨ	NGÃ 5 LONG ĐIỀN	16.211	8.106	6.484
40	VÕ VĂN KIẾT	RANH PHƯỜNG LONG TÂM CŨ, XÃ HÒA LONG CŨ	HƯƠNG LỘ 2	15.805	7.903	6.322
	VÕ VĂN KIẾT	VÕ THỊ SÁU	RANH PHƯỜNG LONG TÂM CŨ, XÃ HÒA LONG CŨ	27.516	13.758	11.006
41	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG DỰ ÁN KHU HƯNG VIỆT CÓ MẶT CẮT			10.483	5.242	4.193

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	(4-7-4) (P. LONG TÂM CŨ)					
42	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG (ĐƯỜNG ĐẤT) CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN			4.240	2.120	1.696
43	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐÃ ĐƯỢC TRẢI NHỰA, BÊTÔNG XI MĂNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M			3.770	1.885	1.508
44	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐÃ ĐƯỢC TRẢI NHỰA, BÊTÔNG XI MĂNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN			4.711	2.356	1.884
45	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ GỖ CÁT					
	CAO TRIỀU PHÁT			10.494	5.247	4.198

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	CHU VĂN AN	LÊ HỮU TRÁC	HÙNG VƯƠNG	10.494	5.247	4.198
	PHAN BÀ VÀNH (TÊN CŨ: ĐƯỜNG GD1)	KHU TÁI ĐỊNH CƯ GÒ CÁT 6	TRỌN ĐƯỜNG (TRÁI NHỰA)	10.494	5.247	4.198
	PHAN KẾ TOẠI (TÊN CŨ: ĐƯỜNG GD2)	KHU TÁI ĐỊNH CƯ GÒ CÁT 6	TRỌN ĐƯỜNG (TRÁI NHỰA)	10.494	5.247	4.198
	ĐỒNG HỒ (TÊN CŨ: ĐƯỜNG GD3)	KHU TÁI ĐỊNH CƯ GÒ CÁT 6	TRỌN ĐƯỜNG (TRÁI NHỰA)	10.494	5.247	4.198
	HÀ HUY GIÁP			10.494	5.247	4.198
	HÀN MẶC TỬ (LÊ VĂN LƯƠNG)	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	PHAN BỘI CHÂU	10.494	5.247	4.198
	NGUYỄN CAO	NGUYỄN PHÚC CHU	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	10.494	5.247	4.198
	KHA VẠN CÂN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	LÊ HỮU TRÁC	10.494	5.247	4.198
	KỶ ĐỒNG	THÍCH THIÊN CHIẾU	CAO TRIỀU PHÁT	10.494	5.247	4.198
	LÊ CHÂN (GN3)	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	VÕ VĂN KIẾT	10.494	5.247	4.198
	LÊ HỮU TRÁC (ĐÃ ĐIỀU CHỈNH THÔNG TUYẾN GỒM ĐƯỜNG HỒ ĐẮC DI (CŨ), ĐƯỜNG HOÀI THANH (CŨ)	LÊ CHÂN	CHU VĂN AN	10.494	5.247	4.198
	LÊ LONG VÂN			10.494	5.247	4.198
	LÊ VĂN HỮU			10.494	5.247	4.198
	LƯU HỮU PHƯỚC	NGUYỄN PHÚC CHU	LÊ HỮU TRÁC	10.494	5.247	4.198
	NGUYỄN HUỖNH ĐỨC	THÍCH THIÊN CHIẾU	HOÀNG HOA THÁM	10.494	5.247	4.198
	NGUYỄN HỮU HUÂN	NGUYỄN PHÚC CHU	LÊ HỮU TRÁC	10.494	5.247	4.198

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	NGUYỄN HỮU TIẾN			10.494	5.247	4.198
	NGUYỄN PHÚC CHU	VÕ THỊ SÁU	HOÀNG HOA THÁM	10.494	5.247	4.198
	NGUYỄN PHÚC CHU	NGUYỄN HỮU HUÂN	CHU VĂN AN	10.494	5.247	4.198
	NGUYỄN TRỌNG QUÂN	HOÀNG HOA THÁM	CHU VĂN AN	10.494	5.247	4.198
	NGUYỄN VĂN NGUYỄN			10.494	5.247	4.198
	PHAN ANH	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	VÕ VĂN KIẾT	10.494	5.247	4.198
	PHAN BỘI CHÂU			10.494	5.247	4.198
	THÍCH THIÊN CHIỂU	NGUYỄN PHÚC CHU	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	10.494	5.247	4.198
	THÍCH THIÊN CHIỂU	NGUYỄN HỮU TIẾN	LÊ HỮU TRÁC (HỒ ĐẮC DI CỬ)	10.494	5.247	4.198
	TRỊNH HOÀI ĐỨC	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	NGUYỄN TRỌNG QUÂN	10.494	5.247	4.198
46	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ LONG TOÀN 2					
	ĐẶNG THÁI THÂN	NGUYỄN THÁI HỌC	KHA VẠN CÂN	8.399	4.200	3.360
	HỒ THÀNH BIÊN (ÔNG ÍCH KIỆM)	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN LÂN	8.399	4.200	3.360
	HUỖNH MẦN ĐẠT	TRẦN PHÚ	LÝ CHÍ THẮNG	8.399	4.200	3.360
	LÊ ANH XUÂN (NGUYỄN TRUNG TRỰC)	XUÂN DIỆU	NGUYỄN LÂN	8.399	4.200	3.360

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	LÝ CHỈ THẮNG (PHẠM PHÚ THÚ)	HOÀNG HOA THÁM	PHÙNG HƯNG	8.399	4.200	3.360
	MAI HẮC ĐẾ	VÕ VĂN KIẾT	THIẾU SƠN	8.399	4.200	3.360
	NAM CAO	HOÀNG HOA THÁM	HUỲNH MÃN ĐẠT	8.399	4.200	3.360
	NGUYỄN BIỂU	HOÀNG HOA THÁM	KHA VẠN CÂN	8.399	4.200	3.360
	NGUYỄN CHÍCH	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN TRỰC	8.399	4.200	3.360
	NGUYỄN HIỀN	TRẦN PHÚ	NAM CAO	8.399	4.200	3.360
	NGUYỄN QUYỀN	NGUYỄN THÁI HỌC	ĐẶNG THÁI THÂN	8.399	4.200	3.360
	NGUYỄN THÁI HỌC	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN LÂN	10.495	5.248	4.198
	NGUYỄN TRỰC	XUÂN DIỆU	KHA VẠN CÂN	8.399	4.200	3.360
	NGUYỄN XÍ	HOÀNG HOA THÁM	HUỲNH MÃN ĐẠT	8.399	4.200	3.360
	NHẤT CHI MAI	HỒ THÀNH BIÊN	TRẦN PHÚ	8.399	4.200	3.360
	PHÙNG HƯNG	NGUYỄN THÁI HỌC	ĐẶNG THÁI THÂN	8.399	4.200	3.360
	THIẾU SƠN	XUÂN DIỆU	KHA VẠN CÂN	8.399	4.200	3.360
	XUÂN DIỆU (LÝ NAM ĐẾ)	VÕ VĂN KIẾT	LÝ CHÍNH THẮNG	10.494	5.247	4.198
47	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRONG DỰ ÁN BARIMEX (CŨ) NAY THUỘC CÔNG TY DIC 4 (PHƯỜNG LONG TÂM CŨ)					
	HỒ TÙNG MẬU	TRỌN ĐƯỜNG		10.494	5.247	4.198

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HOÀNG XUÂN NHỊ (HOÀNG XUÂN NGHỊ)	TRỌN ĐƯỜNG		10.494	5.247	4.198
48	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ HÒA LONG					
	N4	HƯỚNG LỘ 2	TRẦN PHÚ	7.722	3.861	3.089
	D5	N1	N6	6.567	3.284	2.627
	D1	N1	N6	5.420	2.710	2.168
	D2	N1	N6	5.420	2.710	2.168
	D3	N1	N6	5.420	2.710	2.168
	D6	N2	N6	5.420	2.710	2.168
	D7	D8	N6	5.420	2.710	2.168
	D8	N1	D7	5.420	2.710	2.168
	N1	D1	D8	5.420	2.710	2.168
	N2	D2	D8	5.420	2.710	2.168
	N3	D1	D7	5.420	2.710	2.168
	N3A	D3	D6	5.420	2.710	2.168
	N5	D2	D6	5.420	2.710	2.168
	N6	D1	D7	5.420	2.710	2.168
49	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ BẮC HƯƠNG LỘ 10					
	LÊ LONG VÂN	TRẦN PHÚ	NGUYỄN THÁI HỌC	10.498	5.249	4.199
	NGUYỄN MINH KHANH	HOÀNG HOA THẨM	LÊ LONG VÂN	10.498	5.249	4.199
	NGUYỄN THÁI HỌC	HOÀNG HOA THẨM	LÊ LONG VÂN	9.761	4.881	3.904
	BUI DUONG LICH	HOÀNG HOA THẨM	ĐẶNG XUÂN BẢO	9.451	4.726	3.780
	ĐẶNG PHÚC THÔNG	LÊ LONG VÂN	NGUYỄN BÁ PHÁT	9.451	4.726	3.780

MỤC 6: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HÀ VĂN LAO	LÊ LONG VÂN	NGUYỄN BÁ PHÁT	9.451	4.726	3.780
	LƯƠNG HỮU KHÁNH	HOÀNG HOA THẨM	HUỖNH BÁ CHÁNH	9.451	4.726	3.780
	NGUYỄN BÁ PHÁT	LƯƠNG HỮU KHÁNH	BÙI DƯƠNG LỊCH	9.451	4.726	3.780
	ĐẶNG XUÂN BẢO	NGUYỄN THÁI HỌC	ĐẶNG PHÚC THÔNG	9.451	4.726	3.780
	HUỖNH BÁ CHÁNH	TRẦN PHÚ	HÀ VĂN LAO	9.451	4.726	3.780
50	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG TÂM					
	ĐƯỜNG D1	HOÀNG HOA THẨM	KHA VẠN CÂN	10.494	5.247	4.198

MỤC 7: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG LONG HƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÌNH GIÃ	NGUYỄN HỮU CẢNH	TRƯỜNG TÂN BỬU	11.980	5.990	4.792
2	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	TÔ NGUYỆT ĐÌNH	CẦU LONG HƯƠNG	29.520	14.760	11.808
3	CÁNH ĐỒNG ĐON	LÊ TRỌNG TẤN	GIÁP HÒA LONG	8.800	4.400	3.520
4	CAO TỐC BIÊN HÒA - VŨNG TÀU	LÊ TRỌNG TẤN	GIÁP HÒA LONG	8.800	4.400	3.520
5	ĐỖ NHUẬN (ĐƯỜNG PHÍA TÂY CHỢ KIM DINH)	QUỐC LỘ 51	TRỊNH ĐÌNH THẢO	11.000	5.500	4.400
6	ĐOẠN ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG MẦM NON VÀNH KHUYÊN	PHAN VĂN TRỊ	CUỐI ĐƯỜNG LÀ TRƯỜNG MẦM NON VÀNH KHUYÊN	9.100	4.550	3.640
7	DUY TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		12.470	6.235	4.988
8	ĐƯỜNG VÀO NHÀ MÁY ĐIỆN BÀ RỊA	QUỐC LỘ 51	HẾT ĐƯỜNG NHỰA	11.980	5.990	4.792
9	HÀM NGHI	PHƯỚC TÂN - CHÂU PHA		8.800	4.400	3.520
10	HOÀNG DIỆU	CẦU MÁY NƯỚC	NGUYỄN HỮU CẢNH NỐI DÀI	10.600	5.300	4.240
11	HOÀNG VIỆT	CMT8	HẾT ĐOẠN ĐƯỜNG MỚI LÀM	12.470	6.235	4.988
12	HẸM 239 (PHAN VĂN TRỊ) (TÊN CŨ: HUỖNH KHƯƠNG NINH)	PHAN VĂN TRỊ	GIÁP PHƯỜNG TÂN HẢI	11.000	5.500	4.400

MỤC 7: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG LONG HƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13	LÊ ĐẠI HÀNH	PHAN VĂN TRỊ	TRỊNH ĐÌNH THẢO	11.000	5.500	4.400
14	LÊ TRỌNG TẤN	NGUYỄN HỮU CẢNH	MỐC ĐỊA GIỚI XÃ TÂN HƯNG -CHÂU PHA 02 X.I	10.600	5.300	4.240
	LÊ TRỌNG TẤN	MỐC ĐỊA GIỚI XÃ TÂN HƯNG -CHÂU PHA 02 X.I	GIÁP CHÂU PHA	10.610	5.305	4.244
15	NGUYỄN AN NINH	NGUYỄN HỮU CẢNH	TRƯƠNG PHÚC PHAN	12.470	6.235	4.988
16	NGUYỄN AN NINH NỐI DÀI	NGUYỄN HỮU CẢNH	TRƯƠNG TẤN BỬU	12.470	6.235	4.988
17	NGUYỄN CƯ TRINH	CMT8	NGUYỄN AN NINH	12.300	6.150	4.920
	NGUYỄN CƯ TRINH	NGUYỄN AN NINH	PHAN ĐĂNG LƯU	12.470	6.235	4.988
18	NGUYỄN HỮU CẢNH	QUỐC LỘ 51	SUỐI LỒ Ò	12.470	6.235	4.988
	NGUYỄN HỮU CẢNH (THUỘC XÃ TÂN HƯNG CŨ)	SUỐI LỒ Ò	ĐƯỜNG PHƯỚC TÂN	8.800	4.400	3.520
19	NGUYỄN HỮU CẢNH NỐI DÀI	LÊ TRỌNG TẤN	QUỐC LỘ 56	8.800	4.400	3.520
20	NGUYỄN LỘ TRẠCH	NGUYỄN HỮU CẢNH	VÕ NGỌC CHÂN	12.470	6.235	4.988
21	NGUYỄN TẤT THÀNH (NỐI DÀI)	RANH XÃ TÂN HƯNG	TUYẾN TRÁNH QL56	8.800	4.400	3.520
22	PHAN ĐĂNG LƯU	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	NGUYỄN HỮU CẢNH	17.140	8.570	6.856
23	PHAN VĂN TRỊ (ĐƯỜNG VÀO KCN KHÍ THÁP ÁP)	QUỐC LỘ 51	HẾT NHỰA	11.980	5.990	4.792

MỤC 7: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG LONG HƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
24	PHAN VĂN TRỊ (SỐ 5 CŨ)	QUỐC LỘ 51	TRỊNH ĐÌNH THẢO	11.000	5.500	4.400
	PHAN VĂN TRỊ (SỐ 5 CŨ)	TRỊNH ĐÌNH THẢO	TUYẾN TRÁNH QL56	9.100	4.550	3.640
25	PHAN XÍCH LONG (GIÁP RANH PHƯỜNG TÂN HẢI VÀ PHƯỜNG LONG HƯƠNG MỚI)	QUỐC LỘ 51	TUYẾN TRÁNH QUỐC LỘ 56	9.100	4.550	3.640
26	QUỐC LỘ 51	NGÃ 3 HÓA TÁNG (NGUYỄN HỮU CẢNH)	GIÁP PHƯỜNG TÂN HẢI	17.140	8.570	6.856
	QUỐC LỘ 51	CẦU SÔNG DINH	NGUYỄN HỮU CẢNH	17.140	8.570	6.856
	QUỐC LỘ 51	TÔ NGUYỆT ĐÌNH	NGUYỄN HỮU CẢNH	17.140	8.570	6.856
27	QUY HOẠCH N2	PHƯỚC TÂN - CHÂU PHA	NGUYỄN HỮU CẢNH NỐI DÀI	8.800	4.400	3.520
28	RẠCH GẦM XOÀI MÚT	QUỐC LỘ 51	TRỊNH ĐÌNH THẢO	9.480	4.740	3.792
29	TÔ NGUYỆT ĐÌNH	QUỐC LỘ 51	NGUYỄN AN NINH	12.300	6.150	4.920
30	TRẦN XUÂN SOẠN (CÁNH ĐỒNG MẮT MÈO)	CMT8	QUỐC LỘ 51	12.300	6.150	4.920
31	TRỊNH ĐÌNH THẢO	RẠCH GẦM XOÀI MÚT	PHAN VĂN TRỊ	13.360	6.680	5.344
32	TRỊNH ĐÌNH THẢO (ĐƯỜNG BÊN HÔNG NÚI ĐỨC MẸ)	NGUYỄN HỮU CẢNH	TRƯƠNG TẤN BỬU	9.480	4.740	3.792

MỤC 7: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG LONG HƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
33	TRƯỜNG CÔNG QUYỀN (ĐƯỜNG SỐ 22-PHÍA ĐÔNG CHỢ KIM DINH)	QUỐC LỘ 51	TRỊNH ĐÌNH THẢO	11.000	5.500	4.400
34	TRƯỜNG PHÚC PHAN			12.300	6.150	4.920
35	TRƯỜNG TÂN BỬU	QUỐC LỘ 51	TRỊNH ĐÌNH THẢO	9.480	4.740	3.792
36	TUYẾN TRÁNH QUỐC LỘ 56	QUỐC LỘ 56	GIÁP RANH PHƯỜNG LONG HƯƠNG CŨ	10.900	5.450	4.360
	TUYẾN TRÁNH QUỐC LỘ 56	GIÁP RANH PHƯỜNG LONG HƯƠNG CŨ	HẾT ĐỊA PHẬN PHƯỜNG KIM DINH CŨ	12.300	6.150	4.920
37	VĂN TIẾN DŨNG (XÃ TÂN HƯNG CŨ)	PHƯỚC TÂN - CHÂU PHA	RANH XÃ TÂN HƯNG, PHƯỜNG PHƯỚC HƯNG CŨ	10.600	5.300	4.240
38	VÕ NGỌC CHẤN	PHAN ĐĂNG LƯU	HOÀNG DIỆU	9.850	4.925	3.940
	VÕ NGỌC CHẤN	CMT8	NGUYỄN AN NINH	12.300	6.150	4.920
	VÕ NGỌC CHẤN	NGUYỄN AN NINH	PHAN ĐĂNG LƯU	11.980	5.990	4.792
39	VŨ TRỌNG PHỤNG (CÁNH ĐỒNG MẮT MÈO)	HOÀNG VIỆT	NGÔ VĂN TỊNH	12.300	6.150	4.920
40	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN (ĐƯỜNG ĐẤT) CÓ CHIỀU			4.240	2.120	1.696

MỤC 7: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG LONG HƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN					
41	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ ĐƯỢC TRÁI NHỰA, BÊTÔNG XI MĂNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M			3.770	1.885	1.508
42	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ ĐƯỢC TRÁI NHỰA, BÊTÔNG XI MĂNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN			4.711	2.356	1.884
43	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐỒNG MẮT MÈO:					
	TRẦN QUỐC TOÀN (ĐƯỜNG GOM QL51)	TRỌN ĐƯỜNG		17.140	8.570	6.856
	TỔNG DUY TÂN (ĐƯỜNG SONG SONG VỚI TRẦN QUỐC TOÀN)	TRẦN XUÂN SOẠN	VỖ TRƯỜNG TOÀN (ĐƯỜNG GOM QL51)	12.300	6.150	4.920

MỤC 7: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG LONG HƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	VÕ TRƯỜNG TOÀN	TRẦN QUỐC TOÀN	VŨ TRỌNG PHỤNG	12.300	6.150	4.920
	VÕ TRƯỜNG TOÀN	VŨ TRỌNG PHỤNG	HẾT ĐOẠN ĐƯỜNG MỚI LÀM	12.470	6.235	4.988
44	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ KIM DINH:					
	ĐƯỜNG D1	TRỊNH ĐÌNH THẢO	ĐƯỜNG N1	8.971	4.486	3.588
	ĐƯỜNG D2	TRỊNH ĐÌNH THẢO	ĐƯỜNG N1	8.971	4.486	3.588
	ĐƯỜNG N1	TRỌN ĐƯỜNG		8.971	4.486	3.588
	ĐƯỜNG N2	ĐƯỜNG D2	RẠCH GÀM XOÀI MÚT (NÓI DÀI)	8.971	4.486	3.588
	RẠCH GÀM XOÀI MÚT (NÓI DÀI)	TRỊNH ĐÌNH THẢO	ĐƯỜNG N1	8.971	4.486	3.588
45	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG HƯƠNG:					
	ĐƯỜNG NGUYỄN PHƯỚC TẤN	VÕ NGỌC CHẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940
	ĐƯỜNG SƯƠNG NGUYỆT ANH	VÕ NGỌC CHẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940
	ĐƯỜNG TRƯỜNG PHÚC PHAN	NGUYỄN PHƯỚC TẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940
	ĐƯỜNG D1	NGUYỄN PHƯỚC TẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940
	ĐƯỜNG D2	NGUYỄN PHƯỚC TẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940

MỤC 7: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG LONG HƯƠNG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG D3	NGUYỄN PHƯỚC TẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940
	ĐƯỜNG D4	NGUYỄN PHƯỚC TẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940
	ĐƯỜNG D5	NGUYỄN PHƯỚC TẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940
	ĐƯỜNG D6	NGUYỄN PHƯỚC TẤN	TRƯỜNG PHÚC PHAN	9.850	4.925	3.940
	ĐƯỜNG N1	VÕ NGỌC CHẤN	ĐƯỜNG D6	9.850	4.925	3.940
46	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ TÂN HƯNG:					
	N1	NGUYỄN HỮU CẢNH NỐI DÀI	D4	8.800	4.400	3.520
	N2	D2	D5	8.800	4.400	3.520
	N3	D3	D4	8.800	4.400	3.520
	N4	NGUYỄN HỮU CẢNH NỐI DÀI	D2	8.800	4.400	3.520
	D1	N4	N1	8.800	4.400	3.520
	D2	HOÀNG DIỆU	N1	8.800	4.400	3.520
	D3	HOÀNG DIỆU	N1	8.800	4.400	3.520
	D4	HOÀNG DIỆU	N1	8.800	4.400	3.520
	D5	N3	N1	8.800	4.400	3.520
47	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ ĐỒNG NHÂN			8.800	4.400	3.520
48	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ PHƯỚC SƠN			9.850	4.925	3.940

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BẠCH MAI	NGÔ QUYỀN	PHAN BỘI CHÂU	12.510	6.255	5.004
2	ĐỘC LẬP (QUỐC LỘ 51 CŨ)			23.760	11.880	9.504
3	ĐƯỜNG QUY HOẠCH 8A KHU DÂN CƯ NGỌC HÀ	QUỐC LỘ 51 (ĐƯỜNG ĐỘC LẬP)	PHẠM HỮU CHÍ	12.510	6.255	5.004
4	ĐƯỜNG 12 NƠI 13	LÊ LỢI	NGUYỄN CHÍ THANH	10.366	5.183	4.146
5	HOÀNG DIỆU (QUY HOẠCH SỐ 3)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
6	HOÀNG HOA THÁM (QUY HOẠCH ĐƯỜNG SỐ 5 KHU DÂN CƯ NGỌC HÀ)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
7	HOÀNG VIỆT (QUY HOẠCH SỐ 7 CŨ)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
8	HUỖNH THỨC KHÁNG (QUY HOẠCH ĐƯỜNG SỐ 25)	QUỐC LỘ 51	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI KHU TÁI ĐỊNH CƯ 25 HA	12.510	6.255	5.004
9	HUỖNH TỊNH CỬA (QUY HOẠCH G CŨ)	NGÔ QUYỀN	PHAN BỘI CHÂU	12.510	6.255	5.004
10	LÊ DUÂN (QUY HOẠCH SỐ 26)	QUỐC LỘ 51	RANH KHU TĐC 25HA	12.510	6.255	5.004
11	LÊ DUÂN (QUY HOẠCH SỐ 26)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
12	LÊ LỢI (QUY HOẠCH SỐ 12)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	LÊ LỢI (QUY HOẠCH SỐ 12)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA ĐÔNG	12.510	6.255	5.004
13	LÊ QUÝ ĐÔN (QUY HOẠCH SỐ 2)	BẠCH MAI	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
14	NGÔ QUYỀN (QUY HOẠCH SỐ 1)	BẠCH MAI	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
15	NGUYỄN CHÍ THANH (QUY HOẠCH SỐ 13)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
16	NGUYỄN CƯ TRINH (QUY HOẠCH SỐ 4 CŨ)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
17	NGUYỄN DU	NGUYỄN TẤT THÀNH	NGUYỄN CHÍ THANH	12.510	6.255	5.004
18	NGUYỄN HUỆ (CHINFON CŨ)	QUỐC LỘ 51	RANH KCN PM 1	15.350	7.675	6.140
19	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG (QUY HOẠCH SỐ 10)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
20	NGUYỄN TRÃI (QUY HOẠCH SỐ 11)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
	NGUYỄN TRÃI (QUY HOẠCH SỐ 11)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA ĐÔNG	12.510	6.255	5.004
21	NGUYỄN TẤT THÀNH	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	12.510	6.255	5.004
	NGUYỄN TẤT THÀNH	ĐƯỜNG P	ĐƯỜNG R - LÊ THÁNH TÔN	12.510	6.255	5.004
22	NGUYỄN VĂN LINH (ĐƯỜNG CHÍNH VÀO)	QUỐC LỘ 51	NGÃ 3 NHÀ MÁY THÉP	14.386	7.193	5.754

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	CÁNG BÀ RIÀ SERECE CŨ)		VINAKYOEI (ĐƯỜNG 1B)			
23	PHẠM HỮU CHỈ (QUY HOẠCH F)	NGÔ QUYỀN	PHAN BỘI CHÂU	12.510	6.255	5.004
24	PHẠM NGỌC THẠCH	LÊ LỢI (QH SỐ 12)	NGUYỄN VĂN LINH (ĐƯỜNG CHÍNH VÀO CÁNG BÀ RIÀ SERECE CŨ)	12.510	6.255	5.004
25	PHẠM VĂN ĐỒNG (QUY HOẠCH SỐ 27 CŨ)	QUỐC LỘ 51	RANH KHU TÁI ĐỊNH CƯ 25HA	12.510	6.255	5.004
26	PHAN BỘI CHÂU (QUY HOẠCH SỐ 8)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY (ĐƯỜNG 1B)	12.510	6.255	5.004
27	PHAN CHÂU TRINH (VÀO NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN CŨ)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN	16.661	8.331	6.664
28	TÔN ĐỨC THẮNG (QUY HOẠCH SỐ 15)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA ĐÔNG	12.700	6.350	5.080
29	TÔN THẮT TÙNG (VẠN HẠNH CŨ)	QUỐC LỘ 51	LÊ THÁNH TÔN	15.550	7.775	6.220

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TÔN THẮT TÙNG (VẠN HẠNH CŨ)	LÊ THÁNH TÔN	HẾT TUYẾN	11.057	5.529	4.423
30	TRẦN HƯNG ĐẠO	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐẢ THI CÔNG HOÀN THÀNH HTKT VỀ PHÍA ĐÔNG (HẾT RANH DỰ ÁN ĐƯỜNG NỐI TIẾP ĐƯỜNG QUY HOẠCH 46 ĐẢ THI CÔNG HOÀN THÀNH)	21.659	10.830	8.664
	TRẦN HƯNG ĐẠO	QUỐC LỘ 51 (VÀO KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ I)	RANH KCN PHÚ MỸ 1	16.661	8.331	6.664
31	TRƯỜNG CHINH (ĐƯỜNG 81)	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐẢ THI CÔNG HOÀN THÀNH HTKT (HẾT RANH DỰ ÁN ĐƯỜNG NỐI TIẾP ĐƯỜNG QUY HOẠCH 81 ĐẢ THI CÔNG HOÀN THÀNH)	15.000	7.500	6.000
32	LƯU CHÍ HIẾU (ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH (ĐƯỜNG 81) CŨ)	TRƯỜNG CHINH	RANH GIỚI XÃ TÓC TIÊN CŨ	12.450	6.225	4.980

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
33	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ VÀ ĐƯỜNG VIÊN KHÁC THUỘC KHU TTTM PHÚ MỸ			14.900	7.450	5.960
34	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRONG ĐÔ THỊ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, ĐƯỢC TRẢI NHỰA, BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG LÒNG ĐƯỜNG TỪ 4M TRỞ LÊN			7.337	3.669	2.935

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
35	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRONG ĐÔ THỊ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, ĐƯỢC TRẢI NHỰA CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN, CÓ ĐIỂM ĐẦU TIẾP GIÁP QUỐC LỘ 51 (ĐƯỜNG ĐỘC LẬP)			12.700	6.350	5.080

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
36	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ VÀ ĐƯỜNG VIÊN KHÁC THUỘC KHU TÁI ĐỊNH CƯ 25HA PHƯỜNG PHÚ MỸ, 44HA PHƯỜNG PHÚ MỸ, 15 HA PHƯỜNG PHÚ MỸ, 37HA PHƯỜNG PHÚ MỸ VÀ KHU DÂN CƯ ĐỢT ĐẦU ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ (22HA), KHU TÁI ĐỊNH CƯ 26,5HA MỸ XUÂN, 5,6HA MỸ XUÂN VÀ KHU DÂN CƯ ATA			8.766	4.383	3.506
37	ĐƯỜNG PHÍA BẮC KHU TÁI ĐỊNH CƯ 44HA			9.450	4.725	3.780
	ĐƯỜNG PHÍA ĐÔNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ 44HA			9.450	4.725	3.780
38	ĐƯỜNG R - LÊ THÁNH TÔN	KHU TÁI ĐỊNH CƯ 15HA	TRẦN HƯNG ĐẠO	12.510	6.255	5.004
39	ĐƯỜNG Q - LÝ THƯỜNG KIỆT			12.510	6.255	5.004
40	ĐƯỜNG QH 80	QL 51	ĐƯỜNG BẮC KHU TĐC 44HA	13.381	6.691	5.352

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
41	ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG (ĐƯỜNG P)	TRƯỜNG CHINH	HẾT RANH P. PHÚ MỸ	13.381	6.691	5.352
42	ĐÀO DUY ANH (ĐƯỜNG B KHU DÂN CƯ 8A-8B KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ, PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (ĐƯỜNG QH 80)	RANH GIỚI PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ	9.450	4.725	3.780
43	HỒ BIỂU CHÁNH (ĐƯỜNG 8A PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	QUỐC LỘ 51	ĐƯỜNG TRẦN ĐĂNG NINH (ĐƯỜNG A PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	9.501	4.751	3.800
	HỒ BIỂU CHÁNH (ĐƯỜNG QH 8A CHỢ MỸ THẠNH NÓI DÀI)	ĐƯỜNG TRẦN ĐĂNG NINH (ĐƯỜNG A PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	ĐƯỜNG ĐÀO DUY ANH (ĐƯỜNG B KHU DÂN CƯ 8A-8B KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ, PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	9.501	4.751	3.800
44	TRẦN ĐĂNG NINH (ĐƯỜNG A PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	ĐƯỜNG HỒ BIỂU CHÁNH (ĐƯỜNG 8A PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	ĐƯỜNG A KHU DÂN CƯ 8A-8B KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ (RANH THEO DỰ ÁN ĐÃ THI CÔNG HOÀN THÀNH HTKT)	9.501	4.751	3.800
	TRẦN ĐĂNG NINH (ĐƯỜNG A KHU DÂN CƯ 8A-8B KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ,	TRẦN ĐĂNG NINH (ĐƯỜNG A PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA BẮC ĐÃ THI CÔNG HOÀN THÀNH HTKT	8.007	4.004	3.203

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)					
	TRẦN ĐĂNG NINH (ĐƯỜNG A NỎI DÀI QH8B)	ĐƯỜNG HỒ BIỂU CHÁNH (ĐƯỜNG 8A PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ)	RANH GIỚI PHƯỜNG PHÚ MỸ	8.007	4.004	3.203
45	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	QUỐC LỘ 51	RANH GIỚI GIỮA PHƯỜNG PHÚ MỸ VÀ PHƯỜNG TÂN THÀNH	11.601	5.801	4.640
46	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - TÓC TIỀN	QUỐC LỘ 51	RANH GIỚI GIỮA XÃ TÓC TIỀN CŨ VÀ PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ	7.143	3.572	2.857
47	ĐƯỜNG VÀO KHU CÔNG NGHIỆP B1- TIỀN HÙNG	ĐƯỜNG VÀO KCN MỸ XUÂN B1	ĐƯỜNG VÀO KHU NHÀ MÁY BOOMIN VINA	7.300	3.650	2.920
48	ĐƯỜNG HÀ HUY TẬP	QUỐC LỘ 51	RANH KCN MỸ XUÂN B1	9.501	4.751	3.800
49	ĐƯỜNG VÀO KHU NHÀ MÁY BOOMIN VINA	ĐƯỜNG VÀO KCN B1 TIỀN HÙNG	HẾT TUYẾN	7.300	3.650	2.920
50	QUỐC LỘ 51 (PHƯỜNG MỸ XUÂN (CŨ)	RANH PHƯỜNG PHÚ MỸ (CŨ)	GIÁP RANH TỈNH ĐỒNG NAI	14.256	7.128	5.702

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
51	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÁC CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG PHÚ MỸ, PHƯỜNG MỸ XUÂN (CŨ)			9.504	4.752	3.802
52	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ ĐIỂM ĐẦU TIẾP GIÁP QUỐC LỘ 51 CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 8M			5.666	2.833	2.266
53	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ ĐIỂM ĐẦU TIẾP GIÁP QUỐC LỘ 51 CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 8M TRỞ LÊN			6.653	3.327	2.661

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
54	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 8M			5.146	2.573	2.058
55	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 8M TRỞ LÊN			5.666	2.833	2.266
56	ĐƯỜNG TRƯỜNG CHINH (ĐƯỜNG 81), PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ	RANH GIỚI GIỮA PHƯỜNG PHÚ MỸ VÀ PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ	RANH GIỚI GIỮA PHƯỜNG MỸ XUÂN CŨ VÀ XÃ TÓC TIỀN CŨ	11.878	5.939	4.751
57	ĐƯỜNG MỸ XUÂN – NGÃI GIAO (ĐOẠN THI CÔNG MỚI THUỘC PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG MỸ XUÂN – NGÃI GIAO (ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 51	NGÃ BA ĐƯỜNG HẮC DỊCH – BÀU PHƯỢNG – CHÂU PHA VÀ ĐƯỜNG HẮC DỊCH ĐI SÔNG XOÀI (THEO RANH ĐƯỜNG H NÓI DÀI ĐÃ HOÀN THÀNH	10.366	5.183	4.146

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			HẠ TẦNG KỸ THUẬT)) ĐẾN RANH GIỚI XÃ SÔNG XOÀI CŨ			
58	ĐƯỜNG TẬP ĐOÀN 7 PHƯỚC BÌNH	QUỐC LỘ 51	ĐƯỜNG HẮC DỊCH – TỐC TIỀN – CHÂU PHA	7.300	3.650	2.920
59	ĐƯỜNG VÀO CỤM CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HẮC DỊCH	ĐƯỜNG MỸ XUÂN – NGÃI GIAO	ĐƯỜNG TẬP ĐOÀN 7 PHƯỚC BÌNH	8.007	4.004	3.203
60	ĐƯỜNG LIÊN CẢNG CÁI MÉP – THỊ VẢI	ĐƯỜNG 965 (ĐƯỜNG VÀO CẢNG CÁI MÉP) - ĐOẠN CÒN LẠI	RANH GIỚI GIỮA PHƯỜNG TÂN PHƯỚC VÀ PHƯỜNG PHÚ MỸ	8.950	4.475	3.580
61	NGUYỄN HUỆ	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA ĐÃ HOÀN THÀNH HTKT VỀ PHÍA ĐÔNG	15.350	7.675	6.140
62	ĐƯỜNG QUY HOẠCH D22	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA ĐÃ HOÀN THÀNH HTKT VỀ PHÍA ĐÔNG	9.501	4.751	3.800
63	ĐƯỜNG QUY HOẠCH D10	QUỐC LỘ 51	HỒ THANH TÔNG	9.501	4.751	3.800
64	ĐƯỜNG VÔ TRƯỜNG TIỂU HỌC MỸ XUÂN 2	QUỐC LỘ 51	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA ĐÃ HOÀN THÀNH HTKT VỀ PHÍA TÂY	9.501	4.751	3.800

MỤC 8: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG PHÚ MỸ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
65	ĐƯỜNG R - LÊ THÁNH TÔN	TRẦN HƯNG ĐẠO	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA ĐÃ HOÀN THÀNH HTKT VỀ PHÍA BẮC	12.510	6.255	5.004
66	NGUYỄN DUY TRINH	TÔN THẮT TÙNG	TRƯỜNG CHINH	11.057	5.529	4.423
67	VÕ NGUYỄN GIÁP	RANH GIỚI PHƯỜNG PHÚ MỸ VÀ PHƯỜNG TÂN PHƯỚC	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	13.381	6.691	5.352
68	LÊ HỒNG PHONG	HÀ HUY TẬP (ĐƯỜNG VÀO KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1)	ĐƯỜNG QUY HOẠCH D22	9.501	4.751	3.800
69	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	HÀ HUY TẬP (ĐƯỜNG VÀO KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1)	ĐƯỜNG QUY HOẠCH D22	9.501	4.751	3.800
70	TRẦN VĂN THỜI	QUỐC LỘ 51	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	9.501	4.751	3.800
71	PHẠM QUỐC SẮC	HÙNG VƯƠNG	LÊ THÁNH TÔNG	12.510	6.255	5.004

MỤC 9: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÁC CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG TÂN HẢI			8.232	4.116	3.293
2	ĐƯỜNG HỘI BÀI - TỐC TIỀN - CHÂU PHA	QUỐC LỘ 51	KM 3	10.218	5.109	4.087
	ĐƯỜNG HỘI BÀI - TỐC TIỀN - CHÂU PHA	KM SỐ 3	RANH GIỚI XÃ CHÂU PHA CŨ	7.100	3.550	2.840
3	ĐƯỜNG LẮNG CÁT - LONG SƠN (HOÀNG SA)	QUỐC LỘ 51	GIÁP RANH XÃ LONG SƠN	9.450	4.725	3.780
4	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 51	RANH GIỚI PHƯỜNG TÂN PHƯỚC	RANH GIỚI PHƯỜNG LONG HƯƠNG	13.250	6.625	5.300
5	QUỐC LỘ 56 - TUYẾN TRÁNH THÀNH PHỐ BÀ RỊA CŨ	QUỐC LỘ 51	RANH GIỚI PHƯỜNG LONG HƯƠNG	10.180	5.090	4.072

MỤC 9: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÒN LẠI CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở CÁC VỊ TRÍ, KHU VỰC TRÊN ĐÃ ĐƯỢC TRÁI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 3M ĐẾN DƯỚI 4 M			3.826	1.913	1.530
7	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÒN LẠI CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, ĐƯỜNG ĐƯỢC TRÁI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			4.469	2.235	1.788
8	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ ĐIỂM ĐẦU TIẾP GIÁP QUỐC LỘ 51 CÓ CHIỀU			3.188	1.594	1.275

MỤC 9: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	RỘNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 8M					
9	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ ĐIỂM ĐẦU TIẾP GIÁP QUỐC LỘ 51 CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 8M TRỞ LÊN			3.826	1.913	1.530
10	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 8M			2.559	1.280	1.024
11	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 8M TRỞ LÊN			3.188	1.594	1.275

MỤC 10: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN PHƯỚC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG 965 (ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH)	QUỐC LỘ 51	ĐƯỜNG QH - D1	14.920	7.460	5.968
	ĐƯỜNG 965 (ĐƯỜNG VÀO CẢNG CÁI MÉP)	ĐƯỜNG QH-D1	ĐƯỜNG SỐ 3	11.940	5.970	4.776
	ĐƯỜNG 965 (ĐƯỜNG VÀO CẢNG CÁI MÉP)	ĐOẠN CÒN LẠI		8.950	4.475	3.580
2	ĐƯỜNG SỐ 29 ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ- NGUYỄN HUỆ (PHƯỜNG TÂN PHƯỚC)	QUỐC LỘ 51	RANH KHU TÁI ĐỊNH CƯ 25 HA	15.350	7.675	6.140
	ĐƯỜNG SỐ 29 ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ- NGUYỄN HUỆ (PHƯỜNG TÂN PHƯỚC)	ĐƯỜNG QH S	HẾT TUYẾN (ĐƯỜNG QH T)	12.280	6.140	4.912
3	NGUYỄN HUỆ (CHINFON CŨ)	QUỐC LỘ 51	RANH KCN PHÚ MỸ 1	15.350	7.675	6.140
4	ĐƯỜNG ĐỘC LẬP (QUỐC LỘ 51)	RANH PHƯỜNG PHÚ MỸ	RANH ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH (ĐƯỜNG 965)	16.661	8.331	6.664
	ĐƯỜNG ĐỘC LẬP (QUỐC LỘ 51)	ĐOẠN CÒN LẠI		13.250	6.625	5.300
5	ĐƯỜNG SỐ 32 KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ- PHẠM HỒNG THÁI	QUỐC LỘ 51	ĐƯỜNG QH S	9.110	4.555	3.644
6	ĐƯỜNG PHẠM HỒNG THÁI	ĐƯỜNG QH S	HẾT TUYẾN	5.146	2.573	2.058

MỤC 10: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN PHƯỚC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	(ĐOẠN ĐƯỜNG ĐẤT)					
7	ĐƯỜNG P-HÙNG VƯƠNG (TÂN PHƯỚC)	RANH PHƯỜNG PHÚ MỸ	HẾT TUYẾN	9.110	4.555	3.644
8	ĐƯỜNG R-LÊ THÁNH TÔNG (TÂN PHƯỚC)	RANH PHƯỜNG PHÚ MỸ	HẾT TUYẾN	9.110	4.555	3.644
9	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÁC CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG TÂN PHƯỚC			9.504	4.752	3.802
10	PHƯỚC HÒA - CÁI MÉP- XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	QUỐC LỘ 51	ĐỀ NGĂN MẶN PHƯỚC HÒA	10.330	5.165	4.132
	PHƯỚC HÒA - CÁI MÉP- XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	ĐOẠN CÒN LẠI		8.950	4.475	3.580
11	ĐƯỜNG LIÊN CẢNG CÁI MÉP - THỊ VẢI	ĐƯỜNG 965 (ĐƯỜNG VÀO CẢNG CÁI MÉP) - ĐOẠN CÒN LẠI	RANH GIỚI GIỮA PHƯỜNG TÂN PHƯỚC VÀ PHƯỜNG PHÚ MỸ	8.950	4.475	3.580
12	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, ĐƯỜNG ĐƯỢC TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ ĐIỂM ĐẦU TIẾP GIÁP			6.653	3.327	2.661

MỤC 10: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN PHƯỚC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	QUỐC LỘ 51 CHIỀU RỘNG TỪ 5M TRỞ LÊN					
13	BUI CÔNG TRÙNG	ĐỘC LẬP	HOÀNG SÂM	7.100	3.550	2.840
14	CHẾ LAN VIÊN	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
15	ĐẶNG NGUYỄN CÂN	LÊ THỊ HỒNG GÁM	TRẦN HỮU TRANG	6.390	3.195	2.556
16	ĐẶNG THUY TRÂM	TẠ QUANG BỬU	CUỐI ĐƯỜNG	6.390	3.195	2.556
17	DƯƠNG QUẢNG HÀM	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
18	HOÀNG SÂM	PHAN THANH GIẢN	CUỐI ĐƯỜNG	6.390	3.195	2.556
19	HUỲNH KHƯƠNG NINH	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
20	HUỲNH THIÊN TĂNG	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
21	KHA VẠN CÂN	PHAN THANH GIẢN	ĐẶNG THUY TRÂM	6.390	3.195	2.556
22	LÊ ĐÌNH CÂN	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
23	LÊ QUANG ĐẠO	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
24	LÊ THÀNH DUY	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
25	ĐƯỜNG BÊN HÔNG GIÁO XỨ HẢI SƠN	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
26	LÊ TRỌNG TẤN	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
27	LƯU TRỌNG LƯ	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
28	LÝ TUỆ	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
29	MAI CHÍ THỌ	PHAN THANH GIẢN	LÊ PHỤNG HIỆU	6.390	3.195	2.556
30	NGÔ VĂN HUYỀN	ĐỘC LẬP	HOÀNG SÂM	7.100	3.550	2.840

MỤC 10: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN PHƯỚC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
31	NGUYỄN ANH THỦ	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
32	NGUYỄN MINH KHANH	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
33	PHẠM NGỌC THẢO	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
34	PHAN THANH GIẢN	ĐỘC LẬP	HOÀNG SÂM	7.100	3.550	2.840
35	TÀ QUANG BỬU	PHAN THANH GIẢN	CUỐI ĐƯỜNG	6.390	3.195	2.556
36	THIÊN HỘ DƯƠNG	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
37	TRẦN HOÀN	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
38	TRẦN HỮU TRANG	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
39	VÕ TRƯỜNG TOÀN	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
40	CAO LỖ	ĐỘC LẬP	LÊ THÁNH TÔNG-NÓI DÀI	7.500	3.750	3.000
41	ĐẶNG TÁT	NGUYỄN HUỆ-NÓI DÀI	CUỐI ĐƯỜNG	7.500	3.750	3.000
42	HỒ BÁ PHẤN	VÕ VĂN THIẾT	ĐƯỜNG SỐ 1	6.390	3.195	2.556
43	HỒ ĐẮC DI	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
44	HỒ VĂN MỊCH	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.500	3.750	3.000
45	LÊ THỊ HỒNG GÁM	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
46	NGUYỄN HUY TƯỜNG	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
47	TỔNG DUY TÂN	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
48	VÕ VĂN TÂN	ĐỘC LẬP	CUỐI ĐƯỜNG	7.100	3.550	2.840
49	VÕ VĂN THIẾT	NGUYỄN HUỆ	LÊ THÁNH TÔNG-NÓI DÀI	6.390	3.195	2.556
50	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỜNG TÂN PHƯỚC			7.500	3.750	3.000

MỤC 10: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN PHƯỚCĐơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
51	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở			7.500	3.750	3.000

MỤC 11: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - BÀU PHƯỢNG - CHÂU PHA	MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	RANH GIỚI XÃ SÔNG XOÀI CŨ	8.100	4.050	3.240
2	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA	VÒNG XOAY HẮC DỊCH	VỀ PHÍA BẮC DÀI 597M (ĐOẠN ĐÃ THI CÔNG MỚI CÓ DÀI CÂY XANH PHÂN CÁCH)	10.800	5.400	4.320
	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA	VÒNG XOAY HẮC DỊCH	VỀ PHÍA NAM DÀI 775M (ĐOẠN ĐÃ THI CÔNG MỚI CÓ DÀI CÂY XANH PHÂN CÁCH)	10.800	5.400	4.320
	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA	ĐOẠN CÒN LẠI	RANH GIỚI XÃ TÓC TIỀN CŨ	8.100	4.050	3.240
3	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	RANH GIỚI GIỮA PHƯỜNG TÂN THÀNH VÀ PHƯỜNG PHÚ MỸ	NGÃ BA ĐƯỜNG HẮC DỊCH - BÀU PHƯỢNG - CHÂU PHA VÀ ĐƯỜNG HẮC DỊCH ĐI SÔNG XOÀI (THEO RANH ĐƯỜNG H NÓI DÀI ĐÃ HOÀN THÀNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT)	11.601	5.801	4.640
	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	ĐOẠN CÒN LẠI	RANH GIỚI XÃ SÔNG XOÀI CŨ	8.870	4.435	3.548

MỤC 11: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - TÓC TIỀN	RANH GIỚI GIỮA XÃ TÓC TIỀN CŨ VÀ PHƯỜNG HẮC DỊCH	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA (PHƯỜNG HẮC DỊCH)	7.143	3.572	2.857
5	HỒ THỊ KHUYỀN (ĐƯỜNG E TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN NỐI DÀI	HẾT TUYẾN	7.830	3.915	3.132
6	TÔ NGUYỆT ĐÌNH (ĐƯỜNG F TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	VÒNG XOAY HẮC DỊCH	HẾT TUYẾN	7.830	3.915	3.132
7	AN DƯƠNG VƯƠNG (ĐƯỜNG I TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	VÒNG XOAY TRUNG TÂM VĂN HÓA HẮC DỊCH	HẾT TUYẾN	7.830	3.915	3.132
8	LÊ ĐỨC THỌ (ĐƯỜNG SỐ 3 TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	VÒNG XOAY TRUNG TÂM VĂN HÓA HẮC DỊCH	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG VỀ PHÍA BẮC	7.830	3.915	3.132
	LÊ ĐỨC THỌ (ĐƯỜNG SỐ 3 TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	VÒNG XOAY TRUNG TÂM VĂN HÓA HẮC DỊCH	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG VỀ PHÍA NAM (ĐOẠN ĐÃ THI CÔNG MỚI)	7.830	3.915	3.132
9	THOẠI NGỌC HẦU (ĐƯỜNG SỐ 7 TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	HẾT TUYẾN	7.830	3.915	3.132
10	DƯƠNG VĂN MẠNH (ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	HẾT TUYẾN	7.830	3.915	3.132

MỤC 11: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)					
11	BÙI CÔNG MINH (ĐƯỜNG SỐ 9 TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	HẾT TUYẾN	7.830	3.915	3.132
12	BÙI ĐÌNH TÚY (ĐƯỜNG SỐ 10 TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG F TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH	HẾT TUYẾN	7.830	3.915	3.132
13	ĐƯỜNG VÀO CỤM CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP HẮC DỊCH	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	ĐƯỜNG TẬP ĐOÀN 7 PHƯỚC BÌNH	7.830	3.915	3.132
14	CHÂU VĂN LIÊM (ĐƯỜNG D TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA TÂY	7.830	3.915	3.132
	CHÂU VĂN LIÊM (ĐƯỜNG D TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA VỀ PHÍA ĐÔNG	7.830	3.915	3.132
15	BÙI CÔNG MINH (ĐƯỜNG SỐ 9 TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	HẾT TUYẾN ĐƯỜNG VỀ PHÍA BẮC	7.830	3.915	3.132
	BÙI CÔNG MINH (ĐƯỜNG SỐ 9 TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI KHU TÁI ĐỊNH CƯ HẮC DỊCH	7.830	3.915	3.132

MỤC 11: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	NGUYỄN HỮU TIẾN (ĐƯỜNG K TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA	7.830	3.915	3.132
17	ĐƯỜNG NHÁNH RỄ SAU CHỢ HẮC DỊCH	ĐƯỜNG K	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI KHU TẢI ĐỊNH CƯ HẮC DỊCH	7.830	3.915	3.132
18	ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG MẦM NON HẮC DỊCH	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA	HẾT TUYẾN	7.830	3.915	3.132
19	ĐƯỜNG TỪ RANH GIỚI KHU TĐC HẮC DỊCH ĐẾN ĐƯỜNG SỐ 7			7.830	3.915	3.132
20	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO (ĐOẠN THI CÔNG MỚI THUỘC PHƯỜNG HẮC DỊCH)	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO (ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 51	NGÃ BA ĐƯỜNG HẮC DỊCH - BÀU PHƯỢNG - CHÂU PHA VÀ ĐƯỜNG HẮC DỊCH ĐI SÔNG XOÀI (THEO RANH ĐƯỜNG H NỘI DÀI ĐÃ HOÀN THÀNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT)) ĐẾN RANH GIỚI XÃ SÔNG XOÀI	9.280	4.640	3.712
21	ĐƯỜNG SAU TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU, PHƯỜNG HẮC DỊCH	ĐƯỜNG F TRUNG TÂM PHƯỜNG HẮC DỊCH	TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU	7.830	3.915	3.132

MỤC 11: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO	RANH GIỚI P. HẮC DỊCH	RANH GIỚI HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ	8.230	4.115	3.292
23	ĐƯỜNG SÔNG XOÀI - CÙ BỊ	ĐƯỜNG MỸ XUÂN-NGÃI GIAO	RANH GIỚI HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ	5.100	2.550	2.040
24	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO (ĐOẠN THI CÔNG MỚI THUỘC XÃ SÔNG XOÀI CŨ)	RANH GIỚI GIỮA XÃ SÔNG XOÀI CŨ VÀ PHƯỜNG HẮC DỊCH	RANH GIỚI HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ	8.230	4.115	3.292
25	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÒN LẠI CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở CÁC VỊ TRÍ, KHU VỰC TRÊN ĐÃ ĐƯỢC TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 3M ĐẾN DƯỚI 4 M			4.457	2.229	1.783

MỤC 11: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
26	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÒN LẠI CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, ĐƯỜNG ĐƯỢC TRÁI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			4.952	2.476	1.981
27	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 8M			3.311	1.656	1.324
28	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 8M TRỞ LÊN			4.126	2.063	1.650

MỤC 11: BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TÂN THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
29	ĐƯỜNG TẬP ĐOÀN 7 PHƯỚC BÌNH	QUỐC LỘ 51	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA	7.210	3.605	2.884
30	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÁC CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HẮC DỊCH CŨ			9.504	4.752	3.802
31	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÁC CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SÔNG XOÀI CŨ			8.230	4.115	3.292
32	LÃNH BINH THẮNG	TRƯỜNG MẦM NON HẮC DỊCH	ĐƯỜNG BÌNH GIÃ (ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO CŨ)	7.830	3.915	3.132
33	ĐƯỜNG H NÓI DÀI	TỪ ĐÈN XANH ĐÈN ĐỎ (CÔNG AN CŨ)	ĐƯỜNG VÕ VĂN KIẾT (MỸ XUÂN - NGÃI GIAO MỚI)	11.910	5.955	4.764
34	ĐƯỜNG PHÍA SAU TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU	ĐƯỜNG TÔ NGUYỆT ĐÌNH	PHÍA SAU TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN DU	7.830	3.915	3.132

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ÂU CƠ	NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG 30/4	5.613	2.245	1.684
2	BÌNH GIÃ	TRẦN HƯNG ĐẠO	HÙNG VƯƠNG	7.893	3.157	2.368
3	ĐIỆN BIÊN PHỦ	ÂU CƠ	ĐƯỜNG 30/4	7.893	3.157	2.368
4	ĐÌNH TIỀN HOÀNG	PHÙNG HUNG	HOÀNG HOA THÁM	5.613	2.245	1.684
5	ĐƯỜNG 9B	NGÔ QUYỀN	LÊ LAI	5.613	2.245	1.684
6	ĐƯỜNG SỐ 21 XÃ NGHĨA THÀNH - SUỐI NGHỆ	QUỐC LỘ 56	CUỐI ĐƯỜNG	2.147	859	644
7	ĐƯỜNG BÌNH BA - SUỐI LÚP	QUỐC LỘ 56	HẾT RANH ĐẤT TRỤ SỞ ÁP SUỐI LÚP CŨ	2.083	833	625
8	ĐƯỜNG BÌNH BA - BÌNH TRUNG	QUỐC LỘ 56	HẾT RANH XÃ BÌNH BA CŨ	2.083	833	625
9	ĐƯỜNG HUYỆN ĐỎ (THUỘC ĐỊA PHẬN THỊ TRẦN NGÃI GIAO CŨ)	QUỐC LỘ 56	LỖ CAO SU NÔNG TRƯỜNG BÌNH BA (HỆ SỐ 1,3 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ 1, CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI ÁP DỤNG HỆ SỐ = 1)	3.366	1.346	1.010
10	ĐƯỜNG GIÁP RANH TT. NGÃI GIAO CŨ VÀ XÃ BÌNH BA CŨ (THUỘC ĐỊA PHẬN THỊ TRẦN NGÃI GIAO CŨ)	QUỐC LỘ 56	TRẦN HƯNG ĐẠO	5.613	2.245	1.684

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11	ĐƯỜNG 30/4	ÂU CƠ	LÝ THƯỜNG KIẾT	7.893	3.157	2.368
12	ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI	LẠC LONG QUÂN	HỒ TÙNG MẬU	7.893	3.157	2.368
13	ĐƯỜNG HỒ TÙNG MẬU	NGUYỄN TRÃI	LÊ HỒNG PHONG	5.613	2.245	1.684
14	ĐƯỜNG QUY HOẠCH KHU 26 LÔ ĐẤT Ở MỚI THỊ TRẤN NGÃI GIAO CŨ	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ HOÀN THIỆN THEO QUY HOẠCH		5.613	2.245	1.684
15	ĐƯỜNG NGÃI GIAO - CỤ BỊ	LÊ HỒNG PHONG	GIÁP RANH XÃ BÀU CHINH CŨ	2.591	1.036	777
	ĐƯỜNG NGÃI GIAO - CỤ BỊ	LÊ HỒNG PHONG	GIÁP RANH XÃ BÌNH BA CŨ	2.591	1.036	777
16	ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ	ĐƯỜNG 30/4		5.621	2.248	1.686
	ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ	HẾT PHẠM VI RANH ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA TT. NGÃI GIAO CŨ VÀ XÃ BÌNH GIÃ CŨ	3.934	1.574	1.180

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
17	ĐƯỜNG GIÁP RANH XÃ BÌNH BA (THUỘC ĐỊA PHẬN XÃ BÌNH BA CŨ) (TÊN CŨ: ĐƯỜNG GIÁP RANH XÃ BÌNH BA VÀ THỊ TRẦN NGÃI GIAO CŨ (THUỘC XÃ BÌNH BA CŨ))	QUỐC LỘ 56	TRẦN HƯNG ĐẠO	5.100	2.040	1.530
18	ĐƯỜNG LIÊN XÃ SUỐI NGHỆ - LÁNG LỚN	ĐƯỜNG HỘI BÀI - CHÂU PHA - ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	GIÁP RANH XÃ BÌNH BA CŨ	2.100	840	630
	ĐƯỜNG LIÊN XÃ SUỐI NGHỆ - LÁNG LỚN	GIÁP RANH XÃ BÌNH BA CŨ	GIÁP RANH XÃ LÁNG LỚN CŨ	1.700	680	510
19	ĐƯỜNG LIÊN XÃ SUỐI NGHỆ - NGHĨA THÀNH	ĐƯỜNG SỐ 21 (GIÁP RANH XÃ NGHĨA THÀNH CŨ)	ĐƯỜNG HỘI BÀI - CHÂU PHA - ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	3.399	1.360	1.020
20	ĐƯỜNG NGÃI GIAO - CÙ BỊ	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA TT. NGÃI GIAO CŨ VÀ XÃ BÌNH BA CŨ	ĐƯỜNG LIÊN XÃ SUỐI NGHỆ - LÁNG LỚN	2.100	840	630
	ĐƯỜNG NGÃI GIAO - CÙ BỊ	ĐƯỜNG LIÊN XÃ SUỐI NGHỆ - LÁNG LỚN	ĐƯỜNG HỘI BÀI - CHÂU PHA - ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	2.510	1.004	753

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
21	ĐƯỜNG SUỐI NGHỆ - MỤ BÀN	ĐƯỜNG LIÊN XÃ SUỐI NGHỆ - NGHĨA THÀNH	KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ KCN - ĐÔ THỊ CHÂU ĐỨC	2.621	1.048	786
22	ĐƯỜNG SỐ 21 THỊ TRẤN NGÃI GIAO CŨ	TRẦN PHÚ	NGUYỄN VĂN TRỖI	7.893	3.157	2.368
22	HOÀNG HOA THÁM	NGÔ QUYỀN	LÊ LỢI	10.447	4.179	3.134
	HOÀNG HOA THÁM	LẠC LONG QUÂN	NGÔ QUYỀN	7.893	3.157	2.368
	HOÀNG HOA THÁM	LÊ LỢI	HÙNG VƯƠNG	7.893	3.157	2.368
23	HÙNG VƯƠNG (QUỐC LỘ 56 CŨ)	ÂU CƠ	TRẦN PHÚ	10.447	4.179	3.134
	HÙNG VƯƠNG (QUỐC LỘ 56 CŨ)	TRẦN PHÚ	HOÀNG HOA THÁM (HỆ SỐ 1,2 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI 50M ĐẦU CỦA THỪA ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI HỆ SỐ = 1)	12.496	4.998	3.749

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HÙNG VƯƠNG (QUỐC LỘ 56 CŨ)	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN TRÃI	10.447	4.179	3.134
	HÙNG VƯƠNG (QUỐC LỘ 56 CŨ)	NGUYỄN TRÃI	GIÁP RANH XÃ BÌNH BA CŨ	7.893	3.157	2.368
	HÙNG VƯƠNG (QUỐC LỘ 56 CŨ)	ÂU CƠ	GIÁP RANH XÃ BÀU CHINH CŨ	7.893	3.157	2.368
24	LẠC LONG QUÂN	NGUYỄN TRÃI	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	5.613	2.245	1.684
25	LÊ HỒNG PHONG	LÊ LAI	TRẦN HƯNG ĐẠO	10.447	4.179	3.134
	LÊ HỒNG PHONG	TỪ TRẦN HƯNG ĐẠO	ĐƯỜNG 30/4 (HỆ SỐ 1,2 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI 50M ĐẦU CỦA THỪA ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP ĐƯỜNG LÊ HỒNG PHONG, CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI HỆ SỐ = 1)	12.496	4.998	3.749
	LÊ HỒNG PHONG	ĐƯỜNG 30/4	CẦU BÌNH GIÃ	10.447	4.179	3.134

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	LÊ HỒNG PHONG	LÊ LAI	GIÁP RANH XÃ LẮNG LỚN CŨ	5.613	2.245	1.684
26	LÊ LAI	NGUYỄN TRÃI	LÊ HỒNG PHONG	7.893	3.157	2.368
27	LÊ LỢI	LÊ HỒNG PHONG	LÝ THƯỜNG KIẾT	10.480	4.192	3.144
	LÊ LỢI	LÊ HỒNG PHONG	NGUYỄN VĂN TRỖI	10.480	4.192	3.144
	LÊ LỢI	NGUYỄN VĂN TRỖI	ÂU CƠ	7.893	3.157	2.368
28	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGÔ QUYỀN	LÊ LỢI	10.480	4.192	3.144
	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÊ LỢI	ĐƯỜNG 30/4	7.893	3.157	2.368
	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGÔ QUYỀN	LẠC LONG QUÂN	7.893	3.157	2.368
29	NGÔ QUYỀN	LÊ HỒNG PHONG	LÝ THƯỜNG KIẾT	10.480	4.192	3.144
30	NGUYỄN DU	LÊ LỢI	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	5.613	2.245	1.684
31	NGUYỄN CHÍ THANH	ÂU CƠ	ĐƯỜNG 30/4	7.893	3.157	2.368
32	NGUYỄN VĂN TRỖI	ÂU CƠ	TRẦN HƯNG ĐẠO	7.893	3.157	2.368
	NGUYỄN VĂN TRỖI	TRẦN HƯNG ĐẠO	HÙNG VƯƠNG (HỆ SỐ 1,2 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI 50M ĐẦU CỦA THỪA ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI, CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI HỆ SỐ = 1)	9.511	3.804	2.853
33	NHỮNG TRỤC ĐƯỜNG TRONG KHU	NHỮNG TRỤC ĐƯỜNG ĐỐI DIỆN NHÀ		10.480	4.192	3.144

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TRUNG TÂM THƯỜNG MẠI	LÔNG CHỢ TRONG KHU TRUNG TÂM THƯỜNG MẠI				
34	NHỮNG TRỤC ĐƯỜNG TRONG KHU TRUNG TÂM THƯỜNG MẠI	NHỮNG TRỤC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG KHU TRUNG TÂM THƯỜNG MẠI		7.893	3.157	2.368
35	PHÙNG HƯNG	LÊ LAI	ĐẾN CUỐI ĐƯỜNG	5.613	2.245	1.684
36	QUỐC LỘ 56:	ĐƯỜNG GIÁP RANH XÃ BÌNH BA CŨ VÀ THỊ TRẤN NGÃI GIAO CŨ	ĐƯỜNG VÀO CHỢ MỚI BÌNH BA	5.157	2.063	1.547
	QUỐC LỘ 56:	ĐƯỜNG VÀO CHỢ MỚI BÌNH BA	ĐƯỜNG HỘI BÀI - CHÂU PHA - ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	4.581	1.832	1.374
	QUỐC LỘ 56:	ĐƯỜNG HỘI BÀI - CHÂU PHA - ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	HẾT RANH TRƯỜNG NGÔ QUYỀN	5.157	2.063	1.547
37	TRẦN HƯNG ĐẠO	ÂU CƠ	NGUYỄN VĂN TRỖI	7.893	3.157	2.368
	TRẦN HƯNG ĐẠO	NGUYỄN VĂN TRỖI	HOÀNG HOA THẨM	10.480	4.192	3.144
	TRẦN HƯNG ĐẠO	HOÀNG HOA THẨM	GIÁP RANH TT. NGÃI GIAO CŨ VÀ XÃ BÌNH BA CŨ	7.868	3.147	2.360
38	TRẦN PHÚ	ÂU CƠ	TRẦN HƯNG ĐẠO	7.893	3.157	2.368
	TRẦN PHÚ	TRẦN HƯNG ĐẠO	ĐƯỜNG 30/4 (HỆ SỐ 1,2 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI 50M ĐẦU CỦA THỬA	9.511	3.804	2.853

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP ĐƯỜNG TRẦN PHÚ, CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI HỆ SỐ = 1)			
39	TRẦN QUỐC TOÀN	LÊ LAI	NGÔ QUYỀN	5.564	2.226	1.669
40	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI ĐÃ LÁNG NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BỒ) VỚI CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN, THUỘC ĐỊA BÀN XÃ NGÃI GIAO			1.350	540	405
41	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÍA NAM THỊ TRẤN NGÃI GIAO CŨ					

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÍA NAM THỊ TRẤN NGÃI GIAO CŨ: TUYẾN ĐƯỜNG N6 THEO QUY HOẠCH TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ	TRỌN ĐƯỜNG		6.664	2.666	1.999
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÍA NAM THỊ TRẤN NGÃI GIAO CŨ: CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI THEO QUY HOẠCH TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ	TRỌN ĐƯỜNG		5.564	2.226	1.669
42	ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ CHÂU ĐỨC					

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ CHÂU ĐỨC	TUYẾN ĐƯỜNG N3 DÀI 636M (TRỤC ĐƯỜNG SUỐI NGHỆ - MỤ BÀN CỬ)		2.572	1.029	772
	ĐƯỜNG TRONG KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ CHÂU ĐỨC	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI		2.146	858	644
43	ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO - NÓI DÀI (THUỘC XÃ BÌNH BA CŨ)	GIÁP RANH TT. NGÃI GIAO CŨ VÀ XÃ BÌNH BA CŨ	ĐƯỜNG BÌNH BA - SUỐI LÚP	2.083	833	625
44	ĐƯỜNG HỘI BÀI - CHÂU PHA - ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	QUỐC LỘ 56	TUYẾN KÊNH CHÍNH ĐOẠN 2 THUỘC CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC SÔNG RAY (XÃ SUỐI NGHỆ CŨ)	4.666	1.866	1.400

MỤC 12: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGÃI GIAO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG HỘI BÀI - CHÂU PHA - ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	TUYẾN KÊNH CHÍNH ĐOẠN 2 THUỘC CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC SÔNG RAY (XÃ SUỐI NGHỆ CŨ)	HẾT RANH GIỚI HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ (TIẾP GIÁP XÃ CHÂU PHA)	3.520	1.408	1.056

MỤC 13: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG BÌNH GIÃ - QUẢNG THÀNH	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH	ĐƯỜNG KIM LONG - QUẢNG THÀNH	2.149	860	645
2	ĐƯỜNG B THỊ TRẦN KIM LONG CŨ (HỆ SỐ 1,2 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THỪA ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG B)	PHÍA ĐÔNG QUỐC LỘ 56: TỪ VÒNG XOAY GIAO NHAU GIỮA QUỐC LỘ 56 VỚI ĐƯỜNG KIM LONG - LÁNG LỚN	QUỐC LỘ 56	2.588	1.035	776
	ĐƯỜNG B THỊ TRẦN KIM LONG CŨ (HỆ SỐ 1,2 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THỪA ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG B)	PHÍA TÂY QUỐC LỘ 56: TỪ QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG KIM LONG - LÁNG LỚN	2.149	860	645
3	ĐƯỜNG HUYỆN ĐỎ (THUỘC ĐỊA PHẬN XÃ BÀU CHINH CŨ) (TÊN CŨ: ĐƯỜNG GIÁP RANH XÃ BÀU CHINH CŨ VÀ THỊ TRẦN NGÃI GIAO CŨ (THUỘC XÃ BÀU CHINH CŨ))	QUỐC LỘ 56	ĐÀU LÔ CAO SU NÔNG TRƯỜNG BÌNH BA (HỆ SỐ 1,56 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ 1, CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI ÁP DỤNG HỆ SỐ = 1)	3.309	1.324	993

MỤC 13: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	ĐƯỜNG KIM LONG - CẦU SẮT	QUỐC LỘ 56	CẦU SẮT, THỊ TRẤN KIM LONG CŨ	2.247	899	674
5	ĐƯỜNG KIM LONG - LẮNG LỚN (THUỘC ĐỊA BÀN THỊ TRẤN KIM LONG CŨ)	ĐẦU LÔ CAO SU NÔNG TRƯỜNG CAO SU CHÂU THÀNH	HẾT RANH GIỚI THỊ TRẤN KIM LONG CŨ - GIÁP RANH XÃ BÀU CHINH CŨ VÀ XÃ LẮNG LỚN CŨ	2.247	899	674
	ĐƯỜNG KIM LONG - LẮNG LỚN	QUỐC LỘ 56	ĐẦU LÔ CAO SU NÔNG TRƯỜNG CAO SU CHÂU THÀNH (CŨ) - HỆ SỐ 1,2 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ 1, CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI ÁP DỤNG HỆ SỐ = 1.	2.700	1.080	810

MỤC 13: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG KIM LONG – LẮNG LỚN	ĐẦU LÔ CAO SU NÔNG TRƯỜNG CAO SU CHÂU THÀNH	ĐƯỜNG XÀ BANG – LẮNG LỚN	2.247	899	674
6	ĐƯỜNG KIM LONG - QUẢNG THÀNH	QUỐC LỘ 56	HẾT RANH GIỚI THỊ TRẦN KIM LONG CŨ - GIÁP RANH XÃ QUẢNG THÀNH CŨ	2.247	899	674
	ĐƯỜNG KIM LONG – QUẢNG THÀNH	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ TRẦN KIM LONG CŨ	ĐẦU LÔ CAO SU NÔNG TRƯỜNG CAO SU XÀ BANG	2.247	899	674
	ĐƯỜNG KIM LONG – QUẢNG THÀNH	ĐẦU LÔ CAO SU NÔNG TRƯỜNG CAO SU XÀ BANG	GIÁP RANH TỈNH ĐỒNG NAI	1.798	719	539
7	ĐƯỜNG LIÊN XÃ SUỐI NGHỆ – LẮNG LỚN	GIÁP RANH XÃ BÌNH BA CŨ	ĐƯỜNG MỸ XUÂN – NGÃI GIAO – HÒA BÌNH (CŨ)	1.719	688	516
8	ĐƯỜNG MỸ XUÂN – NGÃI GIAO - HOÀ BÌNH	RANH XÃ LẮNG LỚN CŨ VÀ TT NGÃI GIAO CŨ	NGÃ 3 ĐƯỜNG SUỐI NGHỆ – LẮNG LỚN	4.642	1.857	1.393
	ĐƯỜNG MỸ XUÂN – NGÃI GIAO - HOÀ BÌNH	NGÃ 3 ĐƯỜNG SUỐI NGHỆ – LẮNG LỚN	GIÁP RANH THÀNH PHỐ PHÚ MỸ CŨ	5.156	2.062	1.547

MỤC 13: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH (CŨ) (TÁCH ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH NÊU TRÊN)	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH	GIÁP RANH THÀNH PHỐ PHÚ MỸ CŨ	4.642	1.857	1.393
9	ĐƯỜNG NGÃI GIAO - CÙ BỊ	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN KIM LONG CŨ VÀ XÃ XÀ BANG CŨ	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN KIM LONG CŨ VÀ XÃ BÀU CHINH CŨ	2.149	860	645
	ĐƯỜNG NGÃI GIAO - CÙ BỊ	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN KIM LONG CŨ VÀ XÃ BÀU CHINH CŨ	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN NGÃI GIAO CŨ VÀ XÃ BÀU CHINH CŨ	2.149	860	645
10	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 56 - BÀU CHINH	TỪ QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG BÌNH GIÃ - QUẢNG THÀNH	1.719	688	516
11	ĐƯỜNG THẠCH LONG - KHU 3	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG TRUNG TÂM THỊ TRẤN KIM LONG CŨ	2.149	860	645

MỤC 13: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
12	ĐƯỜNG TRUNG TÂM THỊ TRẤN KIM LONG CŨ (HỆ SỐ 1,5 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THỪA ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG TRUNG TÂM)	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG KIM LONG - QUẢNG THÀNH VÀ ĐƯỜNG KIM LONG - CẦU SẮT	3.235	1.294	971
13	ĐƯỜNG TRUNG TÂM XÃ BÀU CHINH CŨ	ĐƯỜNG VÀO TRẠM Y TẾ XÃ BÀU CHINH CŨ	ĐƯỜNG KIM LONG - LÁNG LỚN	1.714	686	514
14	ĐƯỜNG TRUNG TÂM XÃ KIM LONG CŨ (HỆ SỐ 1,5 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THỪA ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP VỚI ĐƯỜNG TRUNG TÂM)	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG KIM LONG - QUẢNG THÀNH VÀ ĐƯỜNG KIM LONG - CẦU SẮT	3.235	1.294	971

MỤC 13: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	ĐƯỜNG VÀO TRẠM Y TẾ VÀ TRỤ SỞ UBND XÃ BÀU CHINH CŨ	QUỐC LỘ 56	ĐẾN HẾT ĐƯỜNG	2.149	860	645
16	ĐƯỜNG XÀ BANG - LẮNG LỚN	TỪ ĐƯỜNG NGÃI GIAO – CÙ BỊ	CẦU SUỐI ĐÁ	1.719	688	516
	ĐƯỜNG XÀ BANG - LẮNG LỚN	CẦU SUỐI ĐÁ	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH (CŨ)	2.149	860	645
17	QUỐC LỘ 56	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN KIM LONG CŨ VÀ XÃ BÀU CHINH CŨ	HẾT RANH NHÀ THỜ KIM LONG	5.157	2.063	1.547

MỤC 13: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	QUỐC LỘ 56	RANH ĐẤT NHÀ THỜ KIM LONG	ĐƯỜNG KIM LONG - LÁNG LỚN (HỘ SỐ 1,2 CHỈ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI VỊ TRÍ 1 CỦA THỪA ĐẤT CÓ MẶT TIỀN TIẾP GIÁP VỚI QUỐC LỘ 56, CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI ÁP DỤNG HỆ SỐ = 1).	6.190	2.476	1.857
	QUỐC LỘ 56	TỪ ĐƯỜNG KIM LONG - LÁNG LỚN	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN KIM LONG CŨ VÀ XÃ XÀ BANG CŨ	5.157	2.063	1.547
	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG HUYỆN ĐỎ	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN KIM LONG CŨ VÀ XÃ BÀU CHINH CŨ	5.157	2.063	1.547
	QUỐC LỘ 56	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN KIM LONG CŨ VÀ	ĐẦU LÔ CAO SU ĐÔI 1 THUỘC NÔNG TRƯỜNG	5.157	2.063	1.547

MỤC 13: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KIM LONG

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		XÃ XÀ BANG CŨ	CAO SU XÀ BANG			
18	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI ĐÁ LẮNG NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BÒ) VỚI CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN, THUỘC ĐỊA BÀN XÃ KIM LONG			1.350	540	405

MỤC 14: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CHÂU ĐỨC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG NGÃI GIAO – CÙ BỊ	ĐƯỜNG VÀO XÃ CÙ BỊ CŨ	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA THỊ TRẤN KIM LONG CŨ VÀ XÃ XÀ BANG CŨ	1.719	688	516
2	ĐƯỜNG VÀO BÀU SEN (ĐƯỜNG XÀ BANG – QUẢNG THÀNH CŨ)	QUỐC LỘ 56	LÔ CAO SU (HẾT RANH GIỚI ÁP XÀ BANG 2)	2.147	859	644
	ĐƯỜNG VÀO BÀU SEN (ĐƯỜNG XÀ BANG – QUẢNG THÀNH CŨ)	LÔ CAO SU (HẾT RANH GIỚI ÁP XÀ BANG 2)	BÀU SEN	1.719	688	516
3	ĐƯỜNG VÀO XÃ CÙ BỊ	QUỐC LỘ 56	GIÁP RANH XÃ BÀU CẠN CŨ, TỈNH ĐỒNG NAI	1.719	688	516
4	ĐƯỜNG XÀ BANG – LẮNG LỚN	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG NGÃI GIAO – CÙ BỊ	2.147	859	644
	ĐƯỜNG XÀ BANG – LẮNG LỚN	ĐƯỜNG NGÃI GIAO – CÙ BỊ	ĐOẠN GIÁP VỚI XÃ KIM LONG (CẦU SUỐI ĐÁ)	1.719	688	516
5	QUỐC LỘ 56:	ĐƯỜNG KIM LONG - LẮNG LỚN	ĐẦU LÔ CAO SU ĐÔI 1 THUỘC NÔNG TRƯỜNG CAO SU XÀ BANG.	5.157	2.063	1.547
	QUỐC LỘ 56:	ĐẦU LÔ CAO SU ĐÔI 1 THUỘC NÔNG	GIÁP RANH TỈNH ĐỒNG NAI	4.581	1.832	1.374

MỤC 14: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CHÂU ĐỨC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		TRƯỜNG CAO SU XÀ BANG				
6	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI ĐÃ LẮNG NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BÒ) VỚI CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN, THUỘC ĐỊA BÀN XÃ CHÂU ĐỨC			1.350	540	405

MỤC 15: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUÂN SƠN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG HỘI BÀI-CHÂU PHA-ĐÁ BẠC-PHƯỚC TÂN	GIÁP RANH XÃ NGHĨA THÀNH	HẾT RANH GIỚI H.CHÂU ĐỨC CŨ (TIẾP GIÁP H. XUYÊN MỘC CŨ)	3.546	1.418	1.064
2	ĐƯỜNG MỸ XUÂN-NGÃI GIAO-HÒA BÌNH	ĐƯỜNG XUÂN SƠN-ĐÁ BẠC	HẾT RANH GIỚI H.CHÂU ĐỨC (TIẾP GIÁP H. XUYÊN MỘC CŨ)	5.154	2.062	1.546
	ĐƯỜNG MỸ XUÂN-NGÃI GIAO-HÒA BÌNH	RANH GIỚI XÃ BÌNH GIÃ VÀ XÃ XUÂN SƠN	ĐƯỜNG XUÂN SƠN - ĐÁ BẠC	4.642	1.857	1.393
3	ĐƯỜNG SUỐI RAO - XUÂN SƠN	ĐƯỜNG MỸ XUÂN-NGÃI GIAO-HÒA BÌNH	ĐƯỜNG HỘI BÀI-CHÂU PHA-ĐÁ BẠC-PHƯỚC TÂN	2.146	858	644
4	ĐƯỜNG SUỐI RAO-LONG TÂN	ĐƯỜNG HỘI BÀI-CHÂU PHA-ĐÁ BẠC-PHƯỚC TÂN	HẾT RANH GIỚI H.CHÂU ĐỨC CŨ (TIẾP GIÁP XÃ LONG TÂN CŨ)	1.711	684	513
5	ĐƯỜNG VÀO THÁC SÔNG RAY	ĐƯỜNG MỸ XUÂN-NGÃI GIAO-HÒA BÌNH	THÁC SÔNG RAY (GIÁP H.XUYÊN MỘC	1.711	684	513

MỤC 15: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUÂN SƠN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	ĐƯỜNG XUÂN SƠN-ĐÁ BẠC	ĐƯỜNG MỸ XUÂN-NGÃI GIAO-HÒA BÌNH	ĐƯỜNG HỘI BÀI-CHÂU PHA-ĐÁ BẠC-PHƯỚC TÂN	2.146	858	644
7	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI ĐÁ LĂNG NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BÒ) VỚI CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN, THUỘC ĐỊA BÀN XÃ XUÂN SƠN			1.350	540	405

MỤC 16: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGHĨA THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG SỐ 21	QUỐC LỘ 56	CUỐI ĐƯỜNG	2.149	860	645
2	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SUỐI NGHỆ - NGHĨA THÀNH	RANH ĐẤT KCN - ĐÔ THỊ CHÂU ĐỨC	2.149	860	645
3	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 765	RANH GIỚI TỈNH ĐỒNG NAI (ĐỊA BÀN XÃ QUẢNG THÀNH CŨ)	RANH GIỚI HUYỆN ĐẤT ĐỎ CŨ (ĐỊA BÀN XÃ ĐÁ BẠC CŨ)	2.548	1.019	764
4	ĐƯỜNG BÌNH GIÃ – ĐÁ BẠC – LONG TÂN	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH	RANH ĐẤT KCN ĐÁ BẠC	2.149	860	645
5	ĐƯỜNG HỘI BÀI- CHÂU PHA- ĐÁ BẠC- PHƯỚC TÂN	QUỐC LỘ 56	HẾT RANH GIỚI HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ (TIẾP GIÁP H. XUYỀN MỘC CŨ)	3.529	1.412	1.059
6	ĐƯỜNG LIÊN XÃ SUỐI NGHỆ - NGHĨA THÀNH	QUỐC LỘ 56 (XÃ NGHĨA THÀNH CŨ)	ĐƯỜNG HỘI BÀI – CHÂU PHA – ĐÁ BẠC – PHƯỚC TÂN	3.399	1.360	1.020
7	ĐƯỜNG XUÂN SON – ĐÁ BẠC	ĐƯỜNG MỸ XUÂN – NGÃI GIAO – HÒA BÌNH	ĐƯỜNG HỘI BÀI – CHÂU PHA – ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	2.146	858	644
8	ĐƯỜNG VÀO BỆNH VIỆN TÂM THẦN	QUỐC LỘ 56	HẾT RANH ĐẤT BỆNH VIỆN TÂM THẦN	1.722	689	517
9	ĐƯỜNG ÁP BẮC – XÃ HÒA LONG ĐI THÔN QUẢNG PHÚ – XÃ ĐÁ BẠC	TỪ QUỐC LỘ 56	HẾT RANH GIỚI HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ (TIẾP GIÁP THÀNH PHỐ BÀ RỊA CŨ)	2.149	860	645

MỤC 16: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGHĨA THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 52	ĐOẠN THUỘC ĐỊA PHẬN XÃ ĐÁ BẠC CŨ, HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ		5.160	2.064	1.548
11	ĐƯỜNG SUỐI SỎI - CÁNH ĐỒNG ĐON, XÃ NGHĨA THÀNH.	QUỐC LỘ 56 (RANH GIỚI HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ VÀ TP. BÀ RỊA CŨ)	CÁNH ĐỒNG ĐON, XÃ NGHĨA THÀNH CŨ	1.713	685	514
12	ĐƯỜNG SUỐI RAO - LONG TÂN	ĐƯỜNG HỘI BÀI – CHÂU PHA – ĐÁ BẠC – PHƯỚC TÂN	HẾT RANH HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ (GIÁP RANH XÃ LONG TÂN CŨ)	1.713	685	514
13	ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG TIỂU HỌC SÔNG CẦU, XÃ NGHĨA THÀNH	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG ÁP BẮC - XÃ HÒA LONG CŨ ĐI THÔN QUẢNG PHÚ - XÃ ĐÁ BẠC CŨ	2.149	860	645
14	ĐƯỜNG QUẢNG PHÚ - PHƯỚC AN	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG TL765	1.722	689	517
15	ĐƯỜNG NỐI ĐT992 ĐẾN ĐƯỜNG QUẢNG PHÚ - PHƯỚC AN	ĐƯỜNG HỘI BÀI - CHÂU PHA - ĐÁ BẠC - PHƯỚC TÂN	ĐƯỜNG QUẢNG PHÚ - PHƯỚC AN	1.722	689	517

MỤC 16: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ NGHĨA THÀNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	ĐƯỜNG NỘI TỈNH LỘ 52 VÀ QUỐC LỘ 56 THUỘC XÃ ĐÁ BẠC	TỈNH LỘ 52	ĐƯỜNG ÁP BẮC - XÃ HÒA LONG CŨ ĐI THÔN QUẢNG PHÚ - XÃ ĐÁ BẠC CŨ	1.722	689	517
17	QUỐC LỘ 56	RANH TRƯỜNG NGÔ QUYÊN	ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG TIỂU HỌC SÔNG CẦU	4.581	1.832	1.374
	QUỐC LỘ 56	ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG TIỂU HỌC SÔNG CẦU	GIÁP RANH THÀNH PHỐ BÀ RỊA CŨ	5.157	2.063	1.547
18	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI ĐÁ LẮNG NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BÒ) VỚI CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN, THUỘC ĐỊA BÀN XÃ NGHĨA THÀNH.			1.350	540	405

MỤC 17: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÌNH GIÃ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG BÌNH BA - BÌNH TRUNG	RANH GIỚI XÃ NGÃI GIAO VÀ XÃ BÌNH GIÃ	TỈNH LỘ 765	1.719	688	516
2	ĐƯỜNG BÌNH GIÃ - ĐÁ BẠC - LONG TÂN	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH	RANH ĐẤT KCN ĐÁ BẠC	2.147	859	644
3	ĐƯỜNG BÌNH GIÃ - QUẢNG THÀNH	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH	ĐƯỜNG KIM LONG - QUẢNG THÀNH	2.147	859	644
4	ĐƯỜNG KIM LONG - QUẢNG THÀNH	QUỐC LỘ 56	HẾT RANH GIỚI XÃ KIM LONG	2.257	903	677
	ĐƯỜNG KIM LONG - QUẢNG THÀNH	RANH GIỚI GIỮA XÃ KIM LONG VÀ XÃ BÌNH GIÃ	GIÁP RANH TỈNH ĐỒNG NAI	1.667	667	500
5	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH	CẦU BÌNH GIÃ	ĐƯỜNG TL 765	5.156	2.062	1.547
	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH	ĐƯỜNG TL 765	RANH GIỚI XÃ BÌNH GIÃ VÀ XÃ XUÂN SƠN	4.642	1.857	1.393
6	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 765	RANH GIỚI TỈNH ĐỒNG NAI (ĐỊA BÀN	RANH GIỚI HUYỆN ĐẤT ĐỎ CŨ (ĐỊA	2.548	1.019	764

MỤC 17: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÌNH GIÃ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		XÃ QUẢNG THÀNH CŨ)	BÀN XÃ ĐÁ BẠC CŨ)			
7	ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÂU ĐỨC	RANH GIỚI HÀNH CHÍNH GIỮA TT. NGÃI GIAO CŨ VÀ XÃ BÌNH GIÃ	ĐƯỜNG HÀNG 4 XÃ BÌNH GIÃ	2.148	859	644
8	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI ĐÁ LÁNG NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BỒ) VỚI CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN, THUỘC ĐỊA BÀN XÃ BÌNH GIÃ.			1.350	540	405

MỤC 18: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẤT ĐỎ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU VỰC CHỢ ĐẤT ĐỎ			11.664	4.666	3.499
2	HÀN MẠC TỬ (TÊN CŨ: ĐƯỜNG TỪ NGÕ 3 CỎNG BÀ BẾN (QUỐC LỘ 55) ĐẾN NGÃ 3 NHÀ MÁY BÀ NHỊ)			6.672	2.669	2.002
3	LƯƠNG THỂ VINH VÀ ĐƯỜNG LÊ THỊ HỒNG GÁM (TÊN CŨ: ĐƯỜNG TỪ NGÃ 3 ĐÀI NƯỚC ÔNG BẠC (QUỐC LỘ 55) VÒNG QUA ÁP PHƯỚC SƠN ĐẾN NGÃ 5 CÂY XĂNG CÔNG DỪNG (QUỐC LỘ 55)			4.760	1.904	1.428
4	CHÂU VĂN BIỀC (CŨ: PHƯỚC THANH A8)			6.672	2.669	2.002
5	NGUYỄN HỮU HUÂN (TÊN CŨ: ĐƯỜNG TỪ NGÃ 3 NHÀ MÁY BÀ HẰNG (TỈNH			6.672	2.669	2.002

MỤC 18: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẤT ĐỎ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	LỘ 52) ĐẾN QUÁN MAI QUẾ)					
6	ĐƯỜNG PHƯỚC THỌ (TÊN CŨ: ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ)			4.760	1.904	1.428
7	ĐƯỜNG PHAN ĐĂNG LƯU + ĐƯỜNG NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU + ĐƯỜNG TẠ VĂN SÁU			6.672	2.669	2.002
8	PHẠM VĂN ĐỒNG			6.672	2.669	2.002
9	TÔN ĐỨC THẮNG			6.672	2.669	2.002
10	NGUYỄN HUỆ			6.672	2.669	2.002
11	ĐƯỜNG PHAN BỘI CHÂU (ĐƯỜNG TỪ NGÃ 3 TRƯỜNG HỌC PHƯỚC THỐI (QUỐC LỘ 55) ĐẾN GIỀNG BÀ MỤ)			4.760	1.904	1.428
12	MAI CHÍ THÀNH			6.672	2.669	2.002
13	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN QUYẾT (TÊN CŨ: CÁCH MẠNG THÁNG 8 - ĐƯỜNG TỪ NGÃ 4 ÔNG CHÍN QUẢNG			6.672	2.669	2.002

MỤC 18: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẤT ĐỎ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	(QUỐC LỘ 55) ĐẾN NGÃ 4 NHÀ BÀ MUÔN (TỈNH LỘ 52)					
14	ĐƯỜNG CAO VĂN NGỌC + TRỊNH HOÀI ĐỨC (TÊN CŨ: ĐƯỜNG CAO VĂN NGỌC - ĐƯỜNG TỪ NGÃ 4 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẤT ĐỎ ĐẾN NGÃ 3 NHÀ MÁY ÔNG BẦY NGÂY)			4.760	1.904	1.428
15	CAO VĂN NGỌC VÀ ĐƯỜNG LÊ DUẤN (TÊN CŨ: ĐƯỜNG TỪ NGÃ 4 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẤT ĐỎ ĐẾN NGÃ 4 BÀ ĐỐI)			4.668	1.867	1.400

MỤC 18: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẤT ĐỎ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	LÊ DUÂN (TÊN CŨ: ĐƯỜNG TỪ NGÃ 5 CÂY XĂNG CÔNG DỪNG ĐẾN TL52 TẠI TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU)			4.760	1.904	1.428
17	QUỐC LỘ 55	CẦU ĐẤT ĐỎ	KHU VỰC NGÃ 4 ĐƯỜNG HÔNG TRƯỜNG NGUYỄN THỊ HOA VÀ ĐƯỜNG HÔNG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH	8.700	3.480	2.610
	QUỐC LỘ 55	KHU VỰC NGÃ 4 ĐƯỜNG HÔNG TRƯỜNG NGUYỄN THỊ HOA VÀ ĐƯỜNG HÔNG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH	NGÃ 5 CÂY XĂNG CÔNG DỪNG	11.500	4.600	3.450
	QUỐC LỘ 55	NGÃ 5 CÂY XĂNG CÔNG DỪNG	CÔNG DẦU (SUỐI BÀ TÙNG)	8.700	3.480	2.610
	QUỐC LỘ 55	CÔNG DẦU (SUỐI BÀ TÙNG)	CÁI TRONG (GIÁP XÃ XUYỀN MỘC CŨ)	4.417	1.767	1.325
18	TL52	CẦU BÀ SẢN	BỤNG LONG TÂN (TRƯỜNG THCS LONG TÂN)	4.406	1.762	1.322

MỤC 18: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẤT ĐỎ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TL52	BUNG LONG TÂN QUA KHU DÂN CƯ UBND XÃ LONG TÂN CŨ	CẦU KHÁNH VÂN (HẾT XÃ LONG TÂN CŨ)	5.140	2.056	1.542
	TL52	CẦU BÀ SÂN	XÍ NGHIỆP ĐÁ PUZOLAN (NGÃ 3 GÒ BÀ BÌNH)	7.520	3.008	2.256
	TL52	XÍ NGHIỆP ĐÁ PUZOLAN (NGÃ 3 GÒ BÀ BÌNH)	NGÃ 4 NHÀ THỜ ĐẤT ĐỎ	8.700	3.480	2.610
	TL52	NGÃ 4 NHÀ THỜ ĐẤT ĐỎ	NGÃ 4 BÀ MUÔN	11.500	4.600	3.450
	TL52	NGÃ 4 BÀ MUÔN QUA TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH	GIÁP XÃ PHƯỚC HỘI CŨ	8.700	3.480	2.610
19	TUYẾN D1	TUYẾN N1	TUYẾN N6	3.510	1.404	1.053
	TUYẾN D1	TUYẾN N6	TUYẾN N9	3.510	1.404	1.053
20	TUYẾN D2	TUYẾN N1	TUYẾN N7	3.510	1.404	1.053
	TUYẾN D2	TUYẾN N7	TUYẾN N9	3.510	1.404	1.053
21	TUYẾN D3	TUYẾN N1	TUYẾN N7	3.510	1.404	1.053
	TUYẾN D3	TUYẾN N7	TUYẾN N9	3.510	1.404	1.053
22	TUYẾN N1			3.510	1.404	1.053
23	TUYẾN N2, N4, N6			3.510	1.404	1.053
24	TUYẾN N3, N5, N7, N8, N9, D4, D5			3.510	1.404	1.053
25	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ ĐƯỢC TRẢI NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÒN LẠI DO XÃ QUẢN LÝ CÓ			2.670	1.068	801

MỤC 18: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẤT ĐỎ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN					
26	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BÒ) CÒN LẠI DO XÃ QUẢN LÝ CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			2.138	855	641
27	TỈNH LỘ 44B (ĐOẠN QUA THỊ TRẤN ĐẤT ĐỎ CŨ GIÁP XÃ TAM PHƯỚC CŨ)			4.150	1.660	1.245
28	ĐƯỜNG TỪ CẦU ÔNG HEM ĐẾN GIÁP QL55 (PHƯỚC HỘI-LÁNG DÀI- PHƯỚC LONG THỌ)			5.184	2.074	1.555
29	PHẠM VĂN HY	QL55	TL52	4.760	1.904	1.428
30	LÊ THÁNH TÔNG	QL55	LÊ HỒNG PHONG	4.760	1.904	1.428
31	PHƯỚC THẠNH	QUỐC LỘ 55	PHAN ĐĂNG LƯU	4.760	1.904	1.428
32	NAM KỲ KHỞI NGHĨA	QL55	LÊ TRỌNG TẤN	4.760	1.904	1.428
33	CÁCH MẠNG THÁNG 8	QL55	LÊ THỊ HỒNG GẮM	4.760	1.904	1.428
34	HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA	QL55	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
35	PHẠM HÙNG	QUỐC LỘ 55	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428

MỤC 18: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẤT ĐỎ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
36	TUYẾN TRÁNH QL 55	GIÁP RANH XÃ LONG ĐIỀN	QUỐC LỘ 55	4.760	1.904	1.428
37	ĐƯỜNG 997	QUỐC LỘ 55	GIÁP RANH XÃ NGHĨA THÀNH CŨ	4.760	1.904	1.428
38	ĐƯỜNG 997	GIÁP XÃ PHƯỚC HẢI	QUỐC LỘ 55	4.760	1.904	1.428
39	ĐƯỜNG D6-KHU CN	QUỐC LỘ 55	KHU CN	4.760	1.904	1.428
40	TÔN ĐỨC THẮNG	TỈNH LỘ 52	CAO VĂN NGỌC	4.760	1.904	1.428
41	MAI CHÍ THÀNH	TỈNH LỘ 52	PHẠM VĂN ĐỒNG	4.760	1.904	1.428
42	NGUYỄN KIÊM	TỈNH LỘ 52	TL52	4.760	1.904	1.428
43	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
44	NGUYỄN THỊ HOA	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
45	LÊ VĂN MỘT	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
46	ĐOÀN TRUNG CÒN	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
47	PHAN CHU TRINH	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
48	PHẠM VĂN ĐẮC	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
49	NGUYỄN VĂN HÙNG	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
50	LÊ TRỌNG TẤN	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
51	NGUYỄN HUỆ	TỈNH LỘ 52	QL55	4.760	1.904	1.428
52	CAO VĂN NGỌC	TRỊNH HOÀI ĐỨC	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
53	LÊ THỊ HỒNG GÁM	HUYỆN TRẦN CÔNG CHÚA	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
54	HAI BÀ TRUNG	LÊ THÁNH TÔNG	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
55	NGUYỄN VĂN NHẬT	LÊ THÁNH TÔNG	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428

MỤC 18: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẤT ĐỎ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
56	NGUYỄN CÔNG HOAN	LÊ THÁNH TÔNG	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
57	TÔN THẮT TÙNG	LÊ THÁNH TÔNG	PHAN ĐĂNG LƯU	4.760	1.904	1.428
58	TRỊNH HOÀI ĐỨC	LÊ THÁNH TÔNG	CAO VĂN NGỌC	4.760	1.904	1.428
59	LƯU CHÍ HIẾU	LÊ THÁNH TÔNG	TRỊNH HOÀI ĐỨC	4.760	1.904	1.428
60	NGUYỄN THÀNH LIÊM	LÊ THÁNH TÔNG	TÔN THẮT TÙNG	4.760	1.904	1.428
61	NGUYỄN THỊ ĐẸP	LÊ THÁNH TÔNG	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
62	LÊ TRỌNG TẤN	TỈNH LỘ 52	CUỐI TUYẾN	4.760	1.904	1.428
63	MINH ĐẠM	LÊ DUẬN	PLT	4.760	1.904	1.428
64	TRẦN HUY LIỆU	CAO VĂN NGỌC	PHƯỚC HỘI	4.760	1.904	1.428
65	ĐƯỜNG LÊ THÀNH DUY	GIAO ĐƯỜNG PHẠM VĂN ĐỒNG	ĐƯỜNG NAM KỶ KHỞI NGHĨA	4.760	1.904	1.428
66	ĐƯỜNG NGUYỄN HÙNG MẠNH	NGÃ TƯ ĐƯỜNG QH SỐ 3	KHU TÁI ĐỊNH CƯ BÀU BÈO	4.760	1.904	1.428
67	ĐƯỜNG 765	TỈNH LỘ 52 (TẠI CHỢ LONG TÂM)	GIÁP XÃ NGHĨA THÀNH (CẦU ĐÁ BẠC)	5.140	2.056	1.542
68	HUỶNH KHƯƠNG NINH	NGÃ 3 PHẠM VĂN ĐỒNG	PHẠM VĂN HY	4.760	1.904	1.428
69	PHẠM HỒNG THÁI	TỈNH LỘ 52 (TRẠM Y TẾ XÃ ĐẤT ĐỎ)	NGUYỄN THỊ HOA	4.760	1.904	1.428

MỤC 19: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG ĐIỀN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÙI CÔNG MINH	NGÃ 4 NGÂN HÀNG	HÈM 216 (THỬA ĐẤT SỐ 286, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 32)	11.960	4.784	3.588
	BÙI CÔNG MINH	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A (NGÃ 3 CHỢ BẾN)	HÈM 216 (THỬA ĐẤT SỐ 286, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 32)	7.100	2.840	2.130
2	CAO VĂN NGỌC	BÙI CÔNG MINH	PHẠM HỒNG THÁI	5.880	2.352	1.764
3	CHÂU VĂN BIẾC	MẠC THANH ĐẠM	CHÙA BÀ	5.880	2.352	1.764
4	ĐOẠN TỪ CÂY XĂNG BÀU THÀNH ĐẾN CỐNG BÀ SÁU			3.550	1.420	1.065
5	DƯƠNG BẠCH MAI	NGÃ 5 LONG ĐIỀN	CÂY XĂNG BÀU THÀNH	8.060	3.224	2.418
6	ĐƯỜNG BÊN HỒNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĂN LƯƠNG	ĐƯỜNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĂN LƯƠNG	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 7	5.880	2.352	1.764
7	ĐƯỜNG CHỮ U TẠI ÁP LONG AN	NGÃ 3 TRƯỜNG TRẦN VĂN QUAN	NGÃ 3 NHÀ ÔNG BẢY VỊ GIÁP ĐƯỜNG VÔ THỊ SÁU	5.880	2.352	1.764
8	ĐƯỜNG HẢI LÂM - BÀU TRÚ (XÃ LONG HẢI - XÃ LONG ĐIỀN)	NGÃ 3 TRƯỜNG BẮN TAM PHƯỚC (THỬA SỐ 14 VÀ 20, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 3)	CUỐI TUYẾN	3.910	1.564	1.173
9	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ BẮC NAM			5.880	2.352	1.764
10	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 11	MẠC THANH ĐẠM	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14	5.880	2.352	1.764

MỤC 19: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG ĐIỀN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 12	MẠC THANH ĐẠM	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14	5.880	2.352	1.764
12	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 13	MẠC THANH ĐẠM	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14	5.880	2.352	1.764
13	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14	VÕ THỊ SÁU	HƯƠNG LỘ 10	5.880	2.352	1.764
14	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 16	PHẠM HỮU CHÍ	HÈM (THỪA ĐẤT SỐ 48, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 132)	5.880	2.352	1.764
15	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 16	HÈM (TỪ THỪA ĐẤT SỐ 390, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 198)	QUỐC LỘ 55	3.311	1.324	993
16	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 17	VÕ THỊ SÁU	QUỐC LỘ 55	5.880	2.352	1.764
17	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2	VÕ THỊ SÁU	MẠC THANH ĐẠM	5.880	2.352	1.764
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2 (ĐOẠN NHÁNH)	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 9	MẠC THANH ĐẠM	5.340	2.136	1.602
18	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 7	TRẦN XUÂN ĐỘ	MẠC THANH ĐẠM	5.880	2.352	1.764
19	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 8	VÕ THỊ SÁU	MẠC THANH ĐẠM	5.880	2.352	1.764
20	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 9	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 7	DƯƠNG BẠCH MAI	5.880	2.352	1.764
21	ĐƯỜNG SỐ 20	NGÃ 4 NGÃN HÀNG	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14	9.260	3.704	2.778
	ĐƯỜNG SỐ 20	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14	GIÁP ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ - PHƯỜNG BÀ RỊA	5.880	2.352	1.764
22	ĐƯỜNG TRÁNH QUỐC LỘ 55	ĐOẠN THUỘC XÃ LONG ĐIỀN		3.418	1.367	1.025

MỤC 19: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG ĐIỀN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
23	ĐƯỜNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĂN LƯƠNG	MẠC THANH ĐẠM	TRẦN HƯNG ĐẠO	5.880	2.352	1.764
24	ĐƯỜNG TỪ NGÃ NĂM LONG ĐIỀN ĐẾN CẦU BÀ SÚN			5.880	2.352	1.764
25	ĐƯỜNG TỪ NGÃ TƯ UBND XÃ TAM PHƯỚC CŨ ĐẾN GIÁP QUỐC LỘ 55 (QUA BỆNH VIỆN LAO - PHỔI)			3.500	1.400	1.050
26	ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 55 ĐẾN TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO VĂN NGỌC (GIÁP HƯƠNG LỘ 14)			4.400	1.760	1.320
27	HỒ TRI TÂN	VÕ THỊ SÁU	VÒNG XOAY VÙNG VẦN	5.880	2.352	1.764
28	HƯƠNG LỘ 10	NGÃ 5 LONG ĐIỀN	TRẠI HUẤN LUYỆN CHÓ BÀ RỊA	9.760	3.904	2.928
29	HƯƠNG LỘ 14	UBND XÃ TAM PHƯỚC CŨ	CHỢ BẾN - ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A	6.900	2.760	2.070
30	LÊ HỒNG PHONG	ĐÌNH LONG PHƯỢNG	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 7	5.180	2.072	1.554
31	MẠC ĐÌNH CHI	MẠC THANH ĐẠM	NGUYỄN CÔNG TRÚ	5.880	2.352	1.764

MỤC 19: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG ĐIỀN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
32	MẠC THANH ĐẠM	ĐƯỜNG BAO CÔNG VIÊN	NGÃ 5 LONG ĐIỀN	11.960	4.784	3.588
33	NGÔ GIA TỰ	NGÃ 3 BÀU ÔNG DÂN	NGUYỄN VĂN TRỖI	5.880	2.352	1.764
34	NGUYỄN CÔNG TRÚ	MẠC THANH ĐẠM	TRỤ SỞ ÁP LONG LIÊN	5.880	2.352	1.764
35	NGUYỄN THỊ ĐỆP (ĐƯỜNG NHÀ THỜ LONG ĐIỀN)	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 17	PHẠM HỒNG THÁI	5.880	2.352	1.764
36	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	VÕ THỊ SÁU	LÊ HỒNG PHONG	6.700	2.680	2.010
37	NGUYỄN VĂN TRỖI (ĐƯỜNG BẮC - NAM GIAI ĐOẠN 2)	VÕ THỊ SÁU	QUỐC LỘ 55	10.800	4.320	3.240
38	PHẠM HỒNG THÁI	VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 16	6.700	2.680	2.010
39	PHẠM HỮU CHỈ	VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A	7.390	2.956	2.217
40	PHAN ĐĂNG LƯU	TỪ THỪA ĐẤT SỐ 301, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 194	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A	5.340	2.136	1.602
	PHAN ĐĂNG LƯU (ĐOẠN NHÁNH)	VÕ THỊ SÁU	NGÃ 3 CÂY TRƯỜNG GIÁP ĐƯỜNG BÙI CÔNG MINH	6.920	2.768	2.076
41	QUỐC LỘ 55	VÒNG XOAY VÙNG VẦN	TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ LONG ĐIỀN	7.560	3.024	2.268
	QUỐC LỘ 55	TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ LONG ĐIỀN	CẦU ĐẤT ĐỎ	6.900	2.760	2.070
42	TỈNH LỘ 44A	VÒNG XOAY VÙNG VẦN	BÙI CÔNG MINH	7.560	3.024	2.268
	TỈNH LỘ 44A	BÙI CÔNG MINH	GIÁP RANH XÃ LONG HẢI	5.900	2.360	1.770
43	TỈNH LỘ 44B	NGÃ 3 BÀU ÔNG DÂN	CỔNG BÀ SÁU	5.880	2.352	1.764

MỤC 19: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG ĐIỀN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỈNH LỘ 44B	CÔNG BÀ SÁU	GIÁP XÃ PHƯỚC HẢI	3.550	1.420	1.065
	TỈNH LỘ 44B (ĐOẠN BỎ SUNG)	ĐƯỜNG SỐ 17 TAM PHƯỚC	GIÁP ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44B CŨ	4.260	1.704	1.278
44	TRẦN HƯNG ĐẠO	VÕ THỊ SÁU	DƯƠNG BẠCH MAI	7.390	2.956	2.217
45	TRẦN XUÂN ĐỘ (ĐƯỜNG BẮC- NAM GIAI ĐOẠN 1)	VÕ THỊ SÁU	DƯƠNG BẠCH MAI	10.800	4.320	3.240
46	VIỆN QUANH CHỢ MỚI LONG ĐIỀN	MẠC THANH ĐẠM	TRẦN HƯNG ĐẠO	10.800	4.320	3.240
	VIỆN QUANH CHỢ MỚI LONG ĐIỀN	CÔNG SAU CHỢ MỚI LONG ĐIỀN	TRẦN HƯNG ĐẠO	10.800	4.320	3.240
	VIỆN QUANH CHỢ MỚI LONG ĐIỀN	DƯƠNG BẠCH MAI	HẾT DÂY PHỐ CHỢ MỚI	10.800	4.320	3.240
47	VÕ THỊ SÁU	MIÊU ÔNG HỒ	NGÃ 3 BÀU ÔNG DÂN	11.960	4.784	3.588
	VÕ THỊ SÁU	NGÃ 3 BÀU ÔNG DÂN	CÂY XĂNG ĐÔNG NAM	7.476	2.990	2.243
48	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SÔI ĐÁ XÔI BỒ) CÒN LẠI DO XÃ QUẢN LÝ CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			2.138	855	641
49	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ			2.670	1.068	801

MỤC 19: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG ĐIỀN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỢC TRÁI NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÒN LẠI DO XÃ QUẢN LÝ CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN					
50	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 2 (MIẾU CÂY QUẾO)			5.880	2.352	1.764
51	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 6			5.880	2.352	1.764
52	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU TÁI ĐỊNH CƯ AN NGÃI			5.040	2.016	1.512
53	CAO TỐC BIÊN HÒA - VŨNG TÀU			4.740	1.896	1.422
54	ĐƯỜNG NỘI CAO TỐC BIÊN HÒA - VŨNG TÀU			4.740	1.896	1.422
55	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỚC HÙNG - AN NGÃI (THUỘC XÃ LONG ĐIỀN)			5.340	2.136	1.602

MỤC 20: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHƯỚC HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	02 TUYẾN ĐƯỜNG NHỰA BÊN HÔNG NHÀ LÒNG CHỢ CHÍNH PHƯỚC HẢI			15.880	6.352	4.764
2	ĐOẠN ĐƯỜNG THUỘC TỈNH LỘ 52 TỪ NGÃ 3 UBND XÃ PHƯỚC HẢI ĐẾN GIÁP CỐNG CẦU LÀNG (GIÁP XÃ ĐẤT ĐỎ)			5.330	2.132	1.599
3	ĐƯỜNG NGÕ QUYỀN (TÊN CŨ: ĐOẠN ĐƯỜNG BUƯ ĐIỆN - CHÙA BÀ)			8.320	3.328	2.496
4	ĐƯỜNG TRUNG TÂM LONG MỸ TỪ TL44B QUA BAN CHQS XÃ PHƯỚC HẢI ĐẾN TL44A NGÃ 3 ÔNG QUANG HỒ			5.330	2.132	1.599
5	ĐƯỜNG TỪ CẢNG TẠM LỘC AN ĐẾN NGÃ 3 GIÁP ĐƯỜNG VEN BIỂN			5.330	2.132	1.599

MỤC 20: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHƯỚC HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	ĐƯỜNG 997 ĐOẠN TỪ CẦU ÔNG HEM ĐẾN GIÁP QL55			5.330	2.132	1.599
7	ĐƯỜNG TỪ TL44A (NGÃ 3 ÔNG CHIỂM) ĐẾN BAN CHQS XÃ PHƯỚC HẢI VÀ GIÁP ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TRUNG TÂM XÃ			5.330	2.132	1.599
8	ĐƯỜNG TỪ NGÃ 4 TỰ TÂY ĐẾN GIÁP ĐƯỜNG TL994	NGÃ 4 TỰ TÂY	ĐƯỜNG TL994 VEN BIỂN	5.330	2.132	1.599
9	ĐƯỜNG 997 ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG VEN BIỂN ĐẾN CẦU ÔNG HEM			6.700	2.680	2.010
10	ĐƯỜNG VEN BIỂN	NGÃ 3 QUÁN HƯƠNG	CẦU SA (GIÁP XÃ LỘC AN)	8.490	3.396	2.547
	ĐƯỜNG VEN BIỂN	CẦU SA	CẦU ÔNG HEM (QUÁN SÁU AN)	7.220	2.888	2.166
	ĐƯỜNG VEN BIỂN	CẦU ÔNG HEM (QUÁN SÁU AN)	CẦU SÔNG RAY	8.490	3.396	2.547
13	MẠC THANH ĐẠM (TÊN CŨ: ĐƯỜNG LONG PHỦ)	TUYẾN TỪ NHÀ BÀ TỰ HƯƠNG (VÕ THỊ SÁU)	NGÃ 3 LONG PHỦ (NHÀ ÔNG HOÀNG)	10.200	4.080	3.060
14	NGÔ QUYỀN (TÊN CŨ:			10.230	4.092	3.069

MỤC 20: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHƯỚC HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	ĐƯỜNG TRUNG TÂM: TỪ TRUNG TÂM VĂN HÓA QUA KHU PHỐ PHƯỚC AN)					
15	NGUYỄN AN NINH (TÊN CŨ: ĐOẠN ĐƯỜNG TỪ NGÃ 3 HÀNG DƯƠNG ĐẾN CÔNG TY ĐẠI THÀNH)			8.320	3.328	2.496
16	NGUYỄN TẮT THÀNH (TÊN CŨ: ĐƯỜNG EC TỪ CHỢ MỚI QUA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN PHƯỚC HẢI ĐẾN NGÃ 3 NHÀ ÔNG NGUYỄN VIỆT HỒNG)			10.240	4.096	3.072
17	NGUYỄN VĂN LINH (TÊN CŨ: ĐƯỜNG QH SỐ 2)			10.230	4.092	3.069
18	TL44A	CẦU BÀ MÍA	GIÁP TL52 (NGÃ BA UBND XÃ PHƯỚC HẢI MỚI)	7.710	3.084	2.313
19	TL44B	NGÃ 3 UBND XÃ PHƯỚC HẢI MỚI	NÚT GIAO ĐƯỜNG 44B MỞ RỘNG	5.330	2.132	1.599

MỤC 20: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHƯỚC HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
20	TL44B	NÚT GIAO ĐƯỜNG 44B MỞ RỘNG	GIÁP XÃ LONG ĐIỀN	5.330	2.132	1.599
21	TRẦN HƯNG ĐẠO (TÊN CŨ: ĐƯỜNG VEN BIỂN PHƯỚC HẢI - LỘC AN)			15.880	6.352	4.764
22	VÕ THỊ SÁU (TÊN CŨ: ĐƯỜNG VEN BIỂN)	CÔNG KDL THỦY DƯƠNG	NGÃ 3 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC HẢI	15.880	6.352	4.764
23	VÕ THỊ SÁU (TÊN CŨ: ĐƯỜNG VEN BIỂN)	NGÃ 3 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC HẢI	HẾT CẦU BÀ MÍA	15.880	6.352	4.764
24	VÕ VĂN KIẾT (TÊN CŨ: ĐƯỜNG CUNG TRÁNH ĐƯỜNG VEN BIỂN TỪ CÔNG 2 ĐẾN CÔNG 3 KHU DU LỊCH THỦY DƯƠNG)			10.200	4.080	3.060
25	VÕ VĂN KIẾT (TÊN CŨ: ĐƯỜNG TRÁNH VEN BIỂN DỌC NÚI MINH ĐẠM TỪ NGÃ 3 CHÙA HÒN MỘT ĐẾN CẦU BÀ MÍA)	NGÃ BA CHÙA HÒN MỘT	NÚT GIAO ĐƯỜNG TL 994	10.200	4.080	3.060

MỤC 20: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHƯỚC HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
26	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BÒ) CÒN LẠI DO XÃ QUẢN LÝ CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			2.138	855	641
27	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ ĐƯỢC TRÁI NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÒN LẠI DO XÃ QUẢN LÝ CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			2.670	1.068	801
28	TỈNH LỘ 994	MŨI KỶ VÂN	NÚT GIAO NGÃ TƯ ĐƯỜNG TL44A VỚI ĐƯỜNG VEN BIỂN QUÁN HƯƠNG	10.240	4.096	3.072
29	ĐƯỜNG LẠC LONG QUÂN	ĐƯỜNG HOÀNG SA	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	10.200	4.080	3.060
30	ĐƯỜNG ĐÌNH BỘ LĨNH	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH	10.200	4.080	3.060
31	ĐƯỜNG HUỖNH TẤN PHÁT	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	10.200	4.080	3.060

MỤC 20: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHƯỚC HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
32	ĐƯỜNG TRẦN QUÝ DÔNG	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	10.200	4.080	3.060
33	ĐƯỜNG TRẦN VĂN MÀU	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	10.200	4.080	3.060
34	ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT	ĐƯỜNG HOÀNG SA	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	10.200	4.080	3.060
35	ĐƯỜNG LÂM VĂN VỖ	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	10.200	4.080	3.060
36	ĐƯỜNG TRẦN BÌNH TRỌNG	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	10.200	4.080	3.060
37	ĐƯỜNG PHẠM NGỌC THẠCH	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	10.200	4.080	3.060
38	ĐƯỜNG TRẦN PHÚ	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH	10.200	4.080	3.060
39	ĐƯỜNG TRƯỜNG SA	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT	10.200	4.080	3.060
40	ĐƯỜNG HOÀNG SA	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT	10.200	4.080	3.060
41	ĐƯỜNG TRẦN QUỐC TOÀN	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT	10.200	4.080	3.060
42	ĐƯỜNG VÕ VĂN TÀN	ĐƯỜNG LẠC LONG QUÂN	ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT	10.200	4.080	3.060
43	ĐƯỜNG LÝ TỰ TRỌNG	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG NGỖ QUYỀN	10.200	4.080	3.060
44	ĐƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	NHÀ DÂN	10.200	4.080	3.060
45	ĐƯỜNG NGÔ ĐỨC KẾ	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO	10.200	4.080	3.060
46	ĐƯỜNG LÊ LAI	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO	10.200	4.080	3.060
47	ĐƯỜNG HẢI LÂM-BÀU TRÚ	GIÁP XÃ TAM AN	ĐƯỜNG 994	10.200	4.080	3.060

MỤC 20: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHƯỚC HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
48	TỈNH LỘ 44B (MỞ RỘNG)	NÚT GIAO ĐƯỜNG 44B MỞ RỘNG	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 52 TƯ TÂY	7.710	3.084	2.313
49	ĐƯỜNG TÔN THẤT THUYẾT	BÙI CÔNG MINH	ĐƯỜNG QUANG HỒ	5.330	2.132	1.599
50	ĐƯỜNG HỒ TRI TÂN	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU	NGÃ 3 CHÙA HÒN MỘT	10.200	4.080	3.060
51	ĐƯỜNG QH A5 (MẶT CẮT 28M)	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI	10.200	4.080	3.060
52	ĐƯỜNG QH N7A (MẶT CẮT 8M)	ĐƯỜNG TRƯỜNG SA	ĐƯỜNG HOÀNG SA	10.200	4.080	3.060
53	ĐƯỜNG QH 06-08 (MẶT CẮT 14M)	ĐƯỜNG ĐÌNH BỘ LĨNH	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI	10.200	4.080	3.060
54	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LÁNG NHỰA KHU DÂN CƯ 8,02HA (LỘC AN-PHUỐC AN)			10.200	4.080	3.060
55	NGUYỄN BÁ NGỌC	ĐƯỜNG NGÔ QUYỀN	ĐƯỜNG NGUYỄN AN NINH	10.200	4.080	3.060
56	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ KIM LIÊN (MẶT CẮT: 15M)			7.710	3.084	2.313
57	ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN - LÊ THU	BƯU ĐIỆN	LÊ THU	10.200	4.080	3.060

MỤC 20: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ PHƯỚC HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	(MẶT CÁT: 20M)					
58	NGUYỄN VĂN TRỖI	ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG HUỖNH TẤN PHÁT	10.200	4.080	3.060
59	BÙI CÔNG MINH (ĐOẠN GIAO TL994 MIẾU BÀ THIÊN HẬU ĐẾN CẦU BÀ MÍA)	NÚT GIAO NGÃ BA TL994 MIẾU BÀ THIÊN HẬU	CẦU BÀ MÍA	5.330	2.132	1.599
60	BÙI CÔNG MINH (ĐOẠN TỪ NGÃ BA LONG PHÙ ĐẾN HƯƠNG LÚA)	NGÃ BA LONG PHÙ (NHÀ ÔNG HOÀNG)	ĐIỂM DU LỊCH HƯƠNG LÚA	5.330	2.132	1.599

MỤC 21: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐIỀN BIÊN PHỦ	HƯƠNG LỘ 5	NGUYỄN TẮT THÀNH	12.816	5.126	3.845
	ĐIỀN BIÊN PHỦ	NGUYỄN TẮT THÀNH	TRẦN HƯNG ĐẠO	8.971	3.588	2.691
2	ĐƯỜNG CHỮ Y - ẤP PHƯỚC THIỆN, XÃ PHƯỚC TỈNH CŨ	ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐẦU THỪA SỐ 2, TỜ BĐ SỐ 79)	ĐƯỜNG HƯƠNG LỘ 5 (CUỐI THỪA ĐẤT SỐ 38 TỜ BĐ 103	5.639	2.256	1.692
3	ĐƯỜNG EC	ĐƯỜNG QH SỐ 2	KHU SINH THÁI NGỌC SƯƠNG	5.510	2.204	1.653
4	ĐƯỜNG HẢI LÂM - BÀU TRÚ (XÃ PHƯỚC HƯNG CŨ - XÃ TAM PHƯỚC CŨ)	TỈNH LỘ 44A	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TRÃI (THỪA 531, 648, TỜ BĐ SỐ 230)	6.486	2.594	1.946
	ĐƯỜNG HẢI LÂM - BÀU TRÚ (XÃ PHƯỚC HƯNG CŨ - XÃ TAM PHƯỚC CŨ)	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN TRÃI (THỪA 531, 648, TỜ BĐ SỐ 230)	NGÃ 3 TRƯỜNG BẮN TAM PHƯỚC (THỪA SỐ 189, 190, TỜ BĐ SỐ 191)	4.151	1.660	1.245
	ĐƯỜNG HẢI LÂM - BÀU TRÚ (XÃ PHƯỚC HƯNG - XÃ TAM PHƯỚC)	NGÃ 3 TRƯỜNG BẮN TAM PHƯỚC (THỪA SỐ 214, 251, TỜ BĐ SỐ 191)	CUỐI TUYẾN	3.910	1.564	1.173
5	ĐƯỜNG LIÊN XÃ PHƯỚC HƯNG - PHƯỚC TỈNH			6.768	2.707	2.030
6	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỚC TỈNH	TOÀN BỘ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI		5.510	2.204	1.653

MỤC 21: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		ĐINH CƯ PHƯỚC TỈNH				
7	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TĐC SỐ 1			6.170	2.468	1.851
8	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 01	ĐOẠN VIÊN QUANH CHỢ MỚI LONG HẢI		14.820	5.928	4.446
9	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 01	ĐƯỜNG VIÊN QUANH CHỢ MỚI LONG HẢI (TỪ THỪA SỐ 100, TỜ BĐ SỐ 91)	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 8	11.860	4.744	3.558
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 01	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 8	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	8.320	3.328	2.496
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 01	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	QUY HOẠCH SỐ 11	6.170	2.468	1.851
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 01	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 11	CUỐI TUYẾN VỀ HƯỚNG NÚI	5.510	2.204	1.653
10	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2	ĐƯỜNG THỊ TRẦN LONG HẢI	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	8.320	3.328	2.496
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	CUỐI TUYẾN QUY HOẠCH SỐ 2	5.510	2.204	1.653
11	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 3	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 4	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	8.320	3.328	2.496
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 3	TỈNH LỘ 44A GĐ2	CUỐI TUYẾN VỀ HƯỚNG NÚI	5.510	2.204	1.653
12	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 4	ĐƯỜNG THỊ TRẦN LONG HẢI CŨ	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	8.320	3.328	2.496
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 4	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	CUỐI TUYẾN QUY HOẠCH SỐ 4	5.510	2.204	1.653
13	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 6	NGÃ 3 LONG HẢI	DINH CÔ	15.080	6.032	4.524

MỤC 21: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
14	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 08	QUY HOẠCH SỐ 01, THỊ TRẤN LONG HẢI	CUỐI TUYẾN (KHU VỰC ĐÔ THỊ)	8.320	3.328	2.496
15	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 9	PHÍA SAU DINH CÔ	TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	10.450	4.180	3.135
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 9	TỈNH LỘ 44A (GĐ2)	CUỐI TUYẾN (GẦN ĐƯỜNG ống DẪN KHÍ VỀ HƯỚNG NÚT)	8.320	3.328	2.496
16	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 11	QUY HOẠCH SỐ 01, THỊ TRẤN LONG HẢI	CUỐI TUYẾN (KHU VỰC ĐÔ THỊ)	6.170	2.468	1.851
17	ĐƯỜNG SUỐI TIỀN	ĐƯỜNG TRUNG TÂM THỊ TRẤN LONG HẢI	CUỐI TUYẾN	5.510	2.204	1.653
18	ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH (TỈNH LỘ 44A (GĐ2))	VÒNG XOAY ĐIỆN BIÊN PHỦ (VÒNG XOAY ĐƯỜNG SỐ 7)	ĐƯỜNG ống DẪN KHÍ	10.450	4.180	3.135
	ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH (TỈNH LỘ 44A (GĐ2))	ĐƯỜNG ống DẪN KHÍ	ĐƯỜNG VỎ THỊ SÁU (ĐƯỜNG TRUNG TÂM THỊ TRẤN LONG HẢI)	8.320	3.328	2.496
19	VỎ THỊ SÁU (ĐƯỜNG TRUNG TÂM THỊ TRẤN LONG HẢI CŨ)	NGÃ 3 LÒ VÔI	GIÁP RANH THỊ TRẤN PHƯỚC HẢI	15.080	6.032	4.524
20	ĐƯỜNG VIÊN QUANH CHỢ MỚI LONG HẢI			14.820	5.928	4.446

MỤC 21: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
21	ĐƯỜNG VIỆT KIỀU (XÃ PHƯỚC HUNG)	HƯỚNG LỘ 5 (ĐẦU THỪA 164, TỜ BĐ SỐ 50 VÀ ĐẦU THỪA 4, TỜ BĐ SỐ 297)	ĐƯỜNG LIÊN XÃ PHƯỚC HUNG - PHƯỚC TỈNH (ĐẦU THỪA 282 & 536, TỜ BĐ SỐ 260)	7.140	2.856	2.142
22	ĐƯỜNG XÍ NGHIỆP ĐÁ	ĐƯỜNG TRUNG TÂM THỊ TRẤN LONG HẢI	ĐƯỜNG ỒNG DẪN KHÍ	5.510	2.204	1.653
23	MẠC THANH ĐẠM	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU (ĐƯỜNG TRUNG TÂM THỊ TRẤN LONG HẢI)	ĐƯỜNG SỐ 6	8.300	3.320	2.490
24	LÝ TỰ TRỌNG	ĐƯỜNG VÕ THỊ SÁU (ĐƯỜNG TRUNG TÂM THỊ TRẤN LONG HẢI)	KHU ĐIỀU DƯỠNG THƯƠNG BINH 298	8.300	3.320	2.490
25	TỈNH LỘ 44A	GIÁP RANH XÃ LONG ĐIỀN	NGÃ 3 LÒ VÔI	7.049	2.820	2.115
26	ĐƯỜNG NGUYỄN TẤT THÀNH (TỈNH LỘ 44A (GĐ2))	VÒNG XOAY HẢI LÂM (CÂY XĂNG PV OIL)	VÒNG XOAY ĐIỆN BIÊN PHỦ (VÒNG XOAY ĐƯỜNG SỐ 7)	7.049	2.820	2.115

MỤC 21: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
27	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÓ MẶT LỘ CẤP PHỐI (SỎI ĐÁ XÔ BÒ) CÒN LẠI DO XÃ QUẢN LÝ CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			2.138	855	641
28	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ ĐƯỢC TRẢI NHỰA (HOẶC BÊ TÔNG) CÒN LẠI DO XÃ QUẢN LÝ CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			2.670	1.068	801
29	ĐƯỜNG CÔNG VIÊN NGÃ BA LÒ VÔI	VÕ THỊ SÁU	HƯƠNG LỘ 5	11.090	4.436	3.327
30	ĐƯỜNG VEN BIỂN	CẦU CỬA LẬP	VÒNG XOAY PHƯỚC TỈNH	7.894	3.158	2.368
31	HƯƠNG LỘ 5	NGÃ 3 LÒ VÔI	VÒNG XOAY PHƯỚC TỈNH	7.894	3.158	2.368
	HƯƠNG LỘ 5	VÒNG XOAY PHƯỚC TỈNH	CẢNG CÁ PHƯỚC TỈNH	7.894	3.158	2.368
32	ĐƯỜNG VÀO CẢNG HỒNG KONG	HƯƠNG LỘ 5 (ĐẦU THỬA 101, 606, TỜ BĐ SỐ 238)	CUỐI TUYẾN	4.512	1.805	1.354

MỤC 21: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG HẢI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
33	ĐƯỜNG VÀO CẢNG LÒ VÔI	HƯỚNG LỘ 5 (ĐẦU THỬA 635 VÀ 145, TỜ BĐ SỐ 238)	CUỐI TUYẾN	4.512	1.805	1.354
34	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14	NGUYỄN TẮT THÀNH	VÕ THỊ SÁU	7.476	2.990	2.243
	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14	VÕ THỊ SÁU	CUỐI TUYẾN ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 14 VỀ PHÍA BIÊN	8.972	3.589	2.692
35	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 15			8.972	3.589	2.692
36	LÀNG NGƯ NGHIỆP PHƯỚC TỈNH			5.510	2.204	1.653

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BẠCH MAI	BÌNH GIÃ	PHẠM VĂN ĐỒNG	6.350	2.540	1.905
2	BÌNH GIÃ	QL55	GIÁP QUỐC LỘ 55 THUỘC XÃ XUYỀN MỘC	6.350	2.540	1.905
3	CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG XUNG QUANH CHỢ THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU CŨ:	GIAO ĐƯỜNG HUỖNH MINH THANH (TIỆM CƠ KHÍ HIỀN THỦY) VÒNG SAU CHỢ PHƯỚC BỬU	CỬA HÀNG HONDA ĐẠI HẢI (GIÁP QUỐC LỘ 55)	8.823	3.529	2.647
	CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG XUNG QUANH CHỢ THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU CŨ:	CỬA HÀNG HONDA ĐẠI HẢI (GIÁP QUỐC LỘ 55)	ĐƯỜNG BÊN HÔNG QUÁN NGUYỄN CŨ	8.823	3.529	2.647
4	ĐOẠN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG 27/4 (THỬA 113, 114 TỜ BĐ SỐ 31) ĐẾN GIÁP ĐƯỜNG XUNG QUANH CHỢ THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU (THỬA 87, 88 TỜ BĐ SỐ 22)			6.350	2.540	1.905
5	ĐOẠN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 55 ĐẾN ĐƯỜNG BÌNH GIÃ (SAU ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN)			6.350	2.540	1.905

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6	TRẦN BÌNH TRỌNG	QUỐC LỘ 55	ĐƯỜNG 27/4	8.196	3.278	2.459
7	TỈNH LỘ 329 THUỘC XÃ HỒ TRÀM	THỦA ĐẤT SỐ 24, 127 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 52	HẾT RANH XÃ HỒ TRÀM	8.196	3.278	2.459
8	ĐOẠN QUỐC LỘ 55 NỐI TẮT ĐI XÃ BÔNG TRANG CŨ			8.196	3.278	2.459
9	ĐƯỜNG 27/4 THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU CŨ			12.094	4.838	3.628
10	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU CŨ	GIÁP HUỲNH MINH THẠNH	KHU TÁI ĐỊNH CƯ THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU	6.350	2.540	1.905
11	HOÀNG VIỆT	BÌNH GIÃ	HẾT ĐƯỜNG NHỰA	6.350	2.540	1.905
12	HÙNG VƯƠNG	ĐƯỜNG TL328	NGÃ BA GIAO ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO	8.196	3.278	2.459
	HÙNG VƯƠNG	ĐOẠN CÒN LẠI		6.350	2.540	1.905
13	HUỲNH MINH THẠNH	GIÁP QUỐC LỘ 55	ĐIỂM GIÁP ĐƯỜNG 27/4	13.304	5.322	3.991
	HUỲNH MINH THẠNH	ĐƯỜNG 27/4	HÙNG VƯƠNG	1.204	482	361
	HUỲNH MINH THẠNH	HÙNG VƯƠNG	ĐƯỜNG XUYỀN PHƯỚC CƠ	8.466	3.386	2.540
	HUỲNH MINH THẠNH	TRƯỜNG HUỲNH MINH THẠNH (ĐOẠN CÓ VỈA HÈ)		6.350	2.540	1.905
14	LÊ LỢI	QUỐC LỘ 55	ĐƯỜNG 27/4	6.350	2.540	1.905
15	LÝ TỰ TRỌNG	ĐOẠN CÓ TRÁI NHỰA		8.196	3.278	2.459

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	NGUYỄN HUỆ	QUỐC LỘ 55	ĐƯỜNG 27/4	6.350	2.540	1.905
17	NGUYỄN MINH KHANH	QUỐC LỘ 55	ĐƯỜNG 27/4	6.350	2.540	1.905
18	NGUYỄN VĂN LINH	QUỐC LỘ 55	ĐƯỜNG 27/4	6.350	2.540	1.905
19	PHẠM HÙNG	ĐƯỜNG TL 328	HUỖNH MINH THẠNH	6.350	2.540	1.905
	PHẠM HÙNG	HUỖNH MINH THẠNH	ĐẾN HẾT THỬA 42,48 TỜ BĐ SỐ 78	6.350	2.540	1.905
20	PHẠM VĂN ĐỒNG	QUỐC LỘ 55	BÌNH GIÃ	8.466	3.386	2.540
21	QUỐC LỘ 55	ĐOẠN ĐƯỜNG 1 CHIỀU THỊ TRẦN PHƯỚC BÙU CŨ CÓ VỈA HÈ		12.094	4.838	3.628
22	TÔN ĐỨC THẮNG	QUỐC LỘ 55	ĐƯỜNG 27/4	8.196	3.278	2.459
23	TÔN THẮT TÙNG	QUỐC LỘ 55	BÌNH GIÃ	6.350	2.540	1.905
24	TRẦN HÙNG ĐẠO	QUỐC LỘ 55	ĐIỀN BIÊN PHỦ (ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2)	8.196	3.278	2.459
	TRẦN HÙNG ĐẠO	ĐIỀN BIÊN PHỦ (ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2)	HÙNG VƯƠNG	6.350	2.540	1.905
25	TRẦN PHÚ	ĐOẠN ĐƯỜNG NHỰA CÓ VỈA HÈ		8.466	3.386	2.540
26	TRẦN VĂN TRÀ	QUỐC LỘ 55	ĐƯỜNG 27/4	8.196	3.278	2.459
27	VÕ THỊ SÁU	QUỐC LỘ 55	THỬA ĐẤT SỐ 01 TỜ BĐ SỐ 53	8.196	3.278	2.459

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
28	ĐƯỜNG BÊN HÔNG TRUNG TÂM VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU CŨ	PHẠM HÙNG	ĐƯỜNG 27/4	6.350	2.540	1.905
29	ĐOẠN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG 27/4	THỬA ĐẤT SỐ 123, 143 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 79	ĐƯỜNG HUỖNH MINH THẠNH (THỬA 169, 240 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 26)	6.350	2.540	1.905
30	ĐƯỜNG LÔ KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÒN LẠI CÓ CHIỀU RỘNG NHỎ HƠN 6M			6.350	2.540	1.905
31	ĐƯỜNG LÔ KHU TÁI ĐỊNH CƯ CÒN LẠI CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN			8.196	3.278	2.459
32	ĐIỆN BIÊN PHỦ (ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2)	ĐƯỜNG TL 328	NGÃ BA GIAO ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO	9.328	3.731	2.798
	ĐIỆN BIÊN PHỦ (ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 2)	ĐOẠN CÒN LẠI		6.350	2.540	1.905
33	ĐƯỜNG BÌNH BA- ĐÁ BẠC- PHƯỚC TÂN					
	- ĐOẠN 1	THỬA SỐ 112, 89 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 146	THỬA SỐ 30, 05 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 145	4.258	1.703	1.277

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	- ĐOẠN 2	THỪA SỐ 30, 05 TỜ BĐ SỐ 145	GIÁP TỈNH LỘ 328	5.393	2.157	1.618
	- ĐOẠN 3	TỪ GIÁP TỈNH LỘ 328	HẾT THỪA SỐ 429, 434 TỜ BĐ SỐ 142	4.258	1.703	1.277
	- ĐOẠN 4	THỪA SỐ 360, 335 TBĐ SỐ 142 (HẾT ĐƯỜNG LỚN)	HẾT THỪA SỐ 248, 273 TỜ BĐ SỐ 141	5.393	2.157	1.618
34	ĐƯỜNG CHUÔNG QUÝT GÒ CÁT:	QUỐC LỘ 55	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 17,18 TỜ BĐ SỐ 274	3.619	1.448	1.086
	ĐƯỜNG CHUÔNG QUÝT GÒ CÁT:	THỪA ĐẤT 294 & 83	THỪA ĐẤT 311 & 393 TỜ BẢN ĐỒ 183	3.691	1.476	1.107
	ĐƯỜNG CHUÔNG QUÝT GÒ CÁT:	ĐOẠN CÒN LẠI		2.664	1.066	799
35	ĐƯỜNG LIÊN TỈNH LỘ 328 (ĐI QUA XÃ HỒ TRÀM)					
	- ĐOẠN 1: ĐOẠN CÓ VỈA HÈ (ĐOẠN THUỘC XÃ PHƯỚC THUẬN CŨ)	GIÁP ĐƯỜNG QUỐC LỘ 55 (BÊN XE KHÁCH XUYỀN MỘC)	GIÁP ĐƯỜNG 27/4 THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU CŨ	7.982	3.193	2.395
	- ĐOẠN 2 (ĐOẠN THUỘC XÃ PHƯỚC THUẬN CŨ)	TỪ ĐƯỜNG 27/4	HẾT RANH GIỚI THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU CŨ	7.184	2.874	2.155
	- ĐOẠN 3 (ĐOẠN THUỘC XÃ PHƯỚC THUẬN CŨ)	THỪA ĐẤT SỐ 166 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 291	GIÁP BIỂN HỒ TRÀM	6.387	2.555	1.916

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	- ĐOẠN 4 (ĐOẠN THUỘC XÃ PHƯỚC THUẬN CŨ)	CÁC ĐOẠN CÒN LẠI		5.322	2.129	1.597
	- ĐOẠN 5 (ĐOẠN THUỘC XÃ PHƯỚC TÂN CŨ)	GIÁP RANH THỊ TRẤN PHƯỚC BŨU CŨ	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 65, 78 TỜ BĐ SỐ 237	7.184	2.874	2.155
	- ĐOẠN 6 (ĐOẠN THUỘC XÃ PHƯỚC TÂN CŨ)	THỪA ĐẤT SỐ 66, 70 TỜ BĐ SỐ 237	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 2 TỜ BĐ SỐ 213	6.234	2.494	1.870
	- ĐOẠN 7 (ĐOẠN THUỘC XÃ PHƯỚC TÂN CŨ)	CÁC ĐOẠN CÒN LẠI		4.258	1.703	1.277
36	ĐƯỜNG VEN BIỂN:					
	- ĐOẠN 1	CẦU LỘC AN	NGÃ TƯ HỒ TRÀM	8.523	3.409	2.557
	- ĐOẠN 2	NGÃ BA KHU DU LỊCH VIETSOVPETRO	HẾT KHU DU LỊCH NGÂN HIỆP	8.205	3.282	2.462
	- ĐOẠN 3	NGÃ TƯ HỒ TRÀM XÃ PHƯỚC THUẬN CŨ	HẾT RANH GIỚI XÃ HỒ TRÀM	8.205	3.282	2.462
37	QUỐC LỘ 55 ĐI QUA XÃ HỒ TRÀM					
	- ĐOẠN 1: GIÁP RANH VỚI THỊ TRẤN PHƯỚC BŨU CŨ	TỈNH LỘ 328	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 26 TỜ BĐ SỐ 252 VÀ THỪA ĐẤT SỐ 08 TỜ BĐ SỐ 307	7.184	2.874	2.155

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	- ĐOẠN 2	THỬA ĐẤT SỐ 31 TỜ BĐ SỐ 252 VÀ THỬA ĐẤT SỐ 10 TỜ BĐ SỐ 307	HẾT THỬA ĐẤT SỐ 63 TỜ BĐ SỐ 252 VÀ THỬA ĐẤT SỐ 08 TỜ BĐ SỐ 306	5.322	2.129	1.597
	- ĐOẠN 3	ĐẦU THỬA ĐẤT SỐ 06 TỜ BĐ SỐ 306 VÀ THỬA ĐẤT SỐ 65 TỜ BĐ SỐ 252	HẾT THỬA ĐẤT SỐ 70&51 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 260	4.258	1.703	1.277
	- ĐOẠN 4	ĐẦU THỬA ĐẤT SỐ 55 VÀ 82 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 260	ĐẦU CẦU TRỌNG	5.322	2.129	1.597
38	ĐƯỜNG NHỰA CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN, CÓ VỈA HÈ			6.350	2.540	1.905
39	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M			2.713	1.085	814
40	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ			3.642	1.457	1.093

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỎ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN					
41	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XỎ BỎ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M (THEO THIẾT KẾ)			2.067	827	620
42	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XỎ BỎ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN (THEO THIẾT KẾ)			2.551	1.020	765
43	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN		1.676	670	503

MỤC 22: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HỒ TRÀM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ					
44	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M		1.271	508	381
45	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 34A	HUỶNH MINH THẠNH	LÝ TỰ TRỌNG	6.349	2.540	1.905
46	LÝ TỰ TRỌNG	ĐƯỜNG QUY HOẠCH SỐ 34A	HÙNG VƯƠNG	6.349	2.540	1.905

MỤC 23: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUYỀN MỘC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐOẠN ĐI HỒ CỐC:	TỪ GIAO QUỐC LỘ 55	TRỤ SỞ KHU BTTN BC-PB	7.321	2.928	2.196
	ĐOẠN ĐI HỒ CỐC:	ĐOẠN CÒN LẠI		4.978	1.991	1.493
2	ĐƯỜNG BÌNH BA- ĐÁ BẠC-PHƯỚC TÂN	TỪ THỬA 644 TỜ BĐ SỐ 04; THỬA 06 TỜ BĐ SỐ 07 THUỘC XÃ XUYỀN MỘC	RANH GIỚI XÃ BÔNG TRANG CŨ	5.400	2.160	1.620
	ĐƯỜNG BÌNH BA- ĐÁ BẠC-PHƯỚC TÂN	TỪ ĐẦU THỬA 642 VÀ 643 TỜ BĐ SỐ 04 THUỘC XÃ XUYỀN MỘC	GIÁP RANH XÃ PHƯỚC TÂN CŨ, HẾT THỬA 235 TỜ BĐ SỐ 05	4.688	1.875	1.406
	ĐƯỜNG BÌNH BA- ĐÁ BẠC-PHƯỚC TÂN	GIÁP ĐỊA BÀN XÃ XUYỀN MỘC	GIAO QL55 (ĐẾN HẾT THỬA 403, TỜ SỐ 10)	4.688	1.875	1.406
3	ĐƯỜNG CHUÔNG QUÝT GÒ CÁT:	TỪ QUỐC LỘ 55	HẾT THỬA ĐẤT SỐ 302 TỜ BĐ SỐ 49	3.766	1.506	1.130
	ĐƯỜNG CHUÔNG QUÝT GÒ CÁT:	HẾT THỬA ĐẤT SỐ 302 TỜ BĐ SỐ 49	HẾT THỬA 451&477 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 15	2.772	1.109	832
	ĐƯỜNG CHUÔNG QUÝT GÒ CÁT:	TỪ THỬA ĐẤT 476&452 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 15	THỬA ĐẤT 374 & 390 TỜ BẢN ĐỒ 16	3.766	1.506	1.130
	ĐƯỜNG CHUÔNG QUÝT GÒ CÁT:	TỪ THỬA 376&388 TỜ BĐ 16	GIAO VỚI ĐƯỜNG NHỰA	2.772	1.109	832

MỤC 23: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUYỀN MỘC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	ĐƯỜNG LIÊN TỈNH LỘ 329 (ĐI QUA XÃ XUYỀN MỘC)					
	- ĐOẠN 1 :GIÁP RANH VỚI THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU	TỪ ĐẦU THỬA ĐẤT SỐ 449 TỜ BĐ SỐ 12	NGÃ BA ĐƯỜNG GTNT - HẾT THỬA ĐẤT SỐ 2356 & 1957 TỜ BĐ SỐ 10	9.883	3.953	2.965
	- ĐOẠN 2	ĐẦU THỬA ĐẤT SỐ 1956 & 1957 TỜ BĐ SỐ 10	HẾT THỬA ĐẤT SỐ 1161 & 1162, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 02	5.287	2.115	1.586
	- ĐOẠN 3	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN - ĐẦU THỬA ĐẤT 1159 & 1160 TỜ BĐ SỐ 2	CẦU 1 GIÁP XÃ HÒA HỘI CŨ - HẾT THỬA 1100&1101 TỜ BĐ SỐ 2	4.688	1.875	1.406
5	ĐƯỜNG VEN BIỂN					

MỤC 23: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUYỀN MỘC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	- ĐOẠN 1	TỪ NGÃ TƯ HỒ TRÀM XÃ PHƯỚC THUẬN CŨ	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 41 TỜ BĐ SỐ 38 XÃ BÌNH CHÂU CŨ	6.617	2.647	1.985
6	QUỐC LỘ 55 ĐI QUA XÃ XUYỀN MỘC:					
	- ĐOẠN 1 (ĐOẠN QUỐC LỘ 55 MỚI)	GIÁP RANH TT PHƯỚC BŨU CŨ	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 109 & 1453 TỜ BĐ 12	7.321	2.928	2.196
	- ĐOẠN 2 (ĐOẠN QUỐC LỘ 55 MỚI)	ĐOẠN CÒN LẠI		4.688	1.875	1.406
	- ĐOẠN 3 (ĐOẠN THUỘC XÃ BÔNG TRANG CŨ)	THỪA ĐẤT SỐ 1119 & 1275	THỪA 1156 & 1225 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 8	7.321	2.928	2.196
	- ĐOẠN 4 (ĐOẠN THUỘC XÃ BÔNG TRANG CŨ)	CẦU SÔNG HÒA	GIAO QL55 (ĐẾN HẾT THỪA 403, TỜ SỐ 10)	4.978	1.991	1.493
	- ĐOẠN 5 (ĐOẠN THUỘC XÃ BÔNG TRANG CŨ)	CÁC ĐOẠN CÒN LẠI		4.688	1.875	1.406
	- ĐOẠN 6 (ĐOẠN THUỘC XÃ BỪNG RIỀNG CŨ)	TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 659&406, TỜ BĐ SỐ 21&22	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 756&791, TỜ BĐ SỐ 21	7.321	2.928	2.196
	- ĐOẠN 7 (ĐOẠN THUỘC XÃ BỪNG RIỀNG CŨ)	GIÁP THỪA 276 TỜ BĐ 26	GIÁP RANH GIỚI XÃ BÌNH CHÂU	3.766	1.506	1.130
	- ĐOẠN 8 (ĐOẠN THUỘC XÃ BỪNG RIỀNG CŨ)	ĐOẠN CÒN LẠI		3.766	1.506	1.130

MỤC 23: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUYỀN MỘC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG ĐOẠN ĐI QUA XÃ XUYỀN MỘC (GIÁP RANH THỊ TRẤN PHƯỚC BỬU Cũ ĐẾN QL 55)			7.779	3.112	2.334
8	ĐƯỜNG LÔ KHU TÁI ĐỊNH CƯ XÃ BỪNG RIỀNG Cũ			4.978	1.991	1.493
9	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M			2.713	1.085	814
10	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN			3.642	1.457	1.093

MỤC 23: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUYỀN MỘC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BỒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M (THEO THIẾT KẾ)			2.067	827	620
12	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BỒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN (THEO THIẾT KẾ)			2.551	1.020	765

MỤC 23: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUYỀN MỘC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN		1.676	670	503
14	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M		1.271	508	381
15	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU HẠ TẦNG KHU ĐẤT 196 LÔ TẠI CHỢ TRUNG TÂM HUYỆN XUYỀN MỘC CŨ			3.619	1.448	1.086

MỤC 23: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ XUYÊN MỘC

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	ĐƯỜNG BÌNH GIÃ (ĐOẠN THUỘC XÃ XUYÊN MỘC)			5.661	2.264	1.698

MỤC 24: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG LIÊN TỈNH LỘ 329 (ĐOẠN ĐI QUA XÃ HÒA HIỆP)					
	-ĐOẠN 1	TỪ TRƯỜNG TRẦN ĐẠI NGHĨA - ĐẦU THỬA ĐẤT SỐ 29&58, TỜ BĐ 113	NGÃ BA BÀU MA - HẾT THỬA ĐẤT SỐ 136 & 149, TỜ BĐ 104	5.371	2.148	1.611
	-ĐOẠN 2	TỪ ĐẦU THỬA 101, 248, 94, 207 (CÁU 4) TỜ BẢN ĐỒ SỐ 38	TRƯỜNG TRẦN ĐẠI NGHĨA HẾT THỬA ĐẤT SỐ 59, TỜ BẢN ĐỒ 113	4.578	1.831	1.373
	-ĐOẠN 3	TỪ NGÃ BA BÀU MA - HẾT THỬA ĐẤT SỐ 149 VÀ ĐẦU THỬA 121, TỜ BĐ 104	HẾT THỬA 06&214, TỜ BĐ 136	3.891	1.556	1.167
2	ĐƯỜNG HUYỆN 52 (BÀU LÂM - HÒA HIỆP)	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 328 (XÃ BÀU LÂM)	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 329 (XÃ HÒA HIỆP)	3.891	1.556	1.167
3	ĐƯỜNG HUYỆN 51 (TÂN LÂM - HÒA HIỆP)	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 328 (XÃ TÂN LÂM CŨ)	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 329 (XÃ HÒA HIỆP)	3.891	1.556	1.167

MỤC 24: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	ĐƯỜNG BÌNH CHÂU - BÀU MA - HÒA HIỆP	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 329 (XÃ HÒA HIỆP)	ĐƯỜNG QUỐC LỘ 55, XÃ BÌNH CHÂU	3.891	1.556	1.167
5	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M			2.713	1.085	814
6	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN			3.642	1.457	1.093

MỤC 24: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BỒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M (THEO THIẾT KẾ)			2.067	827	620
8	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BỒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN (THEO THIẾT KẾ)			2.551	1.020	765
9	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN		1.676	670	503

MỤC 24: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M		1.271	508	381

MỤC 25: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HỘI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG LIÊN TỈNH LỘ 328 (ĐI QUA XÃ HÒA HỘI)					
	- ĐOẠN 1: ĐOẠN THUỘC XÃ HÒA BÌNH CŨ (ĐOẠN TRUNG TÂM XÃ)	TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 107 VÀ 110, TỜ BĐ SỐ 02 (BẢN ĐỒ ĐO MỚI)	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 365 VÀ THỪA SỐ 441, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 08 (BẢN ĐỒ ĐO MỚI)	5.500	2.200	1.650
	- ĐOẠN 2	TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 536 TỜ BĐ SỐ 14	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 93 VÀ THỪA SỐ 197, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 02	4.448	1.779	1.334
	- ĐOẠN 3	TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 198 VÀ 212 TỜ BĐ SỐ 08	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 07, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 57 (GIÁP XÃ HỒ TRÂM)	5.379	2.152	1.614
	- ĐOẠN 4: ĐOẠN THUỘC XÃ HÒA HƯNG CŨ (ĐOẠN TRUNG TÂM XÃ)	TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 34, TỜ BĐ SỐ 191	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 17, 135, TỜ BĐ SỐ 170	4.374	1.750	1.312
	- ĐOẠN 5	CÁC ĐOẠN CÒN LẠI		4.374	1.750	1.312

MỤC 25: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HỘI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	ĐƯỜNG LIÊN TỈNH LỘ 329 (ĐI QUA XÃ HÒA HỘI)					
	- ĐOẠN 1	TỪ TRƯỜNG MẪU GIÁO TRUNG TÂM ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 06 VÀ THỪA ĐẤT SỐ 129 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 328	ĐẾN HẾT NHÀ THỜ HẾT THỪA ĐẤT SỐ 57, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 224	5.203	2.081	1.561
	- ĐOẠN 2	TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 78, 205 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 218	ĐẾN HẾT THỪA ĐẤT SỐ 154, 32 VÀ THỪA ĐẤT SỐ 147, 46 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 214	5.671	2.268	1.701
	- ĐOẠN 3	CÁC ĐOẠN CÒN LẠI		4.171	1.668	1.251
3	ĐƯỜNG HÒA BÌNH - HÒA HỘI - BUNG RIỀNG - BÌNH CHÁU (ĐƯỜNG 56)	TỈNH LỘ 328, XÃ HÒA BÌNH CŨ	QUỐC LỘ 55, XÃ BUNG RIỀNG CŨ	3.883	1.553	1.165

MỤC 25: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HỘI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	ĐƯỜNG HUYỆN 54 (HÒA HỘI - HÒA BÌNH)	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 328, XÃ HÒA BÌNH CŨ	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 329, XÃ HÒA HỘI	3.883	1.553	1.165
5	ĐƯỜNG TỪ NGÃ BA ĐƯỜNG 328 ĐẾN CẦU SUỐI LY	TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 94 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 5 VÀ TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 379 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 6	ĐẾN HẾT THỪA ĐẤT SỐ 45,118 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 6	5.324	2.130	1.597
	ĐƯỜNG TỪ NGÃ BA 328 ĐẾN CẦU SÔNG RAY (GIÁP HUYỆN CHÂU ĐỨC CŨ)	TỪ ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 93, 107 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 2	ĐẾN HẾT THỪA ĐẤT SỐ 9,17 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 13	5.324	2.130	1.597
6	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÀ TRẠI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M			2.713	1.085	814

MỤC 25: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HỘI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ TRÁI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN			3.642	1.457	1.093
8	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BÒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M (THEO THIẾT KẾ)			2.067	827	620

MỤC 25: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HỘI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BÒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN (THEO THIẾT KẾ)			2.551	1.020	765
10	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN		1.676	670	503

MỤC 25: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ HÒA HỘI

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
11	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M		1.271	508	381
12	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA BÌNH - BÌNH CHÂU (ĐƯỜNG 991)			5.776	2.310	1.733

MỤC 26: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÌNH CHÂU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐOẠN ĐƯỜNG TỪ GIAO QUỐC LỘ 55 ĐẾN CẦU SUỐI RẮNG			5.062	2.025	1.519
2	ĐOẠN TỪ CẦU SUỐI RẮNG ĐẾN SUỐI NƯỚC NÓNG BÌNH CHÂU			4.302	1.721	1.291
3	ĐƯỜNG BÊN HÔNG CHỢ BÌNH CHÂU	ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 55 & 18 TỜ BĐ SỐ 153	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 135 & 136 TỜ BĐ SỐ 154	5.296	2.118	1.589
4	ĐƯỜNG TỪ NGÃ BA LÁNG GĂNG ĐẾN BẾN LỢI BÌNH CHÂU	NGÃ BA LÁNG GĂNG	GIAO ĐƯỜNG VEN BIỂN (NGAY CHỢ BÌNH CHÂU)	5.091	2.036	1.527
	ĐƯỜNG TỪ NGÃ BA LÁNG GĂNG ĐẾN BẾN LỢI BÌNH CHÂU	NGÃ BA CHỢ CŨ	BẾN LỢI	5.091	2.036	1.527
5	ĐƯỜNG VEN BIỂN:					
	- ĐOẠN 1	GIÁP XÃ XUYỀN MỘC	HẾT THỪA ĐẤT SỐ 131 & 125 TỜ BĐ SỐ 106 XÃ BÌNH CHÂU	8.541	3.416	2.562
	- ĐOẠN 2	ĐOẠN HẾT THỪA ĐẤT SỐ 131 & 125 TỜ BĐ SỐ 106 XÃ BÌNH CHÂU	THỪA ĐẤT SỐ 170 VÀ ĐIỂM ĐẦU THỪA ĐẤT SỐ 101 TỜ BĐ SỐ 90 XÃ BÌNH CHÂU	8.223	3.289	2.467
	- ĐOẠN 3	THỪA ĐẤT SỐ 170 VÀ ĐIỂM ĐẦU THỪA	GIÁP QL55	6.127	2.451	1.838

MỤC 26: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÌNH CHÂU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		ĐẤT SỐ 101 TỔ BĐ SỐ 90 XÃ BÌNH CHÂU				
6	QUỐC LỘ 55 ĐOẠN ĐI QUA XÃ BÌNH CHÂU					
	- ĐOẠN 1	CẦU SUỐI MUÔNG	CẦU SUỐI ĐÁ 1	5.091	2.036	1.527
	- ĐOẠN 2	TỪ RANH GIỚI XÃ BUNG RIỀNG	CÁCH TRẠM KIỂM LÂM 200M (CÁCH 200M VỀ HƯỚNG BUNG RIỀNG)	3.462	1.385	1.039
	- ĐOẠN 3	ĐOẠN CÒN LẠI		4.073	1.629	1.222
7	ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ LẮNG HÀNG	TIẾP GIÁP NGÃ BA ĐƯỜNG LẮNG GẮNG - BẾN LỢI VÀ ĐƯỜNG GTNT ẤP LẮNG GẮNG	ĐƯỜNG VEN BIÊN	6.327	2.531	1.898
8	ĐƯỜNG BÀU BÀNG	QUỐC LỘ 55	KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU CÁ CỬA BẾN LỢI - BÌNH CHÂU	5.091	2.036	1.527
9	ĐƯỜNG LỖ KHU TÁI ĐỊNH CƯ LẮNG HÀNG			3.712	1.485	1.114
10	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÀ TRÁI NHỰA			2.713	1.085	814

MỤC 26: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÌNH CHÂU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M					
11	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG TỪ 6M TRỞ LÊN			3.642	1.457	1.093
12	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BỎ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M (THEO THIẾT KẾ)			2.067	827	620

MỤC 26: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÌNH CHÂU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BÒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN (THEO THIẾT KẾ)			2.551	1.020	765
14	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN		1.676	670	503
15	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M		1.271	508	381
16	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - NGÃI GIAO - HÒA	TỪ THƯA ĐẤT SỐ 320 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 7	THƯA ĐẤT SỐ 365, 367 TỜ BẢN ĐỒ SỐ 9	5.776	2.310	1.733

MỤC 26: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÌNH CHÂU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	BÌNH - BÌNH CHÂU (ĐƯỜNG 991)					

MỤC 27: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÀU LÂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG LIÊN TỈNH LỘ 328 (ĐOẠN ĐI QUA XÃ BÀU LÂM)					
	ĐOẠN 1 (ĐOẠN THUỘC XÃ BÀU LÂM CŨ)	TỪ THỬA 206, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 117	HẾT THỬA ĐẤT SỐ 171, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 109	5.357	2.143	1.607
	ĐOẠN 2 (ĐOẠN THUỘC XÃ BÀU LÂM CŨ)	CÁC ĐOẠN CÒN LẠI		4.073	1.629	1.222
	ĐOẠN 3 (ĐOẠN THUỘC XÃ TÂN LÂM CŨ)	TỪ ĐẦU THỬA ĐẤT SỐ 88, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 204	HẾT THỬA ĐẤT SỐ 65, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 221	5.357	2.143	1.607
	ĐOẠN 4 (ĐOẠN THUỘC XÃ TÂN LÂM CŨ)	CÁC ĐOẠN CÒN LẠI		4.073	1.629	1.222
2	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M			2.713	1.085	814
3	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÃ TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ NỀN ĐƯỜNG RỘNG			3.642	1.457	1.093

MỤC 27: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÀU LÂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỪ 6M TRỞ LÊN					
4	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BÒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M (THEO THIẾT KẾ)			2.067	827	620
5	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN ĐÁ XÔ BÒ, SỎI ĐỎ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN (THEO THIẾT KẾ)			2.551	1.020	765
6	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 6M TRỞ LÊN		1.676	670	503

MỤC 27: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ BÀU LÂM

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ					
7	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN CÒN LẠI CHƯA XÁC ĐỊNH Ở NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN DO XÃ QUẢN LÝ	CÓ CHIỀU RỘNG NỀN ĐƯỜNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 6M		1.271	508	381

MỤC 28: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG SƠN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BẾN ĐIỆP			8.400	3.360	2.520
2	CÔN BÀN			8.400	3.360	2.520
3	ĐÔNG HỒ MANG CÁ			8.400	3.360	2.520
4	ĐƯỜNG THÔN 2 BẾN ĐÁ			8.400	3.360	2.520
5	ĐƯỜNG THÔN 4			8.400	3.360	2.520
6	ĐƯỜNG THÔN 5			8.400	3.360	2.520
7	ĐƯỜNG THÔN 6			8.400	3.360	2.520
8	ĐƯỜNG THÔN 7			8.400	3.360	2.520
9	HẸM SỐ 3 THÔN 5			8.400	3.360	2.520
10	HOÀNG SA			10.500	4.200	3.150
11	LIÊN THÔN 1- RẠCH LỬA			8.400	3.360	2.520
12	LIÊN THÔN 4-6			8.400	3.360	2.520
13	LIÊN THÔN 5-8			8.400	3.360	2.520
14	LIÊN THÔN BẾN ĐIỆP			5.000	2.000	1.500
15	ÔNG HUNG			5.000	2.000	1.500
16	SỐ 2 THÔN 5			8.400	3.360	2.520
17	SỐ 2 THÔN 6			8.400	3.360	2.520
18	TÂY HỒ MANG CÁ			8.400	3.360	2.520
19	ĐƯỜNG 28 THÁNG 4			10.500	4.200	3.150
20	BA ĐƯỜNG HẸM THUỘC KHU DÂN CƯ THÔN 4			8.400	3.360	2.520

MỤC 28: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG SƠN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
21	TRƯỜNG SA	CẦU GÒ GĂNG P.12	NHÀ LỚN LONG SƠN	10.500	4.200	3.150
22	ĐƯỜNG VÀO KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN (TOÀN TUYẾN), XÃ LONG SƠN	CẦU BA NANH THÔN 10	DỰ ÁN TỔ HỢP HÓA DẦU MIỀN NAM THÔN 2	12.000	4.800	3.600
23	ĐƯỜNG VÀO CĂN CỨ HẢI QUÂN VÙNG 2	ĐƯỜNG VÀO KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN	CĂN CỨ HẢI QUÂN VÙNG 2	8.400	3.360	2.520
24	ĐƯỜNG LONG SƠN - CÁI MÉP	ĐƯỜNG VÀO KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN	SÔNG RẠNG	12.000	4.800	3.600
25	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN GIAI ĐOẠN 1:					
	ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG TỪ 25M ĐẾN 36M (BAO GỒM LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ, GIẢI PHÂN CÁCH)			5.000	2.000	1.500
	ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG			4.000	1.600	1.200

MỤC 28: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG SƠN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỪ 12M ĐẾN 16M (BAO GỒM LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ)					
26	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU VỰC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU TÁI ĐỊNH CƯ LONG SƠN GIAI ĐOẠN 2:					
	ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG KHOẢNG 52M (BAO GỒM LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ, GIẢI PHÂN CÁCH)			5.000	2.000	1.500
	ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG TỪ 25M ĐẾN 36M (BAO GỒM LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ, GIẢI PHÂN CÁCH)			5.000	2.000	1.500
	ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG TỪ 11M ĐẾN 16M (BAO GỒM LÒNG ĐƯỜNG, VỈA HÈ)			4.000	1.600	1.200
27	ĐƯỜNG VÀO KHU NEO ĐẬU TRÚ BẢO CHO			4.000	1.600	1.200

MỤC 28: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ LONG SƠN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TÀU CÁ CỬA SÔNG DINH					

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CHÂU PHA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG HẮC DỊCH – BÀU PHƯỢNG – CHÂU PHA	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA (ĐT 995B)	RANH GIỚI PHƯỜNG TÂN THÀNH	7.090	2.836	2.127
2	ĐƯỜNG HỘI BÀI - TÓC TIỀN - CHÂU PHA (ĐT 992)	GIÁP RANH PHƯỜNG TÂN HẢI	RANH XÃ NGHĨA THÀNH	7.090	2.836	2.127
3	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA (ĐT 995B)	RANH GIỚI PHƯỜNG HẮC DỊCH	ĐƯỜNG PHƯỚC TÂN – CHÂU PHA	7.500	3.000	2.250
4	ĐƯỜNG MỸ XUÂN - CHÂU PHA	RANH GIỚI PHƯỜNG PHÚ MỸ	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA (ĐT 995B)	6.300	2.520	1.890
5	ĐƯỜNG PHƯỚC TÂN – CHÂU PHA	GIÁP RANH THÀNH PHỐ BÀ RỊA CŨ 300M TRỞ VỀ THÀNH PHỐ PHÚ MỸ CŨ		10.600	4.240	3.180
	ĐƯỜNG PHƯỚC TÂN – CHÂU PHA	ĐOẠN CÒN LẠI		8.000	3.200	2.400
6	ĐƯỜNG TÓC TIỀN – PHÚ MỸ	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA (ĐT 995B)	RANH GIỚI PHƯỜNG PHÚ MỸ	7.500	3.000	2.250

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CHÂU PHA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	ĐƯỜNG NỘI BỘ CÁC CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CHÂU PHA			8.230	3.292	2.469
8	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÒN LẠI CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở CÁC VỊ TRÍ, KHU VỰC TRÊN ĐÃ ĐƯỢC TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 3M ĐẾN DƯỚI 4 M			3.826	1.531	1.148
9	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CÒN LẠI CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, ĐƯỜNG ĐƯỢC TRẢI NHỰA HOẶC BÊ TÔNG CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M TRỞ LÊN			4.469	1.788	1.341

MỤC 29: BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CHÂU PHA

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 4M ĐẾN DƯỚI 8M			2.559	1.023	768
11	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ CHƯA ĐƯỢC XÁC ĐỊNH Ở TRÊN, CÓ CHIỀU RỘNG TỪ 8M TRỞ LÊN			3.188	1.275	956
12	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG HẮC DỊCH - TÓC TIỀN - CHÂU PHA (ĐT 995B) ĐẾN MẾT THỨ 390		6.300	2.520	1.890
13	CAO TỐC BIÊN HÒA - VŨNG TÀU			8.800	3.520	2.640

MỤC 30: BẢNG GIÁ ĐẤT ĐẶC KHU CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	ĐƯỜNG BẾN ĐÀM (BA MƯƠI THÁNG TU)	HÀ HUY GIÁP	ĐƯỜNG TRỰC PHÍA BẮC	14.460	5.784	4.338
	ĐƯỜNG BẾN ĐÀM (BA MƯƠI THÁNG TU)	ĐƯỜNG TRỰC PHÍA BẮC	GIÁP RANH ĐIỂM ĐẦU KHU ĐẤT TRẠM KIỂM LÂM BẾN ĐÀM	12.650	5.060	3.795
	ĐƯỜNG BẾN ĐÀM (BA MƯƠI THÁNG TU)	GIÁP RANH ĐIỂM ĐẦU KHU ĐẤT TRẠM KIỂM LÂM BẾN ĐÀM	ĐƯỜNG XUỐNG CẦU CẢNG BẾN ĐÀM	14.460	5.784	4.338
	ĐƯỜNG BẾN ĐÀM (BA MƯƠI THÁNG TU)	ĐƯỜNG XUỐNG CẦU CẢNG BẾN ĐÀM	ĐẾN ĐƯỜNG TÂY BẮC	12.650	5.060	3.795
2	ĐƯỜNG CỔ ỐNG (CÁCH MẠNG THÁNG 8)	SÂN BAY CÔN SƠN	ĐƯỜNG TÂY BẮC (TRẠM KIỂM LÂM CỔ ỐNG)	12.432	4.973	3.730
	ĐƯỜNG CỔ ỐNG (CÁCH MẠNG THÁNG 8)	ĐƯỜNG TÂY BẮC (TRẠM KIỂM LÂM CỔ ỐNG)	ĐƯỜNG NGUYỄN CÔNG TỘC	12.432	4.973	3.730
	ĐƯỜNG CỔ ỐNG (CÁCH MẠNG THÁNG 8)	ĐƯỜNG NGUYỄN CÔNG TỘC	NGÃ 3 TAM LỘ	12.432	4.973	3.730
3	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHƯA XÁC ĐỊNH TÊN, ĐÃ ĐƯỢC HUYỆN TRẢI NHỰA VÀ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG			14.460	5.784	4.338

MỤC 30: BẢNG GIÁ ĐẤT ĐẶC KHU CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	TRẦN CAO VÂN	TRẦN PHÚ	PHẠM VĂN ĐỒNG	18.070	7.228	5.421
5	LÊ THANH NGHỊ	HỒ THANH TÔNG	NGUYỄN VĂN LINH	18.070	7.228	5.421
6	CAO VĂN NGỌC	TRẦN PHÚ	PHẠM VĂN ĐỒNG	18.070	7.228	5.421
7	HUỲNH TỊNH CỦA (ĐƯỜNG QUANH TRƯỜNG MÀM NON TUỔI THƠ)	HỒ THANH TÔNG	HỒ THANH TÔNG	18.070	7.228	5.421
8	NGUYỄN HỮU TIẾN	PHẠM VĂN ĐỒNG	HỒ THANH TÔNG	18.070	7.228	5.421
9	HÀ HUY GIÁP (TRẦN VĂN THỜI)	HÙNG VƯƠNG	BA MƯƠI THÁNG TƯ	18.000	7.200	5.400
10	HỒ THANH TÔNG	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	NGUYỄN VĂN LINH	22.870	9.148	6.861
11	HỒ VĂN MỊCH	HUỲNH THỨC KHÁNG	HOÀNG PHI YẾN	14.460	5.784	4.338
12	HOÀNG PHI YẾN	NGÃ 3 AN HẢI	HUỲNH THỨC KHÁNG	14.460	5.784	4.338
	HOÀNG PHI YẾN	HUỲNH THỨC KHÁNG	HỒ VĂN MỊCH	14.460	5.784	4.338
13	HOÀNG QUỐC VIỆT	PHẠM HÙNG	VŨ VĂN HIỆU	20.340	8.136	6.102
14	HUỲNH THỨC KHÁNG	HOÀNG PHI YẾN	HỒ VĂN MỊCH	18.070	7.228	5.421
	HUỲNH THỨC KHÁNG	HỒ VĂN MỊCH	NGÃ 3 TAM LỘ (VÕ THỊ SÁU - PHAN CHU TRINH - HUỲNH THỨC KHÁNG)	18.070	7.228	5.421
15	LÊ DUÂN	TÔN ĐỨC THẮNG	NGUYỄN VĂN LINH	23.300	9.320	6.990
16	LÊ ĐỨC THỌ	NGUYỄN AN NINH	TÔN ĐỨC THẮNG	18.070	7.228	5.421

MỤC 30: BẢNG GIÁ ĐẤT ĐẶC KHU CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
17	LÊ HỒNG PHONG	TÔN ĐỨC THẮNG	NGUYỄN VĂN LINH	26.100	10.440	7.830
18	LÊ VĂN VIỆT	LÊ DUẬN	LÊ ĐỨC THỌ	22.590	9.036	6.777
19	LƯƠNG THẾ TRÂN	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	NGUYỄN VĂN LINH	23.300	9.320	6.990
20	NGÔ GIA TỰ	NGUYỄN HUỆ	NGUYỄN VĂN LINH	25.420	10.168	7.626
21	NGUYỄN AN NINH	NGUYỄN HUỆ	CÔNG VÀO NGHĨA TRANG HÀNG DƯƠNG	25.420	10.168	7.626
	NGUYỄN AN NINH (ĐƯỜNG LƯU CHÍ HIỆU)	GIÁP TƯỜNG RÀO NGHĨA TRANG HÀNG DƯƠNG	NGUYỄN VĂN CỬ	18.000	7.200	5.400
22	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	NGÃ 4 TÔN ĐỨC THẮNG	NGÃ 3 AN HẢI	26.100	10.440	7.830
23	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN HUỆ	NGUYỄN VĂN LINH	23.300	9.320	6.990
24	NGUYỄN HUỆ	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	NGUYỄN VĂN CỬ	26.100	10.440	7.830
25	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	TÔN ĐỨC THẮNG	NGUYỄN VĂN LINH	23.300	9.320	6.990
26	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN HUỆ	LÒ VÔI	18.000	7.200	5.400
	NGUYỄN VĂN CỬ	LÒ VÔI	NGUYỄN AN NINH (LƯU CHÍ HIỆU)	14.460	5.784	4.338
	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN AN NINH (LƯU CHÍ HIỆU)	PHAN CHU TRINH	14.460	5.784	4.338
27	NGUYỄN VĂN LINH	HUỲNH THỨC KHÁNG	NGUYỄN AN NINH	23.300	9.320	6.990
28	PHẠM HÙNG	TÔN ĐỨC THẮNG	NGUYỄN VĂN LINH	23.300	9.320	6.990
29	PHẠM QUỐC SẮC	VÕ THỊ SÁU	NGUYỄN VĂN LINH	23.300	9.320	6.990
30	PHẠM VĂN ĐỒNG	VŨ VĂN HIỆU	NGUYỄN AN NINH	26.100	10.440	7.830
31	PHAN CHU TRINH	NGUYỄN VĂN CỬ	VÕ THỊ SÁU	18.070	7.228	5.421

MỤC 30: BẢNG GIÁ ĐẤT ĐẶC KHU CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
32	TẠ UYÊN	HUỲNH THỨC KHÁNG	HUỲNH THỨC KHÁNG	16.270	6.508	4.881
33	TÔ HIỆU	NGUYỄN HUỆ	HỒ THANH TÔNG	23.300	9.320	6.990
34	TÔN ĐỨC THẮNG	NGÃ 4 TÔN ĐỨC THẮNG	NGUYỄN VĂN CỬ	26.100	10.440	7.830
35	TRẦN HUY LIỆU (ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI CŨ)	NGUYỄN HUỆ	NGUYỄN VĂN LINH	23.300	9.320	6.990
36	TRẦN PHÚ	VŨ VĂN HIẾU	TRẦN HUY LIỆU	23.300	9.320	6.990
37	VÕ THỊ SÁU	NGUYỄN HUỆ	ĐÀI TIẾP HÌNH (NGUYỄN VĂN LINH)	23.300	9.320	6.990
	VÕ THỊ SÁU	ĐOẠN CÒN LẠI		18.070	7.228	5.421
38	VŨ VĂN HIẾU	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	NGUYỄN VĂN LINH	23.300	9.320	6.990
39	ĐƯỜNG SONG HÀNH (SONG SONG VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ)	LÊ HỒNG PHONG	VŨ VĂN HIẾU	26.100	10.440	7.830
40	ĐƯỜNG NỘI BỘ SỐ 8 (TRẦN PHÚ)	TRẦN HUY LIỆU	TÔ HIỆU	23.300	9.320	6.990
41	ĐƯỜNG NỘI BỘ SỐ 8 (HỒ VĂN NĂM)	TÔ HIỆU	NỘI BỘ SỐ 8 (TRẦN PHÚ)	23.300	9.320	6.990
42	NGUYỄN VĂN TIẾP	NGUYỄN VĂN LINH	HỒ THANH TÔNG	14.460	5.784	4.338
43	ĐẶNG XUÂN THIỀU	NGUYỄN VĂN LINH	HỒ THANH TÔNG	14.460	5.784	4.338
44	TRẦN XUÂN ĐỘ	NGUYỄN VĂN LINH	HỒ THANH TÔNG	14.460	5.784	4.338
45	ĐƯỜNG NỘI BỘ QUY HOẠCH LÔ G(G4)	NGUYỄN VĂN LINH	GIÁP NHÀ DÂN (ĐƯỜNG CỤT)	18.426	7.370	5.528

MỤC 30: BẢNG GIÁ ĐẤT ĐẶC KHU CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
46	ĐƯỜNG VÀO BÃI ĐÀM TRÀU	CỎ ỒNG	BÃI BIÊN ĐÀM TRÀU	14.460	5.784	4.338
47	DƯỜNG VĂN MẠNH	NGÔ GIA TỰ	ĐƯỜNG SONG HÀNH	18.070	7.228	5.421
48	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN AN NINH	18.070	7.228	5.421
49	ĐƯỜNG BẾN ĐÀM 6			12.796	5.118	3.839
50	ĐƯỜNG BẾN ĐÀM 7			12.796	5.118	3.839
51	ĐƯỜNG D1 (KHU 9A)	NGUYỄN VĂN LINH	N3	23.034	9.214	6.910
52	ĐƯỜNG N1 (KHU 9A)	ĐƯỜNG D1	QUY HOẠCH PHÍA TÂY	18.070	7.228	5.421
53	ĐƯỜNG QUY HOẠCH PHÍA TÂY (TRẦN HƯNG ĐẠO)	NGUYỄN VĂN LINH	ĐIỂM CHỜ	14.394	5.758	4.318
54	LÊ VĂN LƯƠNG (NÓI DÀI)	VÕ THỊ SÁU	LÊ DUẢN	14.844	5.938	4.453
55	LÊ XUÂN TRÚ	NGUYỄN VĂN LINH	NGUYỄN HUỆ	17.544	7.018	5.263
56	LƯƠNG VĂN CÁN	NGUYỄN VĂN LINH	VÕ THỊ SÁU	15.995	6.398	4.799
57	LÝ THƯỜNG KIẾT	LƯU CHÍ HIẾU	PHAN CHU TRINH	14.460	5.784	4.338
58	MÃ THIÊN LÃNH	HUỲNH THỨC KHÁNG	VÕ VĂN KIẾT	14.460	5.784	4.338
59	NGÔ ĐỨC KẾ	VÕ THỊ SÁU	NGUYỄN VĂN LINH	15.995	6.398	4.799
60	NGUYỄN CHÍ ĐIỀU	TRẦN HUY LIỆU (ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TRỖI CỬ)	ĐƯỜNG 3/2	15.995	6.398	4.799
61	NGUYỄN HỐI	NGUYỄN VĂN CỬ	LƯU CHÍ HIẾU	19.962	7.985	5.989

MỤC 30: BẢNG GIÁ ĐẤT ĐẶC KHU CÔN ĐẢO

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT		
		TỪ	ĐẾN	ĐẤT Ở	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
62	TRƯỜNG PHÚC PHAN	VÕ THỊ SÁU	LÊ DUẬN	25.420	10.168	7.626
63	ĐƯỜNG TÂY BẮC (VÕ VĂN KIẾT)	ĐƯỜNG BẾN ĐÀM (ĐƯỜNG 30/4)	MA THIÊN LÃNH	15.995	6.398	4.799
64	DƯƠNG THANH KHIẾT (PHẠM THÀNH TRUNG)	PHAN CHU TRINH	ĐIỂM CHỜ	14.460	5.784	4.338
65	ĐƯỜNG TRỰC PHÍA BẮC TRUNG TÂM (HÙNG VƯƠNG)	NGUYỄN VĂN CỬ	ĐƯỜNG 30/4 (ĐƯỜNG BẾN ĐÀM)	20.340	8.136	6.102
66	ĐƯỜNG D5 (NGUYỄN TẮT THÀNH)	HỒ VĂN MỊCH	MA THIÊN LÃNH	14.460	5.784	4.338
67	ĐƯỜNG N1 (PHAN THÀNH TRUNG)	HÙNG VƯƠNG	NGUYỄN TẮT THÀNH	14.460	5.784	4.338
68	ĐƯỜNG N3 (NAM KỶ KHÔI NGHĨA)	HÙNG VƯƠNG	NGUYỄN TẮT THÀNH	14.460	5.784	4.338
69	ĐƯỜNG N5 (LÊ VĂN SỸ)	HÙNG VƯƠNG	NGUYỄN TẮT THÀNH	14.460	5.784	4.338
70	ĐƯỜNG PHAN CHU TRINH NÓI DÀI (MẠC THANH ĐẠM)			14.460	5.784	4.338